SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT TỈNH THANH HÓA
BAN QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN XUÂN LIÊN

ĐỀ ÁN

DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN XUÂN LIÊN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

NĂM 2020

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT TỈNH THANH HÓA
BAN QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN XUÂN LIÊN

ĐỀ ÁN
DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN XUÂN LIÊN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo tờ trình số: 53/TTr-BTXL, ngày 06/11/2020 của Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên)

Thường Xuân, ngày 06 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THANH HÓA
BAN QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN XUÂN LIÊN

Phạm Anh Tám

MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN 1
1.1. Sự cần thiết phải lập đề án 1
1.2. Căn cứ pháp lý để lập đề án 2
1.2.1. Của Trung ương 2
1.2.2. Các Nghị quyết và Nghị định của Chính phủ 2
1.2.3. Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ 3
1.2.4. Các Nghị quyết và Quyết định của tỉnh Thanh Hóa 3
1.3. Căn cứ thực tiễn đề lập đề án 4
1.3.1. Xu hướng phát triển du lịch sinh thái quốc tế và khu vực 4
1.3.2. Chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam 5
1.3.3. Hiện trạng và định hướng phát triển du lịch ở Thanh Hóa 5
1.3.4. Hiện trạng và xu hướng phát triển du lịch ở miền Tây tỉnh Thanh Hóa 7
1.3.5. Nhu cầu thực tiễn về du lịch sinh thái và tiềm năng du lịch của Khu BTTN Xuân Liên 7
1.4. Đối tượng và phạm vi thực hiện đề án 9
1.4.1. Đối tượng của đề án 9
1.4.2. Phạm vi thực hiện đề án 9
1.4.3. Thời gian thực hiện đê án 9
Phần thứ hai
HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, DU LỊCH VÀ CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG KHU BTTN XUÂN LIÊN ... 10
2.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội 10
2.1.1. Điều kiện tự nhiên 10
2.1.2. Điều kiện kinh tế-xã hội 12
2.2. Đánh giá hiện trạng tài nguyên du lịch 15
2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên 15
2.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa 17
2.3. Các hoạt động, chương trình và sản phẩm du lịch 20
2.3.1. Các loại hình, chương trình và sản phẩm du lịch 20
2.3.2. Các hoạt động du lịch ở Xuân Liên 22
2.3.3. Đánh giá các hoạt động quy hoạch Du lịch sinh thái được phê duyệt 26
2.4. Kết quả hoạt động kinh doanh, xúc tiến quảng bá du lịch 27
2.4.1. Hoạt động quảng bá về du lịch 27
2.4.2. Kết quả hoạt động kinh doanh 28
2.4.3. Một số tồn tại và hạn chế 2
2.5. Thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức và những nhiệm vụ ưu tiên 30
2.5.1. Thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức 30
2.5.2. Khả năng phát triển và nhiệm vụ ưu tiên 33
Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG KHU BTTN XUÂN LIÊN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 34
3.1. Quan điểm và định hướng 34

3.2. Mục tiêu **34**
3.2.1. Mục tiêu chung ***34***
3.2.2. Mục tiêu cụ thể ***34***
3.2.3. Các chỉ tiêu cụ thể ***35***
3.3. Dự báo các yếu tố tác động **36**
3.3.1. Chính sách ***36***
3.3.2. Vị trí địa lý ***37***
3.3.3. Điều kiện thời tiết, biến đổi khí hậu ***38***
3.3.4. Dân số và nguồn nhân lực, lao động ***38***
3.3.5. Lượng khách và nguồn khách ***40***
3.3.6. Các yếu tố về xây dựng cơ sở hạ tầng, khả năng liên kết hợp tác **40**
3.4. Thuyết minh phương án phát triển các điểm và tuyến du lịch **41**
3.4.1. Phương án phát triển điểm du lịch ***41***
3.4.2. Phương án phát triển tuyến du lịch ***53***
3.5. Địa điểm, quy mô xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái **57**
3.5.1. Quản lý xây dựng các công trình ***57***
3.5.2. Điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện kỹ thuật ***58***
3.5.3. Vị trí, quy mô xây dựng các công trình phục vụ du lịch ***59***
3.5.4. Hạ tầng kỹ thuật ***68***
3.6. Các dòng sản phẩm, loại hình, tổ chức quản lý và khai thác **70**
3.6.1. Các dòng sản phẩm du lịch ***70***
3.6.2. Dịch vụ du lịch ***73***
3.6.3. Các loại hình du lịch ***75***
3.6.4. Tổ chức khai thác và quản lý du lịch ***76***
3.6.5. Xúc tiến quảng bá du lịch ***76***
3.7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí **77**
3.7.1. Danh mục các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước ***77***
3.7.2. Danh mục các dự án đầu tư từ nguồn xã hội hóa ***82***
3.8. Các giải pháp thực hiện **85**
3.8.1. Giải pháp về quản lý bảo vệ và phát triển rừng ***85***
3.8.2. Giải pháp về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học ***86***
3.8.3. Giải pháp về ứng dụng khoa học kỹ thuật ***86***
3.8.4. Giải pháp về vốn và nguồn nhân lực ***87***
3.8.5. Các giải pháp khác ***88***
3.8.6. Dự báo tác động đến môi trường ***91***
3.9. Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái **93**
3.9.1. Quản lý nhà nước về du lịch, dịch vụ ***93***
3.9.2. Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái ***93***
3.10. Hiệu quả của đề án **94**
3.10.1. Hiệu quả kinh tế ***94***
3.10.2. Hiệu quả về xã hội ***94***
3.10.3. Hiệu quả về môi trường ***95***
Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN **96**
4.1. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên **96**
4.2. Sở Nông nghiệp và PTNT **96**
4.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch **97**

4.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư..... 97
4.5. Sở Tài chính 97
4.6. Sở Tài nguyên và Môi trường 97
4.7. Sở Xây dựng..... 97
4.8. Ủy ban nhân dân huyện Thường Xuân..... 97
4.9. Doanh nghiệp, Hiệp hội Du lịch và các tổ chức xã hội khác 98
4.10. Các xã, cộng đồng dân cư trong vùng đệm Khu bảo tồn..... 98
4.11. Bộ Chỉ huy Biên phòng Tỉnh Thanh Hóa 98
4.12. Công an tỉnh Thanh Hóa 98
4.13. Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3; các sở, ban, ngành, địa phương liên quan..... 99
Phần thứ năm
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ..... 100
5.1. Kết luận 100
5.2. Kiến nghị 100

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BTVH	Bảo tồn văn hóa
BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
BQL	Ban quản lý
BVMT	Bảo vệ môi trường
BVR	Bảo vệ rừng
ĐDSH	Đa dạng sinh học
DSVH	Di sản văn hóa
DLST	Du lịch sinh thái
DSTN	Di sản thiên nhiên
DSVHTG	Di sản văn hóa thế giới
NN&PTNN	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
NĐT	Nhà đầu tư
SPDL	Sản phẩm du lịch
SPVHDL	Sản phẩm văn hóa du lịch
SPDVDL	Sản phẩm dịch vụ du lịch
SPTN	Sản phẩm tự nhiên
SPVH	Sản phẩm văn hóa
SPDVKH	Sản phẩm dịch vụ khoa học
UBND	Ủy ban nhân dân
VQG	Vườn Quốc Gia
VHDL	Văn hóa du lịch
VHTT&DL	Văn hóa Thể thao và Du lịch
KHCN	Khoa học công nghệ
KTDL	Kinh tế du lịch
RĐD	Rừng đặc dụng
RPH	Rừng phòng hộ
RSX	Rừng sản xuất
NLXH	Nguồn lực xã hội

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Sự cần thiết phải lập đề án

Tỉnh Thanh Hoá có nhiều tiềm năng về du lịch, không những chỉ có các di sản văn hoá Quốc gia mà còn có nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đặt biệt là các giá trị tự nhiên, giá trị thiên nhiên có thể khai thác tốt để giúp phát triển du lịch. Hiện cả tỉnh có 1 Vườn quốc gia và 3 Khu bảo tồn thiên nhiên với với diện tích 81.357 ha, cùng hệ thống sông và hồ là điều kiện tốt để xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng.

Bên cạnh các vẻ đẹp tự nhiên và sự phong phú về văn hóa, sự đa dạng về các nhóm dân tộc tạo ra những giá trị văn hóa đặc trưng riêng. Các giá trị văn hóa đó kết hợp với các giá tự nhiên như rừng, núi, biển, suối, sông, hồ sẽ tạo ra những điểm du lịch có sức hút với sản phẩm du lịch đặt biệt riêng cho tỉnh Thanh Hóa và đặc biệt cho vùng miền Tây xứ Thanh.

Nhìn thấy được tiềm năng của các khu rừng đặc dụng (các Vườn quốc gia, khu bảo tồn Thiên nhiên), năm 2014 Chính phủ đã ban hành Chiến lược quản lý hệ thống rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, trong đó khuyến khích phát triển các hoạt động du lịch sinh thái trong các khu rừng đặc dụng nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị tự nhiên, tăng nguồn tài chính cho công tác bảo vệ rừng, và thúc đẩy phát triển kinh tế của cộng đồng. Cụ thể thể hơn, năm 2017 Quốc hội đã thông qua Luật Lâm nghiệp và Chính phủ ban hành Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Luật và Nghị định đã tạo ra hành langpháp lý quan trọng cho việc phát triển hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các khu rừng đặc dụng.

Khu BTTN Xuân Liên được thành lập năm 2000, có diện tích 23.815,5 ha gồm phần lớn là rừng nguyên sinh với nhiều loài động, thực vật quý, hiếm. Trong số đó có rất nhiều loài đặc hữu, các khu rừng có tiềm năng thu hút khách du lịch đến tìm hiểu như du lịch xem các loài chim, thú quý hiếm, các tuyến trải nghiệm đến các khu vực rừng nguyên sinh nơi có quần thể các cây gỗ lớn như quần thể cây di sản Pơ mu và Sa mu.

Ngoài các giá trị tự nhiên đó, Xuân Liên còn được biết đến như là mảnh đất địa linh nhân kiệt, gắn liền với nhiều di tích lịch sử trong vùng như: Khu di tích chùa Cửa Đạt và Đền Bà chúa Thượng ngàn, di tích danh nhân Cầm Bá Thước, Cầm Bá Hiển (xã Vạn Xuân), Đình làng Hồ (xã Thọ Thanh), Di chỉ khảo cổ học Hang Lù (xã Xuân Cao)...

Ngoài ra, các xã vùng đệm của Xuân Liên và vùng phụ cận cũng là nơi giàu tryền thống văn hóa, nơi có nhiều lễ hội đặc trưng như Hội thề Lũng Nhai tại xã Ngọc Phụng, lễ hội Nàng Han ở Hang Mường (Thôn Kang Khèn và Lùm

Nưa, xã Vạn Xuân), lễ hội Ca Sa, lễ hội Lau Kha, Lễ tục Xẳng Khản, lễ hội cúng rước Thành Hoàng ở Bát Mọt, Yên Nhân, Xuân Cẩm, Xuân Lẹ, Thọ Thanh, Ngọc Phụng. Đây là các di sản phi vật thể rất đặc biệt làm phong phú thêm sự trải nghiệm cho du khách khi đến với Xuân Liên.

Nhằm khai thác tiềm năng du lịch của tỉnh và nhằm có chiến lược đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, và là động lực tăng trưởng kinh tế, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Du lịch Thanh Hóa đến năm 2025 tầm nhìn 2030. Trong kế hoạch đó, ngoài việc xác định các trung tâm du lịch cấp tỉnh như cụm thành phố Thanh Hóa-Sầm Sơn- Hải Tiến; Cụm Thành Nhà Hồ-Lam Kinh-suối cá Cẩm Lương; Cụm Nghi Sơn- Bến En; Cụm Lam Kinh-Thọ Xuân-Xuân Liên. Như vậy, trong Chiến lược phát triển du lịch của tỉnh Thanh Hóa, Xuân Liên đã được định hướng trở thành một điểm du lịch cấp tỉnh nơi sẽ đem đến cho du khách những trải nghiệm về thiên nhiên, về văn hóa của đồng bào dân tộc miền núi với những sản phẩm du lịch độc đáo làm phong phú thêm các trải nghiệm cho du khách khi đến tỉnh Thanh Hóa.

Với mục tiêu khai thác tiềm năng, lợi thế về đa dạng sinh học, danh lam thắng cảnh, tín ngưỡng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc; tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân địa phương; làm cơ sở để thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển Khu BTTN Xuân Liên.Trước những đòi hỏi khách quan và cấp thiết từ thực tiễn, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ lập Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với mục tiêu chính là "Bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên; khai thác tiềm năng, lợi thế về đa dạng sinh học, danh lam thắng cảnh, tín ngưỡng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc; tạo tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân địa phương".

1.2. Căn cứ pháp lý để lập đề án

1.2.1. Của Trung ương

- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về việc phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Luật du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/06/2017; Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/06/2001, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/06/2009; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017; Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12ngày 13/11/2008.

1.2.2. Các Nghị quyết và Nghị định của Chính phủ

- Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 về một số giải pháp đẩy

mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hóa; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 67/2018/NĐ-CP, ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

1.2.3. Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030"; số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"; số 2161/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"; số 872/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

1.2.4. Các Nghị quyết và Quyết định của tỉnh Thanh Hóa

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015–2020, trong đó xác định phát triển du lịch là một trong năm chương trình trọng tâm của nhiệm kỳ; Nghị quyết số 09- NQ/TU ngày 01/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020;

- Quyết định số 290-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của ban chấp hành đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về ban hành chương trình phát triển du lịch Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình phát triển du lịch Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII;

- Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 về việc Phê duyệt "Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030";số 1554/QĐ-UBND ngày 11/05/2017 về ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;số 1985/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 về việc phê duyệt đề án phát triển sản phẩm du lịch mũi nhọn của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn 2030;số 4168/QĐ-UBND ngày 12/12/2012về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên đến năm 2020; số 1476/QĐ-UB ngày 15/6/20000 về việc thành lập Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; số 2405/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 về việc Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên đến năm 2020; số 1686/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thường Xuân; số 715/QĐ-UBND ngày

09/03/2017 về việc Phê duyệt "Đề án cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, huyện Thường Xuân"; số 1576/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề án phát triển du lịch cộng đồng huyện Thường Xuân đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 2457/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ lập Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

1.3. Căn cứ thực tiễn đề lập đề án

1.3.1. Xu hướng phát triển du lịch sinh thái quốc tế và khu vực

Theo tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO) ước tính lượng khách du lịch quốc tếnăm 2018 đạt 1.403tỷlượt, tăng khoảng 75 triệu lượt so với năm 2017 (tăng trưởng 5,6%). Du lịch thế giới đã cán đích trước 2 năm so với mức dự báo dài hạn của UNWTO (UNWTO đã đưa ra dự báo đến năm 2020, lượng khách du lịch quốc tế toàn cầu sẽ đạt 1,4 tỷ lượt). Khu vực dẫn đầu về tăng trưởng khách du lịch quốc tế đến là châu Phi (tăng 7,0%);Châu Á và Thái Bình Dương tiếp tục duy trì sự tăng trưởng ổn định ở mức 6,5%;tiếp đến là Châu Âu (tăng 6,1%); Trung Đông (tăng 3,8%);Châu Mỹ (tăng 3,1%).

Theo báo cáo của UNWTO International Tourism Highlights (2019) hoạt động du lịch thế giới tăng trưởng khoảng 3- 4% trong năm 2019, dự báo đến năm 2030 lượng khách du lịch quốc tế trên toàn cầu đạt 1,8 tỷ lượt khách. Trong đó Đông Nam Á sẽ trở thành khu vực thu hút khách quốc tế lớn thứ 4 trên thế giới. Dự kiến lượt khách trong những điểm đến mới nổi sẽ tăng với tốc độ gấp đôi so với các nền kinh tế tiên tiến (2,2%/năm); thị phần của các nền kinh tế mới nổi đến năm 2030 đạt 57%, tương đương với hơn một tỷ lượt khách du lịch quốc tế trong cùng thời gian.

Cùng với lượng khách du lịch tăng nhanh, xu hướng các loại hình du lịch đã và đang thay đổi đáng kể so với du lịch truyền thống. Đánh giá về sự lựa chọn của khách du lịch trên toàn cầu cho thấy, những loại hình du lịch thân thiện với môi trường như du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng ở các vùng tự nhiên và du lịch phục vụ nhu cầu sức khỏe, làm đẹp gắn với thiên nhiên … ngày càng được lựa chọn và ưa chuộng hơn. Theo dự báo, đến năm 2030 khách đi du lịch với mục đích thăm viếng, sức khỏe, tôn giáo sẽ chiếm 31% tổng lượng khách du lịch; khách đi du lịch với mục đích tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí chiếm 54%; khách đi du lịch với mục đích công việc và nghề nghiệp chiếm 15% *(Báo du lịch, 2019)*

Trên thực tế, ngành du lịch thế giới đang chứng kiến sự phát triển của nhiều xu hướng du lịch mới khác với các loại hình truyền thống như: tự thiết kế các chương trình cho mình, du lịch mạo hiểm, du lịch trải nghiệm thiên nhiên-văn hóa, du lịch giải trí với các thiết bị hiện đại… Trong đó xu hướng du khách sẽ quan tâm nhiều tới chất lượng trải nghiệm tại điểm đến thay vì đến thăm một cách đơn thuần, khách sẽ lưu lại nhiều ngày hơn nếu điểm đến có nhiều trải

nghiệm thú vị và ngược lại.

Do đó, chất lượng dịch vụ và sự phong phú của các sản phẩm du lịch tại một điểm đến sẽ là yếu tố quyết định tới sự phát triển của một điểm du lịch. Với sự đa dạng của các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa, Xuân Liên có thể trở thành một điểm đến quan trọng của tỉnh Thanh Hóa nếu được quy hoạch và phát triển đúng hướng và đúng quy mô.

1.3.2. Chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam

Theo Tổng cục Du lịch, năm 2019 du lịch Việt Nam đón hơn 18 triệu lượt khách quốc tế (tăng 16,2% so với năm 2018), phục vụ 85 triệu lượt khách nội địa (tăng hơn 6%) và tổng thu từ khách du lịch ước đạt 726.000 tỷ đồng (tăng 17,1% so với cùng kỳ năm 2018). Đóng góp của hoạt động du lịch trong năm 2019 cho GDP đạt 7,02%[1].

Cũng theo định hướng của Chính phủ, đến năm 2025, Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn, phấn đấu thuộc nhóm ba quốc gia dẫn đầu về phát triển du lịch trong khu vực Đông Nam Á và thuộc nhóm 50 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, trong đó tất cả 14 tiêu chí năng lực cạnh tranh du lịch đều tăng, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững. Tổng thu từ khách du lịch đạt 1.700-1.800 nghìn tỷ đồng (tương đương 77-80 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 13-14%/năm; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 12-14%; tạo ra khoảng 5,5-6 triệu việc làm, trong đó có khoảng 2 triệu việc làm trực tiếp. Năm 2025, Việt Nam phấn đấu đón được ít nhất 35 triệu lượt khách quốc tế và 120 triệu lượt khách nội địa, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ 12-14%/năm và khách nội địa từ 6-7%/năm. Đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững.Việt Nam trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, thuộc nhóm 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, đáp ứng đầy đủ yêu cầu và mục tiêu phát triển bền vững. Tổng thu từ khách du lịch đạt 3.100-3.200 nghìn tỷ đồng (tương đương 130-135 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 11-12%/năm; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 15-17%; tạo ra khoảng 8,5 triệu việc làm, trong đó có khoảng 3 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 8-9%/năm.Năm 2030, Việt Nam phấn đấu đón được ít nhất 50 triệu lượt khách quốc tế và 160 triệu lượt khách nội địa; duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ 8-10%/năm và khách nội địa từ 5-6%/năm[2].

1.3.3. Hiện trạng và định hướng phát triển du lịch ở Thanh Hóa

Trong giai đoạn 2016-2017, du lịch tỉnh Thanh Hóa đạt được nhiều kết quả khả quan.Toàn tỉnh đã đón được 13.277.000 lượt khách, trong đó khách lưu trú là 10.565.000 lượt khách, khách quốc tế ước đạt 343.500 lượt. Phục vụ được

---

[1]Thế Phi, 02/1/2020, "Hoạt động lữ hành đóng góp quan trọng vào đà tăng trưởng khách du lịch", trang web: http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/30888 truy cập ngày 8/2/2020

[2] Thủ tướng Chính phủ, 2020, Quyết định 147/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 về Phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030

23.730.000 ngày khách, trong đó có 961.000 ngày khách quốc tế. Chỉ tính riêng 2 năm 2016 - 2017, tổng thu du lịch toàn tỉnh đạt 14.298 tỷ đồng, trong đó tổng thu từ khách quốc tế đạt 85,5 triệu USD.

Cơ sở lưu trú du lịch cũng phát triển mạnh. Tính đến hết năm 2017, toàn tỉnh có 740 cơ sở lưu trú du lịch, với tổng số 26.200 buồng trong đó có 225 khách sạn được xếp hạng từ 1-5 sao. Số lao động du lịch tính đến hết năm 2017 có 24.300 lao động trực tiếp. Số lao động được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ là 18.310 người, trong đó lao động đại học trở lên là 2.070 người, lao động trình độ trung cấp là 6.690 người, lao động được đào tạo bồi dưỡng là 9550 người. Khoảng 80% hoạt động du lịch có sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Du lịch phát triển đã tạo ra chuyển biến đáng kể trong nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí của du lịch như một ngành kinh tế có đóng góp đáng kể cho xã hội. Từ đó nhiều chương trình phát triển du lịch đã được chủ động, tích cực triển khai. Kết quả, hạ tầng du lịch được cải thiện, nhiều dự án đường giao thông quan trọng, có tính chất quyết định, thúc đẩy phát triển du lịch đã và đang đóng vai trò quan trọng để thu hút một số dự án du lịch quy mô lớn. Sản phẩm du lịch biển đã được hình thành và phát triển tương đối rõ nét, khẳng định thương hiệu. Sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng bước đầu hình thành, có nhiều hướng phát triển tích cực.Các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa có thế mạnh phát triển du lịch gắn với hệ thống rừng đặc dụng rộng 81.357ha, gồm Vườn quốc gia Bến En, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông (huyện Bá Thước), Xuân Liên (huyện Thường Xuân), suối cá Cẩm Lương (huyện Cẩm Thủy) hấp dẫn du lịch sinh thái, góp phần tăng trưởng kinh tế tại địa phương.

Đến năm 2025, tỉnh Thanh Hóa xác định phát triển đồng bộ các sản phẩm du lịch mũi nhọn, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ hiện đại, hấp dẫn khách; thu hút khách du lịch và quản lý tốt sức chứa, khai thác tối đa lợi ích từ hoạt động du lịch; thúc đẩy tăng trưởng các sản phẩm khác. Đến năm 2030, sản phẩm du lịch Thanh Hóa có vị trí quan trọng trong vùng Bắc Trung Bộ và miền Bắc. Trong đó các sản phẩm mũi nhọn và các sản phẩm có thế mạnh trong phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa được xác định cụ thể như sau:

- Sản Phẩm du lịch mũi nhọn: Phát triển sản phẩm du lịch biển, đảo tại các khu du lịch trọng điểm, theo thứ tự ưu tiên Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hòa, Nam Sầm Sơn, Nghi Sơn-Đảo Mê. Xây dựng sản phẩm du lịch biển thật sự hấp dẫn, văn minh, hiện đại, sôi động, trở thành sản phẩm du lịch có quy mô, sức cạnh tranh, khả năng thu hút khách, phù hợp nhu cầu và xu hướng thị trường, có khả năng đóng góp cao cho nguồn thu về du lịch của tỉnh cũng như thúc đẩy các dòng sản phẩm du lịch khác.

- Các sản phẩm du lịch có thế mạnh: Du lịch sinh thái gắn với du lịch cộng đồng tại Pù Luông, Pù Hu, Trí Nang (huyện Lang Chánh) vườn quốc gia Bến En; Du lịch văn hóa gắn với tìm hiểu di sản tại thành nhà Hồ, Lam Kinh, Hàm Rồng; du lịch tâm linh tại đền Bà Triệu, Am Tiên, đền Sòng Sơn.

+ Các sản phẩm du lịch bổ trợ khác: Du lịch sinh thái sông, hồ, cảnh quan như du lịch Sông Mã, suối cá Cẩm Lương, Cửa Đạt, Bến En; du lịch vui chơi giải trí, du lịch làng nghề lễ hội.

Hiện trạng phát triển cũng như định hướng du lịch của tỉnh Thanh Hóa đã nhấn mạnh rất rõ các mục tiêu phát triển du lịch trong thời gian tới, trong đó nhấn mạnh phát triển các hoạt động du lịch ở miền tây tỉnh Thanh Hóa. Đối với Xuân Liên, du lịch sinh thái gắn với du lịch cộng đồng được coi như là mũi nhọn. Do đó, việc xây dựng các hoạt động du lịch sinh thái gắn với du lịch cộng đồng ở Xuân Liên cần được quy hoạch và có biện pháp phát triển phù hợp nhằm phát huy được tiềm năng và thế mạnh và nhằm góp phần tạo việc làm và thu nhập cho cộng đồng địa phương.

1.3.4. Hiện trạng và xu hướng phát triển du lịch ở miền Tây tỉnh Thanh Hóa

Trong những năm qua, các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa khởi động các hoạt động du lịch ở các huyện phía tây, trong đó các hoạt động du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn thiên nhiên được coi như một mũi nhọn. Do vậy, một số hoạt động quy hoạch và bước đầu đầu tư xây dựng hạ tầng, kỹ thuật nhằm phát triển các hoạt động DLST[3]:

- Quy hoạch chi tiết phát triển du lịch suối cá Cẩm Lương (QĐ số 2160/QĐ-UBND ngày 9/7/2014)[4];

- Quy hoạch phát triển hạ tầng du lịch Khu BTTN Pù Hu và Pù Luông giai đoạn 2008-2015 (QĐ số 220/QĐ-UBND và 221/QĐ-UBND ngày 20/1/2009);

- Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái Vườn quốc gia Bến En giai đoạn 2010–2020 (QĐ số 4775/QĐ-UBND, ngày 31-12-2009)[5];

- Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên đến năm 2020 (Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 12/12/2012);

- Quy hoạch xây dựng phát triển du lịch sinh thái vùng huyện Quan Sơn (Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 30/8/2011).

Tuy nhiên, các hoat động du lịch cũng như các sản phẩm du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn hiện nay còn rất ít, hạ tầng du lịch chưa được đầu tư thỏa đáng và bài bản. Do đó, các hoạt động du lịch mới chỉ ở mức độ quy hoạch hay khởi động ở mức ban đầu.

---

[3] Nguyễn Viết Thái, 2014, Nghiên cứu hoạt động du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại các huyện phía Tây, tỉnh Thanh Hóa, tạp chí Khoa học Thương mại, số 76/2014, tr. 30

[4]Trang web: https://vanbanphapluat.co/quyet-dinh-2160-qd-ubnd-quy-hoach-chi-tiet-xay-dung-khu-du-lich-suoi-ca-cam-luong-thanh-hoa, truy cập ngày 8/2/2020

[5]Hoàng Xuân, 2018, Bài" Vườn quốc gia Bến En: "Viên ngọc xanh" giữa đại ngàn", trang web: http://svhttdl.thanhhoa.gov.vn/di-tich-danh-thang/vuon-quoc-gia-ben-en-vien-ngoc-xanh-giua-dai-ngan-1002824 truy cập ngày 8/2/2020

Cá biệt, ở một số khu bảo tồn như Pù Luông và Xuân Liên các hoạt động du lịch sinh thái đã có một số hoạt động, tuy nhiên, các hoạt động đó chủ yếu do khối tư nhân vận hành. Một số cộng đồng dân cư cũng tham gia vào các hoạt động phục vụ khách du lịch như cung cấp các dịch vụ ăn uống, lưu trú, hướng dẫn du lịch khi thăm thôn bản và một số vùng phụ cận, vận chuyển khách du lịch... Tuy nhiên, các hoạt động mới ở mức ban đầu, chưa chuyên nghiệp, phần lớn xuất phát từ nhu cầu khách du lịch chủ động đi tham quan rồi thuê người dân hỗ trợ chứ chưa phải là hoạt động kinh doanh có kế hoạch và có đầu tư. Các hoạt động du lịch còn nghèo nàn, không có sản phẩm đặc trưng và cũng không giữ được du khách ở lại lâu. Hiện tại, các hoạt động du lịch phổ biến ở các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa là du lịch xe máy/ô tô thắng cảnh thiên nhiên, thăm các thôn bản người dân tốc thiểu số kết hợp với tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ cùng người dân bản địa.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch ở khu vực này vẫn chưa được thực hiện, nguồn nhân lực có trình độ về du lịch còn rất thiếu, hay chưa qua các khóa đào tạo cơ bản (trình độ trên đại học 1% , đại học 4%, cao đẳng 20%, trung cấp 20%, sơ cấp 17%). Đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên là người địa phương còn rất ít, số hướng dẫn viên có kiến thức về DLST hầu như không có.

Nhìn chung, hoạt động du lịch và DLST đã được đánh giá là một thế mạnh, các hoạt động quy hoạch các điểm, tuyến đã được thực hiện xong việc vận hành và phát triển các hoạt động này là chưa thực hiện, hay đang được thực hiện một cách tự phát, không bài bản. Chính vì thiếu các hoạt động lập kế hoạch, đánh giá và triển khai một cách bài bản nên hoạt động DLST mặc dù được đánh giá là tiềm năng xong hiện tại chưa thực sự đóng góp vào việc phát triển kinh tế địa phương.

Nếu được quan tâm, đầu tư và phát triển tốt, với các thế mạnh về điều kiện tự nhiên và các giá trị văn hóa truyền thống của mình, các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa bắt nhịp được vào xu thế phát triển chung của du lịch là các hoạt động du lịch gắn với thiên nhiên, gắn với bản sắc bản địa qua đó góp phần phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và gìn giữ bản sắc văn hóa của địa phương.

1.3.5. Nhu cầu thực tiễn về du lịch sinh thái và tiềm năng du lịch của Khu BTTN Xuân Liên

1.3.5.1. Sự phong phú đa dạng về tài nguyên du lịch tự nhiên

Khu BTTN Xuân Liên có vị trí địa lí tiếp giáp với khu BTTN Pù Hoạt (Nghệ An, diện tích 90.000 ha) và liền kề khu BTTN Nậm Xam (Lào, diện tích 74.000 ha) đã tạo ra một tam giác khu hệ động thực vật phong phú, đa dạng.

Hệ động, thực vật trong khu BTTN Xuân Liên rất phong phú và đa dạng có nhiều loài trong sách đỏ Việt Nam và thế giới có giá trị về khoa học và du lịch sinh thái, các loài thực vật có cây hàng ngàn năm tuổi như Pơ mu (Fokienia *hodginsii*) có cây đường kính tới 2,9m; Sa mu (*Cunninghamia lanceolata*) có

cây đường kính 3,7m; Bách Xanh (*Calocedrusmacrolepis*) đường kính 1,8m; Dẻ tùng sọc trắng (*Amentotaxusargotenia*) đường kính 1,3m ... Các loài động vật quý hiếm như Hổ, Báo, Bò tót, Gấu, Vượn đen má trắng, Gà lôi, Chim trĩ, Nai, Hoẵng ...Sự đa dạng và phong phú về động, thực vật sẽ là cơ hội rất lớn để Khu BTTN Xuân Liên tổ chức các hoạt động du lịch trải nghiệm trong tương lai như các chuyến trải nghiệm đi bộ trong rừng, ngắm suối thác...

1.3.5.2. Sự phong phú đa dạng về tài ngyên du lịch nhân văn

Có thể nói sự đa dạng tài nguyên thiên nhiên và đa dạng văn hóa của cộng đồng các dân tộc Thái-Mường ở vùng đệm khu bảo tồn đã tạo nên giá trị đặc thù, khác biệt ở Khu BTTN Xuân Liên. Đó chính là tài nguyên du lịch nhân văn vô cùng quý báu và hấp dẫn bất cứ một du khách hay nhà đầu tư nào khi đến đây.

Huyền sử về sự xuất hiện rất sớm của tộc người Thái cổ tại vùng đất Chiềng Vạn, Châu Thường và Thường Xuân ngày nay thông qua Lễ hội nàng Han, một chúa Đất-chúa Rừng đầu công nguyên ở vùng Chiềng Vạn. Chính vùng đất xã Vạn Xuân ngày nay có thể xem là trung tâm cư ngụ đầu tiên của nhóm người Thái đến vùng thung lũng trù phú của sông Đạt, sông Khao, sông Chu sinh sống. Nhiều danh nhân người Thái kế tục qua các thời kỳ như Nàng Tóc Thơm, một nữ thủ lĩnh người Thái anh hùng của Khởi nghĩa Lam Kinh. Danh nhân Cầm Bá Thước ở thời Cần Vương thế kỷ 19. Nhiều sáng tạo văn hóa truyền thống độc đáo của đồng bào dân tộc Thái đen, Thái trắng, Mường ngày nay vẫn hiện tồn như Lễ Tục Ca Sa, lễ hội Lau Kha, tục lệ Cắm Đỏi, lễ tục Xẳng Khản…

Đây là những lợi thế nhất định đối với Khu BTTN Xuân Liên cũng như các cộng đồng dân tộc Thái-Mường sống trong vùng đệm của Khu bảo tồn trong việc thúc đẩy và tổ các hoạt động du lịch trải nghiệm thiên nhiên, văn hóa.

1.4. Đối tượng và phạm vi thực hiện đề án

1.4.1. Đối tượng của đề án

Hoạt động du lịch ở Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên và các vùng phụ cận gồm vùng hồ Cửa Đạt và các xã vùng đệm.

1.4.2. Phạm vi thực hiện đề án

Đề án được thực hiện trong diện tích vũng lõi gồm 23.815,5 ha và vùng đệm của Khu BTTN Xuân Liên theo quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2020 được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 12/7/2013.

1.4.3. Thời gian thực hiện đê án

Đề án được thực hiện trong giai đoạn 2020-2025 ,tầm nhìn đến năm 2030.

Phần thứ hai

HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, DU LỊCH VÀ CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG KHU BTTN XUÂN LIÊN

2.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Khu BTTN Xuân Liên thuộc địa giới hành chính huyện Thường Xuân, cách Thành phố Thanh Hoá 65 km về hướng Tây Nam,có tọa độ địa lý: $19^0$51’52’’-$19^0$59’00’’ vĩ độ Bắc; $104^0$57’00’’-$105^0$19’20’’ kinh độ Đông.Phía Bắc được giới hạn bởi sông Khao; phía Nam giáp tỉnh Nghệ An giới hạn bởi ngọn Bù Ta Leo; phía Tây giáp tỉnh Nghệ An và phần còn lại của xã Bát Mọt;phía Đông được giới hạn bởi ngọn Bù Khang và đập Thuỷ điện Cửa Đạt.

Khu BTTN Xuân Liên có vị trí thuận lợi về giao thông có tuyến đường tỉnh lộ nối Cửa Đạt với Đường Hồ Chí Minh với chiều dài 15km vàcách cảng hàng không Thọ Xuân 28 km, rất thuận lợi để phát triển du lịch và các hoạt động phát triển khác.

2.1.1.2. Địa hình

Xuân Liên là khu vực có địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi, núi với nhiều vùng có độ đốc lớn do lịch sử kiến tạo địa chất và tạo sơn.Toàn bộ khu vực thuộc vùng núi thấp miền Trung; Dãy núi trung lưu sông Chu chạy từ Sầm Nưa (Lào) qua Thường Xuânvề đến Như Xuân, có nhiều đỉnh núi cao nổi trội trong vùng như: Bù Ta Leo ở hữu ngạn sông Chu 1.400m, Pù Gió 1.620m, Pù Hòn cao 1.208m và đỉnh cao 1.605m nằm về phía Nam bản Vịn.

Tuy vậy sự phức tạp về địa hình lại chính là thế mạnh của Xuân Liên với các núi cao và sự chia cắt của địa hình đã tạo thành các vùng thung lũng và nhiều suối, thác nước hùng vĩ, có khí hậu khác biệt đó là điều kiện để phát triển được nhiều loại hình và sản phẩm du lịch phong phú.

2.1.1.3. Khí hậu, thủy văn

Xuân Liên có kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh đặc trưng của miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa.

- *Nhiệt độ:* Nhiệt độ không khí trung bình năm 23- 24^{0}C, nhiệt độ trung bình tháng 1 là 15,5-16,5^{0}C, nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối xuống đến 2^{0}C. Nhiệt độ trung bình tháng 7 là 27- 28^{0}C, nhiệt độ cao nhất tuyệt đối chưa quá 40^{0}C.

- *Độ ẩm:* Độ ẩm không khí trung bình năm 85-86%, tháng có độ ẩm cao nhất là tháng 4 khoảng 91%, tháng thấp nhất là tháng 11 và 12 từ 80-83%. Mùa đông có sương muối từ 5-7 ngày.

- *Lượng mưa:* Lượng mưa trong năm là 2000- 2200 mm, phân bố mưa trong năm không đều, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm từ 60-

80% tổng lượng mưa cả năm. Các tháng có lượng mưa lớn nhất từ tháng 7 đến tháng 9 thường gây lũ lụt cục bộ. Các tháng có lượng mưa thấp nhất từ tháng 12 tới tháng 2 năm sau, thường gây hạn hán.

- *Nắng:* Do sự ảnh hưởng của địa hình nên số ngày nắng trong khu vực có sự thay đổi theo vùng. Số ngày nắng ở vùng thấp từ 235-245 ngày, vùng cao từ 215-216 ngày.

- *Gió:* Có 2 hướng gió chính là gió mùa Đông Bắc từ tháng 10 đến tháng 04 năm sau và gió mùa Đông Nam từ tháng 4 đến tháng 9. Ngoài ra, còn có gió Tây khô nóng xen kẽ với gió mùa Đông Nam. Gió Tây khô nóng thường xuất hiện vào tháng 5,6,7 tập trung vào các thung lũng và vùng thấp. Gió thịnh hành là gió Đông Nam có tốc độ trung bình 1,8 m/s. Song có gió khô nóng vào đầu mùa hạ (từ 20-30 ngày), gió cực đại đạt tới 39 m/s gây bão (tập trung vào tháng 9).

Bảng 1.Chỉ tiêu khí hậu sinh học đối với con người[6]

TT	Ý nghĩa	Nhiệt độ TB năm (0C)	Nhiệt độ TB tháng (0C)	Biên độ nhiệt của t0 TB năm	Lượng mưa năm (mm)
1	Thích nghi	18-24	24-27	<60	1250-1990
2	Khá thích nghi	24-27	27-29	6-80	1990-2550
3	Nóng	27-29	29-32	8-140	>2550
4	Rất nóng	29-32	32-35	14-190	<1250
5	Không thích nghi	>32	>35	>190	<650

Đối chiếu các chỉ tiêu khí hậu trong Bảng 1 cho thấy khí hậu của Xuân Liên, rất thích hợp với việc tổ chức các hoạt động du lịch, đặc biệt phù hợp vào các tháng 5, 6, 7 và 12, 01, 02 là những thời điểm mà du khách có thể có các trải nghiệm về sự mát mẻ của hè và khí lạnh sâu vào mùa đông vùng miền núi cao.

- *Thủy văn:* Xuân Liên là vùng đầu nguồn của Sông Khao, một phần Sông Đạt và Sông Chu và có hồ chứa nước Cửa Đạt với diện tích ngập nước theo thiết kế nằm trong lòng Khu bảo tồn là 2.828,6 ha. Cửa Đạt là một trong những hồ nước lớn ở Việt Nam nằm ở vùng miền núi với phần lớn hồ được bao quanh bởi cảnh quan tự nhiên của khu bảo tồn; Sự xem kẽ giữa nước, núi và rừng đã tạo ra một vùng cảnh quan hữu tình, thơ mộng làm một nguồn tài nguyên du lịch rất đặc biệt cho Xuân Liên nói riêng và cho huyện Thường Xuân nói chung. Hiện nay, Xuân Liên đã tổ chức một số hoạt động du lịch khai thác giá trị cảnh quan của vùng lòng hồ Cửa Đạt như du thuyền ngắm cảnh hồvà ngược dòng sông Chu, phục vụ ăn uống tại khu nhà nổi ở bến thuyền Cửa Đạt để thưởng thức các nét văn hóa ẩm thực của người Thái với sản phẩm chính là cá và thủy sản của hồ.

2.1.1.4. Hiện trạng tài nguyên rừng

[6]*Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995-2010, Tổng cục Du lịch, tr. 40*

Trong Khu BTTN Xuân Liên hiện nay có một số hiện trạng sau:

- Rừng giàu: Diện tích: 1.976,5 ha, chiếm 8,20% tổng diện tích, các loài thực vật chủ yếu là Giổi thơm, Re, Pơ Mu, Samu, Sao mặt quỷ, Côm Tầng… độ tàn che từ 0,7- 0,8; chiều cao trung bình đạt 18-25 m; đường kính bình quân từ 25-150 cm; trữ lượng trung bình từ 200-250 m3/ha. Đặc biệt nơi đây có các loài cây Hạt trần, có quần thể cổ thụ như: Sa mu đường kính đến 3,7m, Pơ mu 2,9 m.

- Rừng trung bình: Diện tích 3.317,1 ha, chiếm 13,93% tổng diện tích, rừng có cấu trúc 4-5 tầng; độ tàn che từ 0,6-0,8; chiều cao trung bình đạt 18-20 m; đường kính trung bình từ 20-25 cm; trữ lượng bình quân từ 150-180 m3/ha. Trạng thái này tập trung các loài ưu thế riêng biệt như: Dẻ, Re, Sao mặt quỷ, Lát, Gội, Giổi, Sồi, Sến;

- Rừng nghèo: Diện tích 1.647,5 ha, chiếm 6,91% tổng diện tích, trạng thái rừng này hầu hết ở trên một số đỉnh giông ven các bờ suối. Rừng có cấu trúc 2-4 tầng; độ tàn che từ 0,4-0,6; chiều cao trung bình đạt 9-11m; đường kính trung bình từ 12-14 cm; trữ lượng trung bình từ 80- 90 m^3/ha. Thực vật chủ yếu là: Ràng Ràng Xanh, Sấu, Gội, Quếch…Dưới tán rừng nhiều dây leo, bụi;

- Rừng gỗ tự nhiên phục hồi: Diện tích: 10.165,0 ha, chiếm41,11% tổng diện tích.Đây là trạng thái rừng được hình thành sau nương rẫy và sau khai thác, rừng có cấu trúc 2-3 tầng, độ tàn che từ 0,3-0,5; chiều cao cây phổ biến từ 7-11m; đường kính trung bình 12-16 cm; trữ lượng bình quân: 30-40m^3/ha.Thực vật chủ yếu gồm: Giẻ, Re, Thẩu Tấu, Sau sau, Chẹo…;

- Rừng hỗn giao: Diện tích 5.264,6 ha, chiếm 21,28% tổng diện tích, là loại rừng hỗn giao giữa Gỗ+Nứa, độ tàn che 0,6%, đường kính cây gỗ bình quân 25 cm, chiều cao 15-17 m, mật độ cây gỗ 100-200 cây/ha, trữ lượng bình quân 150 m3/ha mật độ tre, nứa khoảng 8.000- 8500 cây/ha;

- Rừng Tre, Nứa thuần loài: Diện tích 152.3 ha, chiếm tỉ lệ 0,61% tổng diện tích,mật độ Tre, Nứa khoảng 12.000 cây/ha.

2.1.2. Điều kiện kinh tế-xã hội

2.1.2.1. Phát triển kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc vùng đệm khu BTTN Xuân Liên 3 năm (2015-2018) đạt 10,5%, Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cơ cấu ngành lâm nghiệp, công nghiệp-xây dựng, dịch vụ- thương mại. Trong đó giá trị sản xuất ngành Lâm nghiệp chiếm tỷ trọng cao. Các hoạt động lâm nghiệp bao gồm bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng kinh tế, rừng phòng hộ. Các hoạt động này đóng góp 41% tổng giá trị sản xuất của các xã vùng đệm. Các ngành thương mại và dịch vụ như chế biến nông sản, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, các hoạt động buôn bán nhỏ ... đã được phát triển, tuy nhiên còn nhỏ lẻ và manh mún, chưa tạo ra các sản phẩm chủ lực.

2.1.2.2.Dân số, dân tộc, lao động và nguồn nhân lực

Dân số và lao động 5 xã, thị trấn vùng đệm của khu BTTN Xuân Liên

có26.096 người/5.833 hộ trong độ tuổi lao động, chiếm tỷ lệ 51,85 % tổng dân số, ngành nghề chủ yếu là lĩnh vực nông, lâm nghiệp (chiếm gần 94%) và chưa qua đào tạo nghề.

Phân bố dân cư và dân tộc: Dân cư phân bố không đồng đều giữa các vùng, với 3 dân tộc anh em cùng sinh sống xen kẽ gồm: dân tộc Thái chiếm (82,3%), dân tộc Kinh chiếm (17,45%), còn lại là dân tộc Mường[7]. Các nhóm dân tộc đã có quá trình cộng cư lâu đời giao lưu cả về kinh tế, văn hoá và hôn nhân, nhưng vẫn có những nét đặc trưng riêng về văn hoá và truyền thống. Đây cũng là nét đặc trưng về văn hóa và cũng là một nguồn tài nguyên du lịch quan trọng giúp cho việc xây dựng và phát huy được các sản phẩm du lịch đặc sắc cho Xuân Liên nói riêng và Thường Xuân nói chung trong thời gian tới.

Bảng 2. Dân số, lao động các xã vùng đệm Khu BTTN Xuân Liên[8]

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số hộ	Nhân khẩu				Lao động		
			Tổng	Thái	Kinh	Mường	Tổng	Nam	Nữ
1	Xã Bát Mọt	712	3.436	2.829	600	7	1.546	757	789
2	Xã Yên Nhân	1.077	4.879	4.017	851	11	2.228	1.008	1.220
3	Xã Lương Sơn	1.919	8.468	6.972	1.478	18	5.051	2273	2.778
4	Xã Xuân Cẩm	880	3.895	3.206	680	9	1.876	896	980
5	Xã Vạn Xuân	1.245	5.418	4.461	945	12	2.830	1.358	1.472
Tổng cộng		**5.833**	**26.096**	**21.485**	**4.554**	**57**	**13.531**	**6.292**	**7.239**

2.1.2.3.*Cơ sở hạ tầng*

Hệ thống giao thông đường bộ: Giao thông đi lại ở khu bảo tồn tương đối thuận lợi. Các thôn, xã của khu bảo tồn có thể được tiếp cận khá dễ dàng bằng hệ thống đường giao thông đã dải nhựa hoặc bê tông hóa. Từ Xuân Liên và Thường Xuân đi Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt và huyện Quế Phong tỉnh Nghệ An tương đối thuận lợi bằng hệ thống đường rải nhựa đi men theo hồ Cửa Đạt và xuyên qua rừng Xuân Liên. Từ hồ Cửa Đạt cũng có tuyến đường nhựa đi tới các Xã Yên Nhân, Bát Mọt và các điểm du lịch khác trong khu bảo tồn như thác Thiên Thủy, hồ Hón Can cũng tương đối thuận lợi.

Hệ thống trục giao thông chính chạy qua các xã vùng đệm Khu BTTN có tỉnh lộ 507 từ thị trấn Thường Xuân đi qua các xã Lương Sơn, Yên Nhân, Bát Mọt với chiều dài 70 km, kết cấu đường nhựa và bê tông tốt và ổn định. Tỉnh lộ mới 519 từ thị trấn Thường Xuân đi đến xã Vạn Xuân dài 29 km kết cấu đường nhựa. Tỉnh lộtây Thanh Hóa từ huyện Lang Chánh qua xã Yên Nhân tới huyện Quế Phong, Nghệ An, với chiều dài 26 km kết cấu đường nhựa có chất lượng

[7]*Niêm giám thống kê huyện Thường Xuân năm 2018*

[8]*Niêm giám thống kê huyện Thường Xuân năm 2018*

tốt, đi qua vùng ven hồ và rừng nguyên sinh có cảnh qua tương đối đẹp và hấp dẫn.

Hệ thống đường thủy nội địa trên hồ Cửa Đạt cũng tương đối thuận lợi. Tuyến đường thủy xuất phát từ bến thuyền Cửa Đạt đi vùng sông Khao và Nghệ An và đập phụ Hón Can cũng rất thuận tiện, có thể di chuyển cả trong bốn mùa với chiều dài 43km.

Hệ thống cấp điện: Hệ thống điện đã được lắp đặt, đi qua địa bàn các thôn, thuộc 5 xã, thị trấn vùng đệm, trong đó các điểm thôn Vịn, xã Bát Mọt; thôn Hang Cáu, xã Vạn Xuân, thị trấn Cửa Đạt; thị trấn Thường Xuân đã được đầu tư trạm biến áp. Về cơ bản, hệ thống điện tương đối tốt và đến được các xã và thôn trong khu bảo tồn, đây cũng là một điểm mạnh của Xuân Liên nếu phát triển các hoạt động du lịch.

Hệ thống thông tin liên lạc: Hiện trạng có 12 cột thu, phát sóng viễn thông đã lắp đặt ở các xã vùng đệm của Khu bảo tồn. Trong đó, có 4 cột sóng (cột sóng tại thôn Tiến Sơn 2, cột tại vườn thực vật, cột sóng tại khu đô thị Cửa Đạt và cột sóng tại đập chính Cửa Đạt) có khả năng phủ sóng cho khu Trung tâm đón tiếp khách, bến thuyền Cửa Đạt, Vườn thực vật, trạm kiểm lâm sông Khao, trạm kiểm lâm Hón Can. Khu vực xã Bát Mọt là điểm xa nhất và giáp biên giới thì việc liên lạc bằng điện thoại di động cũng tương đối dễ dàng.Hệ thống internet hiện được lắp tới các xã.Về cơ bản thông tin liên lạc di động của Xuân Liên hiện tại rất thuận lợi, ở các thôn đều có sóng di động và sử dụng 3G tương đối dễ dàng.

Hệ thống cấp nước: hiện nay, nước sạch chỉ có ở khu vực thị trấn. Đối với các xã, thôn và trạm Kiểm lâm thì nước sinh hoạt sử dụng chủ yếu vẫn là nước mặt, kéo ống từ các suối hoặc bơm lên từ các sông, chưa qua xử lý. Tuy nhiên đây là vùng đầu nguồn nên nước từ các suối đều có chất lượng tốt, không bị cứng hoặc ô nhiễm từ các hoạt động của con người.

Y tế: hiện tại tại tác xã vùng đệm của Xuân Liên có 05 trạm y tế cấp xã tại Yên Nhân, Lương Sơn, Vạn Xuân, thị trấn Thường Xuân và trạm y tế Cửa Đạt và 01 Phân viện tại xã vùng cao Bát Mọt.Ngoài ra có bệnh viện tuyến huyện ở thị trấn Thường Xuân.Với số lượng các trạm y tế và cơ sở y tế tuyến huyện như vậy là một thế mạnh tốt giúp đảm bảo các điều kiện chăm sóc y tế cơ bản cho các hoạt động phát triển du lịch và dịch vụ sau này.

Văn hóa, giáo dục và đào tạo: Trong vùng đệm Khu bảo tồn có 01 trường dạy nghề; 05 trường trung học cơ sở, 11 trường tiểu học, 22 trường mầm non. Tổng số học sinh là 5 200 học sinh. Phần lớn đồng bào trong vùng đều biết đọc biết viết, số người mù chữ chiếm tỉ lệ rất nhỏ khoảng 2%. Trong khi đó, trường dạy nghề sẽ rất thuận lợi cho việc liên kết đào tạo, tập huấn trung hạn, ngắn hạn tại chỗ cho nhân dân về kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp, làm nghề dịch vụ, các kỹ năng tham gia các hoạt động du lịch sinh thái, ….

Nhìn chung, hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống của người dân cơ bản là đạt yêu cầu. Hệ thống này cũng là điều kiện tốt giúp đảm bảo các

chăm sóc y tế cơ bản cho khách du lịch ở địa phương trong thời gian tới.

2.2. Đánh giá hiện trạng tài nguyên du lịch

2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

2.2.1.1.Giá trị cảnh quan thiên nhiên phát triển du lịch

So với các khu rừng đặc dụng khác trong tỉnh Thanh Hóa, Khu BTTN Xuân Liên được thiên nhiên ưu đãi với nhiều cảnh quan tự nhiên nổi bật có giá trị du lịch cao mà các khu vực khác không có như:

a) Hệ thống hồ và hệ thủy: Xuân Liên có hệ thống thủy tương đối đa dạng với nhiều điểm đặc sắc như hệ thống các sông Chu, sông Khao cũng hệ suối lớn như Hón Mong, Hón Can. Trong đó nổi bật nhất là 2 hồ lớn là hồ Cửa Đạt và hồ Hón Can.

- Hồ Cửa Đạt là hồ thủy lợi, kết hợp với thủy điện là một trong những công trình được đánh giá đồ sộ, hiện đại nhất của ngành thuỷ lợi Việt Nam.Hồ Cửa Đạt gồm có hai đập điều tiết là đập phụ Hón Can và Dốc Cáy.Hồ nằm ở vùng hợp lưu của hai con sông là Sông Chu và Sông Khao có lưu lượng dòng chảy lớn tạo thành một vùng mặt nước với gần 3000ha xem giữa núi rừng tạo ra một vùng cảnh quan đẹp khó có nơi nào có được. Bên dưới hồ Cửa Đạt là Hồ Xuân Minh rộng lớn chảy dài từ Cửa Đạt đến Thị trấn Thường Xuân.

- Hồ Hón Can là hồ điều tiết nước của hồ Cửa Đạt với diện tích 50ha nằm giữa rừng. Tuy không phải là hồ lớn nhưng lại có giá trị cảnh quan đẹp, nằm ở chân núi Pù Gió, đường vào chân thác Thiên Thủy và gần với một số bản người Thái và rừng tự nhiên tạo cho hồ một vùng cảnh quan đẹp giữa sự bình yên và hùng vĩ của núi rừng.

b) Hệ suối và thác tự nhiên: Do là vùng có địa hình phức tạp với nhiều núi cao và thung lũng hẹp đã tạo cho Xuân Liên một hệ suối dày đặc với nhiều thác nước đẹp và suối lớn có nước quanh năm là một nguồn tài nguyên du lịch quan trọng và cũng là những khu vực tạo ra các sản phẩm du lịch đặc sắc của Xuân Liên.

- Thác Thiên Thủy, trước đây được gọi là thác Mù do thác có độ chênh cao lớn khi chảy xuống tạo thành một vùng mây do hơi nước tạo nên. Thác Thiên Thủy là một quần thể gồm 4 thác nước nằm gối lên nhau bung nước xuống từ những đỉnh núi của dãy Pù Ta Leo có độ cao trên 1.400m so với mặt nước biển, tầng cao nhất của thác cáchlòng suối đến 500m, từ xa có thể nhìn thấy thác như một sợi dây bạc giữa đại ngàn xanh thẳm. Thác Thiên Thủy có thế tiếp cận được tương đối thuận lợi từ khu vưc Hón Can. Hiện tại, đã có đường bê tông đến gần khu vực thác với hệ thống công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, nhà lưu trú tạm trong rừng, bãi đỗ xe và hệ thống biển hướng dẫn. Thác Thiên Thủy là một điểm nhấn quan trọng đối với hoạt động du lịch trong Khu bảo tồn.

- Thác Hón Yên cũng là một trong những thác nước lớn và đẹp nằm trong Khu bảo tồn. Thác bắt nguồn từ các con suối trên đỉnh Pù Gió có độ cao1.620m. Thác gồm nhiều tầng, tầng thác trên đổ vào tầng thác dưới trước khi đổ vào hồ

Cửa Đạt. Xung quanh thác Yên còn có quần thể thực vật nguyên sinh, có nhiều khu vực có thể ngắm ra một vùng xa như đứng trên các tầng mây.Thác HónYên là điểm nhấn quan trọng đối với hoạt động du lịch ở Xuân Liên.

- Ngoài hai thác chính trên, trong khu bảo tồn còn có các hệ thống thác nước khác như thác Cánh Mạ, thác Mưa phùn, thác Tiên nằm trên địa bàn thị trấn Thường Xuân và Bát Mọt. Đây cũng là các thác nước đẹp góp phần tạo ra một hệ thủy và thác nước đa dạng trong Khu bảo tồn. Các thác này cũng sẽ là các điểm đến bổ trợ cho các thác chính hoặc danh cho các hoạt động du lịch với nhóm nhỏ ưa khám phá ở các khu vực tĩnh mịch nơi có những nét hoang sơ của tự nhiên.

c) Hệ thống các đỉnh núi cao: Hệ thống các đỉnh núi cao và các dải núi dài cũng là đặc điểm rất đặc trưng của Xuân Liên. Dãy núi trung lưu sông Chu chạy từ Sầm Nưa (Lào) qua Thường Xuân về đến Như Xuân, có nhiều đỉnh núi cao như Pù Ta Leo ở hữu ngạn sông Chu cao 1.400m, Pù Gió cao 1.620m, Pù Hòn Cao 1.208m, Pat Xa voi 1.200. Đây là những đỉnh núi cao nhất ở khu vực này, từ các đỉnh núi đó có thể nhìn toàn bộ hồ thủy điện Bản Hủa Na và Hồ Đạt. Với độ cao đó khu vực đỉnh núi là những nơi có tiểu khí hậu rất đặc biệt luôn mát mẻ với các hệ sinh thái rừng trên núi cao với các loài thực vật cổ sinh gồm cả những loài cho hoa đẹp như Đỗ quyên, các loàiLan, các đỉnh núi này sẽ là nơi rất thích hợp để phát triển du lịch dành cho những người thích khám phá các độ cao hay những khu vực hoang sơ ít người đặt chân đến.

d) Hệ thống hang động

- Bên cạnh các hệ thống sông, hồ và núi cao, hệ thống hang động cũng là một điểm nhấn của Xuân Liên. Với nhiều khu vực núi đá vôi đã tạo cho Xuân Liên một hệ thống các hang động đa dạng có độ dài và rộng khác nhau và nằm ở nhiều khu vực trong Khu bảo tồn như hang Dơi, hang Cáu, hang Tình, hang Quan, hang Vua, hang Ruộng thuộc các xã Yên Nhân, Bát Mọt.

- Hệ thống hang động đó kết hợp với các thắng cảnh tự nhiên khác sẽ tạo ra được một hệ thống các điểm và tuyến du lịch đặc sắc giúp người tham gia có nhiều sự trải nghiệm thú vị. Hệ thống hang động cũng là các điểm tiềm năng để phát triển các sản phẩm du lịch mạo hiểm du lịch khám phá rất hấp dẫn với các nhóm du khách có thu nhập cao, muốn có sự trải nghiệm đặc biệt khi đến với Xuân Liên.

2.2.1.2.Các giá trị về đa dạng sinh học

- Xuân Liên được đanh giá là một trong các khu rừng đặc dụng có giá trị đa dạng sinh học cao nhất ở Việt Nam. Các nghiên cứu ở Khu bảo tồn đã xác định được 1.142 loài thực vật bậc cao có mạch, thuộc 620 chi, 180 họ, trong đó nhiều loài trong sách đỏ Việt Nam và Sách đỏ IUCN trong đó có các loại cây hàng nghìn năm tuổi được công nhận là cây di sản như Pơ mu (*Fokienia hodginsii*) có cây đường kính tới 2,9 m; Sa mu dầu (*Cunninghamia konishii*)có cây đường kính 3,7m; Bách xanh (*Calocedrusmacrolepis*) đường kính1,8m; Dẻ Tùng sọc trắng (*Amentotaxusargotenia*) đường kính 1,3m; Thông

nàng(*Dacrycarpus imbricatus*) đường kính 1,5m. Với quần thể các cây cổ thụ như vậy sẽ là các điểm nhấn quan trọng đối với hoạt động du lịchsinh thái hay du lịch nghiên cứu ở Xuân Liên, đặc biệt đối với những du khách thích khám phá thiên nhiên, tìm hiểu về thực vật và cổ sinh.

- Hệ động vật của Xuân Liên cũng không kém phần da dạng, hiện đã thống kê được ít nhất 1.631 loài động vật thuộc 209 họ, 38 bộ, trong đó có nhiều loài trong sách đỏ Việt Nam và thế giới. Chỉ riêng khu hệ chim hiện đã thống kê được192 loài thuộc 41 họ, 15 bộ với 10 loài có tên trong sách đỏ Việt Nam và thế giới; khu hệ bò sát có 41 loài thuộc 11 họ, 2 bộ với 15 loài có tên trong sách đỏ Việt Nam và thế giới; khu hệ Ếch nhái có 36 loài thuộc 7 họ, 2 bộ; khu hệ Côn trùng có 1.282 loài thuộc 124 họ, 10 bộ. Đặc biệt khu BTTN Xuân Liên còn tồn tại nhiều quần thể thú lớn quí, hiếm rất có giá trị cho khoa học, và cũng là nhóm loài hấp dẫn khách tham quan điển hình là các loài thú linh trưởng như Vượn đen má trắng (*Nomacus leucogenys*), Voọc xám (*Trachypithecus phayrei*), cũng các loài thú ăn thịt trong họ mèo. Trong thời gian gần đây, du lịch xem chim và xem các loài thú hiểm đang tăng trưởng đột biến ở Việt Nam và đem lại rất nhiều nguồn thu cho những người cung ứng dịch vụ du lịch này. Với khu hệ chim và thú đa dạng với nhiều loài đặc biệt như thế, nếu phát triển tốt loại hình du lịch này có thể đem lại các nguồn thu nhập quan trọng cho Xuân Liên và cho cộng động tham gia hỗ trợ các hoạt động du lịch này.

2.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa

Các xã vùng đệm củakhu BTTN Xuân Liên là các xác có truyền thống lâu đời với nhiều truyền thống và nét văn hóa đặc trưng của các cộng đồng người Thái, Mường, Kinh. Trong đó nổi trội nhất là các nét văn hóa và phong tục của cộng đồng người thái của vùng Tây Thanh - Nghệ.

2.2.2.1.Tài nguyên văn hóa phi vật thể

- Kiến trúc nhà sàn người Thái là một trong những nét đặc trưng nhất của người thái so với các nhóm dân tộc khác. Nhà sàn người Thái thường có các dạng: (1) dạng nhà cổ truyền là nhà có đà (hườn khang) hay còn gọi là nhà kim may (hườn kim may); (2) dạng nhà quá giang cột chôn, cột vẫn chôn nhưng không có ngoãm (hoặc rất ít dùng), đà dưới và đà trên đã mất; (3) dạng thứ ba là nhà kê hai hàng cột có quá giang (hườn kê khứ); (4) dạng nhà thứ tư là nhà kê hạ (hươn kè hạ) dạng nhà này mới du nhập, nó gần giống với ngôi nhà của người Mường. Về kết cấu mái nhà, trên đòn tay (pe) còn có lớp rui (con). Pe nằm song song với đòn nóc, rui (con) lại song song với vì kèo, nhà thường làm số gian lẻ (3, 5, 7)và có hai cầu thang đóng liền vào sàn nhà (phía trước và sau nhà). So với nhà sàn của người Mường, các nhà sàn của người thái có diện tích rộng hơn, các loại gỗ được chọn để làm nhà cũng tố vaft và cầu kỳ hơn các ngôi nhà sàn và bản người thái ở dọc theo các dòng suối lớn và các vùng cấy lúa nước là một nét rất đặc trưng của vùng miền núi Tây Thanh-Nghệ và đây cũng là những điều kiện tốt để tạo ra các các sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc ở Xuân Liên.

- Văn hóa ẩm thực của cộng đồng người Thái: Từ xa xưa, người Thái có

kinh nghiệm lập mường, lập bản dọc theo các con sông, suối thuận lợi cho canh tác nông nghiệp phát triển. Người Thái chủ yếu làm ruộng nước, nhất là những thung lũng lớn. Lương thực chính của họ là gạo nếp và các sản phẩm từ lúa nếp như Xôi, các loại bánh, đặc biệt là món Xôi ngũ sắc là một sản phẩm không thể thiếu trong các dịp lễ của người Thái. Đồ ăn của người Thái phần lớn lấy từ thiên nhiên và sử dụng nguyên liệu từ thiên nhiên để chế biến như các loại Cá suối, Rau rừng, gia vị từ cây, quả rừng được dùng để chế biến các món ăn mang đặc trưng hương vị của người Thái.

- Trang phục của cộng đồng người Thái: Trang phục lao động thường ngày của người Thái không cầu kỳ mà chủ yếu là bền, sạch. Nhưng trong nghi lễ và các lễ hội, ngày tết, ngày cưới, hỏi trang phục mặc của người Thái rất cầu kỳ, tinh xảo.Đặc trưng nhất có lẽ là các bộ váy và áo với hàng cúc bướm rất đặc trưng của cộng đồng người Thái.

- Tôn giáo tín ngưỡng: Người Thái có tín ngưỡng "vạn vật hữu linh", mọi công việc trong đời sống hàng ngày đều phải được xin phép thần linh, nhất là các hoạt động lập bản, làm nhà, lập gia đình, khai phá ruộng, phát nương, đánh cá, săn thú đều phải xin phép. Tuy nhiên, các tục cũng, lễ cũng không cầu kỳ và rườm rà.

- Các xã vùng đệm của Xuân Liên và vùng phụ cận cũng còn lưu giữ và duy trì nhiều lễ hội, tục lệ, văn hóa nghệ thuật, đặc biệt là các tục lệ và lễ hội của của người Thái tạo nên các nét văn hóa rất đặc trưng như:

+ Lễ hội Lũng Nhai: là lễ hội điễn ra ở đền Lũng Nhai xã Ngọc Phụng. Lễ hội phục dựng lại Hội thề của19nghĩa sĩ, huynh đệ của Bình Định vương Lê Lợi. Nơi diễn ra hội thề là một hang lưng chừng núi, là một hang đá như một vòm mái che cho 19 viên tướng là linh hồn của Khởi nghĩa Lam Sơn.

+ Lễ hội Nàng Han (Lùm Nưa và Kang Khèn xã Vạn Xuân). Đây là một lễ hội rất cổ xưa, tương truyền có từ đầu công nguyên, khi tộc người Thái trên đường di cư xuống phía Nam. Tại vùng đất Trịnh Vạn- Châu Thường xuất hiện 2 huyền sử: Di tích Nàng Tóc thơm, nữ tướng tộc người Thái anh hùng của nghĩa quân Lam Sơn và huyền thoại Nàng Han chúa Đất, chúa Rừng từ thuở sinh thời người Thái có mặt ở vùng đất Tây nam Thanh Hóa.

+ Lễ hội Sắc bùa của dân tộc Mường ở thị trấn Thường Xuân, xã Lương Sơn được tổ chức thường xuyên vào đầu tháng 12 âm lịch hàng năm. Lễ hội Sắc bùa là một loại hình xướng dân gian của dân tộc Mường đi kèm với một số nghi lễ cầu mong năm mới phát tài, mùa màng bội thu, mọi người đều khỏe mạnh, may mắn.

+ Tục lệ Cẳm Đỏi (Tày Mường/Dọ) xã Vạn Xuân: Theo nghĩa tiếng Thái cẳm có nghĩa là kiêng kị, đỏi là một thuật ngữ văn hóa tâm linh chỉ tư thế người chết nằm trong quan tài. Cẳm đỏi nghĩa đen là kiêng kị đang có người chết (ở đây là Pò Thẻn Phạ/ Bổn Then chủ mường trời) chưa làm ma chôn cất.

+ Tục lệ Lau Kha (Tày Mười) xã Vạn Xuân: Cùng chung truyền thuyết với tục lệ Cẳm Đỏi, sau khi nhóm Tày Mường- Dọ chăm lo phục dịch xong công

việc làm ma thì việc chôn cất được bàn giao lại cho nhóm Tày Mười. Công việc của giai đoạn này là: chặt cây làm nhà mồ, dựng nhà, đan liếp che phên, cắt lau, cỏ tranh đánh thành hom để lập nhà mồ. Khi làm nhà mồ xong tổ chức "tiệc" cho nhà trời "mừng nhà mới" (kể cả người bình thường khi mất cũng có lễ này) nên bữa cơm cúng mới có tên là Lau Kha.

+ Lễ tục Ế Xa (cá xa, chá một) xã Vạn Xuân: Do các bà mo Một đứng ra tổ chức để được công nhận mo Một và các cấp bậc mà mo Một có thể đạt tới (cúng trong bản, cúng trong mường, cúng toàn vùng), cũng như để bày tỏ sự tưởng nhớ, sự cảm ơn "tổ sư Một" (phỉ Một) và cảm ơn các "phi" (ma, cũng có khi là thần linh) khác đã giúp mo Một trong quá trình "hành nghề" của bà Một.

+ Lễ tục Xẳng Khản xã Vạn Xuân: có nơi gọi là lễ hội Chá Mùn do các ông Mo Môn tổ chức.Theo nghĩa đen của tiếng Thái thì "xẳng" là "đóng lại", "khản" là "bịt lại, hàn lại" một vật nào đó. Xẳng Khản là lễ tục bắt buộc để được công nhận là mo môn và các cấp bậc mà mo môn có thể đạt tới, cũng như để "bày tỏ sự tưởng nhớ, sự cảm ơn "tổ sư Môn" (Phi Môn) và cảm ơn các "Phi" (thần) khác đã giúp mo môn trong quá trình hành nghề" của họ.

2.2.2.2. Tài nguyên văn hóa vật thể

Ngoài các tài nguyên văn hóa phi vật thể, ở các xã vùng đệm của Xuân Liên cũng có rất nhiều các tài nguyên văn hóa khác đặc trưng cho đời sống của cộng động và địa phương nơi đây. Tài nguyên này cũng là các nét văn hóa đặc trưng có thể hỗ trợ rất tốt cho việc phát triển du lịch cũng như đa dạng hóa các sản phẩm du lịch làm tăng sức hút của Xuân Liên so với các khu vực khác.

- Khu di tích Cửa Đạt: Đền Cầm Bá Thước và đền Bà Chúa Thượng ngàn, đền được xếp hạng di tích cấp tỉnh, là nơi thờ Cầm Bá Thước một trong những thủ lĩnh của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX. Đền thờ Cầm Bá Thước và Bà Chúa Thượng ngàn tọa lạc trên một khu đất cao ráo dưới chân núi Róc, nơi hợp lưu giữa hai con sông Chu và sông Đạt. Hàng năm, đền đón tới 80.000 lượt khách tới tham quan, dâng hương. Vị trí của đền nằm ở xã Vạn Xuân, đối diện với đập Cửa Đạt, rất thuận lợi về giao thông và chỉcách trụ sở Khu bảo tồn và bến thuyền cửa Đạt 1 km nên rất dễ dàng tiếp cận và kết nối điểm du lịch khác ở Xuân Liên.

- Đền Cô (đền Trình) là nơi thờ Cô Ba (Cô Bơ)một trong "Thập nhị Vương cô" nên còn được gọi là Đền Cô Ba. Theo tín ngưỡng thờ Mẫu thì đây là nơi đón tiếp mọi người đến trình bái trước khi vào đền chính thờ Thánh Mẫu Thượng ngàn hành lễ. Ngôi đền có vị trí độc đáo, nằm bên sườn đồi dốc đứng trên bờ sông Chu, nhìn sang thôn Thanh Xuân (Bản Mạ), thị trấn Thường Xuân.

- Hòn mài mực: Trên đất Xuân Mỹ trước đây (vùng hồ Cửa Đạt bây giờ) là nơi nghĩa quân Lam Sơn hạ trại. Dấu vết lán trại thì không còn nhưng trên sông vẫn còn hòn đá, nơi Lê Lợi cùng Nguyễn Trãi mài son rửa bút (có tích lại nói rằng để chuẩn bị cho những ngày chiến đấu tiếp theo, Lê Lợi chọn nơi đây rèn vũ khí. Khi gươm, giáo là xong được đem ra hòn đá nơi đây để mài, họ miệt mài làm đến nỗi nước ở khúc sông đó đen như mực nên gọi là hòn Mài mực) .

Nơi hòn đá ông ngồi còn vết lõm xuống cạnh chỗ mài mực, chỗ gác bút. Có lẽ nghĩa quân Lam Sơn và Lê Lợi chọn Thường Xuân làm căn cứ ở những ngày đầu khởi nghĩa và gắn bó với mảnh đất này vì thế mà đồng bào quanh vùng còn lưu lại những câu ca về tích hòn Mài mực: "Mài mực nuôi con, mài son đánh giặc".

- Đền thờ Cầm Bá Hiển thôn Lùm Nưa, xã Vạn Xuân; Cầm Bá Hiển là quan triều đình nhà Nguyễn thời vua, nắm quyền chức Đội trưởng ở vùng Trịnh Vạn, huyện Thường Xuân ngày nay. Vào các ngày tuần Mùng một và 15 hàng tháng, nhân dân trong làng và con cháu trong dòng họ đến dâng hương tại đây.

- Di tích lịch sử hội thề Lũng Nhai: Di tích thuộc khu vực núi Pù Me, thuộc làng Lũng Mi, xã Ngọc Phụng. Di tích gắn với sự kiện lịch sử hội thề Lũng Nhai, sự kiện đầu tiên của những người cùng chí hướng họp nhau thề, nguyện cùng nhau hợp sức đánh giặc Minh, sau là nghĩa quân Lam Sơn. Di tích được cấp bằng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2013.

- Ngoài các địa danh và công trình văn hóa trên, ở các xã vùng đệm của khu BTTN XuânLiên còn có các đền khácnhư đền Mường (Sớn Mướng) vị thần cai quản mường (Cải Sớn) theo tín ngưỡi dân tộc Thái, đền Bản Pà cầu vị thần cai trông nom bản (Cải Ban) theo tín ngưỡi dân tộc Thái tại xã Xuân Lộc; đền Cây Thị, Chùa Thứng (Phúc Thắng Tự) thờ Phật; đình làng Hồ (đây là di tích cấp tỉnh) xã Thọ Thanh.

Các di tích lịch sử và giá trị văn hóa nêu trên kết hợp với các giá trị cảnh quan tự nhiên là điểm nhấn quan trọng giúp tạo ra các điểm, tuyến, sản phẩm du lịch có sức cạnh tranh cao. Hoạt động du lịch không chỉ giúp cho cộng đồng cảm nhận vàtrân trọng hơn các giá trị của tự nhiên, của đa dạng sinh học mà còn giúp họ hiểu hơn về các giá trị văn hóa, bản sắc của địa phương. Các hoạt động du lịch cũng giúp khu BTTN Xuân Liên bổ sung được nguồn thu cho công tác bảo tồn, bảo vệ rừng và đồng thời giúp cộng đồng địa phương có thêm việc làm, tăng thu nhập và ổn định sinh kế gia đình nhằm bớt phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên.

2.3. Các hoạt động, chương trình và sản phẩm du lịch

2.3.1. Các loại hình, chương trình và sản phẩm du lịch

2.3.1.1.Các loại hình du lịch

Hiện nay tại Khu BTTN Xuân Liên đang bước đầu thực hiệnloại hình du lịch sinh thái gồmcác hoạt động Du lịch sinh thái và du lịch sinh thái dựa trên diễn giải các giá trị văn hoá bản địa gắn với giáo dục môi trường, trong đó có sự tham gia của cộng đồng địa phương.

- Du lịch sinh thái dựa vào thiên nhiên: Đây là hoạt động du lịch dựa trên các các giá trị tự nhiên và cảnh quan của Khu bảo tồn để hình thành nên các sản phẩm du lịch các điểm như thác Thiên Thủy, thác Hón Yên, thăm các khu rừng nguyên sinh thuộc xã bát mọt, đi thuyền ngắm cảnh trên hồ Cửa Đạt. Trong các hoạt động đó, khách du lịch không chỉ được "thưởng thức các giá trị thiên

nhiên" mà còn cảm nhận các giá trị đó qua đó có trách nhiệm hơn trong việc bảo vệ, gìn giữ.

- Du lịch sinh thái kết hợp diễn giải các giá trị văn hoá bản địa gắn với giáo dục môi trường. Đây là hoạt động du lịch đang được thí điểm ở Xuân Liên, tập trung chủ yếu là khách quốc tế đến nghiên cứu khoa học và tham gia vào các hoạt động văn hóa tại các bản Vịn, bản Đục xã Bát Mọt. Du khách có thể đến tìm hiểu các giá trị văn hóa bằng cách, lưu trú tại cộng đồng, cùng làm việc và cùng sinh hoạt và cùng tham gia vào hoạt động biểu diễn văn nghệ, lễ hội, tục lệ và qua đó, tìm hiểu về cuộc sống, sinh hoạt của cộng đồng cũng như kinh nghiệm bản địa về sử dụng, quản lý tài nguyên.

- Hoạt động du thuyền hồ Cửa Đạt và ngược dòng sông Chu: Hiện trạng tại Khu BTTN Xuân Liên có 10 thuyền (4 thuyền 29 chổ ngồi, 6 thuyền 12 chổ ngồi) dạng thuyền hoàn cải thành thuyền phục vụ du lịch. Trong đó có 2 thuyền do công ty Du lịch Sinh tháihồ Cửa Đạt quản lý mỗi thuyền là 29 khách/thuyền, 8 thuyền còn lại là do các hộ dân quản lý. Khả năng vận chuyển du thuyền khoảng 200 khách/lượt; số lượng khách tham gia du thuyền/năm chiếm khoảng 80% lượng khách đến Khu BTTN Xuân Liên; số lượng thuyền viên tham gia du thuyền có chứng chỉ 9 người. Về cơ bản, hoạt động du thuyền ngắm cảnh lòng hồ và ngược dòng sông Chu là một trong những hoạt động thu hút được du khách. Với điều kiện cảnh quan thiên nhiên đẹp, thoáng cũng với phong cảnh hữu tình của lòng hồ bao quanh bởi núi rừng, đây sẽ mà một tuyến có tiềm năng thu hút khách ở Xuân Liên và cũng là tuyến có thể cho nhiều sản phẩm du lịch độc đáo.

- Hoạt động chèo thuyền Kayak: Tại khu vực bến thuyền Của Đạt vẫn duy trì hoạt động chèo thuyền Kayak hồ với số thuyền đang khai thác là 3 thuyền, được Khu BTTN Xuân Liên đầu tư từ năm 2012, chất lượng thuyền tốt, có hệ thống phao cứu sinh, trang bị đầy đủ các vật dụng cần thiết khi chèo thuyền.Tuy nhiên, lượng khách tham gia hoạt động này còn ít và chủ yếu vào mùa hè.

- Du lịch ẩm thực. Ngoài các hoạt động du lịch trên hồ, Du khách có thể thâm gia các hoạt động thưởng thức các món ăn mang đậm bản sắc dân tộc Thái tại khu trung tâm đón tiếp khách hoặc tại các điểm du lịch cộng đồng. Tại các điểm du lịch, du khách có thể thưởng thức các món ăn như cơm lam, canh uôi, lợn cắp nách, lợn rừng, măng đắng... cùng các gia vị truyền thống của cộng đồng người Thái. Dưới nếp nhà sàn, du khách thưởng thức ẩm thực trong khung cảnh thôn bản người Thái và phong cảnh núi rung, uống rượu cần và nghe điệu hát dân tộc Thái, Mường.

2.3.1.2. Các chương trình du lịch

Hiện nay tại Khu BTTN Xuân Liên đã xây dựng được một số tuyến du lịch cho một số điểm du lịch chính trong khu bảo tồn. Các tuyến này về có bản đã được thiết kế, và vận hành thử nghiệm, tuy nhiên vẫn ở mức thí điểm và chưa được xây dựng như một tuyến và một sản phẩm du lịch thực sự. Trong thực tế, các tuyến này cũng chưa thể vận hành đúng nghĩa nếu chưa có hạ tầng du lịch

phù hợp như các hệ thống lưu trú, các hệ thống hỗ trợ tại các điểm cắm trại, hướng dẫn viên, trang thiết bị và các yêu cầu về an toàn cho du khách).

- Tuyến 1. Du thuyền hồ Cửa Đạt: Trung tâm du khách- Nhà Bảo tàng thiên nhiên-Hồ Cửa Đạt- Thác Yên-Trung tâm cứu hộ động vật bán hoang dã - Trạm kiểm lâm Sông Khao (1 ngày).

- Tuyến 2. Về nguồn sông Chu: Trung tâm du khách- Nhà Bảo tàng thiên nhiên-Khu di tích Cửa Đạt- Công trình thủy lợi, thủy điện Cửa Đạt- Hồ Cửa Đạt-Thác Yên- Trạm kiểm lâm Sông Khao- Bản Mạ (2 ngày 1 đêm).

- Tuyến 3. Thắng cảnh thác Thiên Thủy: Trung tâm du khách-Nhà Bảo tàng thiên nhiên-Trạm kiểm lâm Hón Can-thác Thiên Thủy (1 ngày).

- Tuyến 4. Chinh phục đỉnh Pù Gió: Trung tâm du khách- Nhà Bảo tàng thiên nhiên- Khu di tích Cửa Đạt- Công trình thủy lợi, thủy điện Cửa Đạt-Trạm Kiểm lâm Hón Can-Thác Thiên Thủy- Đỉnh Pù Gió-Thác Yên-Trạm kiểm lâm Sông Khao-Hồ Cửa Đạt (3 ngày 2 đêm).

- Tuyến 5. Khám phá rừng nguyên sinh ngàn năm tuổi, ngủ bản: Trung tâm du khách- Nhà Bảo tàng thiên nhiên - Khu di tích Cửa Đạt - Công trình thủy lợi, thủy điện Cửa Đạt-Trạm kiểm lâm Bản Vịn-Rừng nguyên sinh Cây di sản Việt Nam ngàn năm tuổi - bản Vịn (3 ngày 2 đêm).

- Tuyến 6. Kết nối Rừng-Biển Xứ Thanh: Khu BTTN Xuân Liên- Khu Di tích lịch sử Lam Kinh- suối cá thần Cẩm Lương- Di sản Văn hoá thế giới thành Nhà Hồ- Bãi biển Sầm Sơn.

2.3.2. Các hoạt động du lịch ở Xuân Liên

2.3.2.1. Hiện trạng cơ sở hạ tầng về du lịch trong khu bảo tồn

Du lịch là mảng hoạt động mới và đang bắt đầu được hình thành ở Xuân Liên do đó, hạ tầng cơ sở du lịch hiện còn ít và chủ yếu ở mức độ đầu tư ban đầu. Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng tại BQL khu BTTN Xuân Liên đã và đang thực hiện một số hạng mục công trình bao gồm:

a) Các công trình và hạ tầng phục vụ du lịch

- Trung tâm khu đón tiếp khách: Hiện Xuân Liên có 01 Trung tâm đón du khách với 1 nhà hàng và 1 nhà bếp ăn tập thể, nhà hàng sức chứa 100 khách/lượt. Hiện khu bảo tồn cũng đang xây dựng đường từ Trung tâm đón tiếp khách đi Hón Bố hiện đang xây dựng, kết cấu bê tông, chiều dài 6km, rộng đường 6m, mặt đường 3,5m; đường đi bộ tuần tra phục vụ quản lý, chăm sóc bảo vệ vườn thực vật, chiều dài 5,3 km, chiều rộng mặt đường 1,2m, kết cấu nền đất có lát gạch; 1 vườn ươm cây giống và 1 vườn thực vật.

- Tại bến thuyền Cửa Đạt có 1 khu nhà nổi kết hợp với nhà ăn với quy mô phục vụ khách khoảng 100 khách/lượt (nhà nổi diện tích 90m2); lán lưu trú bến thuyền chỉ ở dạng lán tạm và khuôn viên cây xanh; đường từ trung tâm đón tiếp khách lên bến thuyền Cửa Đạt dài 3,6km đường bê tông rộng 3m chất lượng tốt. Đội ngũ nhân viên phục vụ là người địa phương, nguồn cung ứng thực phẩm

cũng chủ yếu là cá hồ Cửa Đạt và sản phẩm địa phương.

- Khu đón khách ở Trạm kiểm lâm sông Khao với 01 Nhà ăn với quy mô phục vụ 50 khách/ lượt.Đây là địa điểm kết hợp giữa trạm Kiểm lâm và khu vực đón tiếp khách nên trang bị cũng sơ sài, hiện vẫn chỉ là nơi đón khách tạm thời.

- Trung tâm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao: Bao gồm nhà quản lý điều hành nhà 2 tầng; phòng cứu hộ gồm 2 phòng, nhà cấp 4; 2 chuồng nuôi nhốt động vật và khuôn viên; nhà nổi trạm kiểm lâm Sông Khao diện tích 50m2; trạm kiểm lâm Sông Khao; chòi phục vụ theo dõi, nghiên cứu tập tính và diễn thế động, thực vật, có diện tích 9m2; chiều cao 12m.

- Hạ tầng tới thác Thiên Thủy: Đã có nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn; đang xây dựng đường đi bộ từ Hón Can tham quan thác Thiên Thủy dài 5km, đường bê tông rộng 1,2m và cải tạo đường mòn từ thác Thiên Thủy đi Pù Gió dài 12km.

- Hệ thống hạ tầng tới Rừng nguyên sinh-bản Vịn: Hiện đang thi công đường đi bộ dài 5,2 km, đường rộng 1,2m, đổ tấm đan từ bản Vịn vào tham quan cây di sản Việt Nam.

- Ngoài ra, Khu bảo tồn cũng đã xây dựng 01 bảng quảng cáo ngoài trời và 15 bảng tuyên truyền dọc các tuyến đường giao thông.

- Trang thiết bị phục vụ quản lý bảo vệ rừng kết hợp với du lịch gồm: 03 cano cao tốc 5 chỗ ngồi; 01 cano cao tốc 10 chỗ ngồi; 02 thuyền 12 chỗ ngồi và 01 thuyền 30 chỗ ngồi. Đây là các trang bị chuyên dụng đường thủy có thể được khai thác linh hoạt phục vụ công tác bảo vệ rừng và du lịch trong khu bảo tồn.

- Quầy bán hàng lưu niệm: Hiện tại có 1 điểm bán hàng lưu niệm tại nhà khách khu Trung tâm đón tiếp khách ở Ban Quản lý khu bảo tồn. Sản phẩm là các áo, mũ và sản phẩm của địa phương.

b) Dịch vụ lưu trú

- Khu bảo tồn hiện có 1 khu nhà khách gồm 4 phòng nghỉ đôi với các trang thiết bị phục vụ cơ bản như nhà về sinh khép kín, giường, tủ, bàn, điều hoa. Thực tế đây chỉ là nhà khách của ban quản lý chứ chưa phải là nơi đón khách tiêu chuẩn, chưa có nhân viên buồn, phòng. Nếu có nhu cầu ăn uống, khách có thể đặt cơm tại bếp ăn tập thể của Ban quản lý.

- Trạm kiểm lâm sông Khao: Hiện nay có 1 Nhà nghỉ tại Trạm kiểm lâm Sông Khao, có 6 phòng gồm các trang bị cơ bản như giường, tủ. Về cơ bản chỉ là nơi lưu trú tạm thời chứ chưa đúng với một điểm lưu trú về du lịch.Hệ thống nhà nghỉ này cũng không có nhân viên chuyên trách buồng-phòng.

-Khu lưu trú tại khu nhà nổi bến thuyền Cửa Đạt: Hiện có một nhà cấp 4 gồm 4 phòng lưu trú với các trang thiết bị cơ bản như giường tủ, khu vệ sinh. Hệ thống nhà nghỉ này cũng không có nhân viên chuyên trách buồng-phòng.Thực tế đẩy chỉ là điểm nghỉ tạm thời chứ chưa đạt chuẩn của một điểm lưu trú đúng tiêu chuẩn cho khách du lịch.

- Các nhà nghỉ du lịch du lịch sinh thái cộng đồng: Hiện có khoảng 30 nhà nghỉ du lịch sinh thái cộng đồng tại các thôn Thanh Xuân, Thị trấn Thường Xuân và thôn Vịn xã Bát Mọt, có thể đáp ứng nhu cầu ăn, nghỉ cho 20-30 người/nhà nghỉ. Các chủ nhà nghỉ đã được tập huấn, hướng dẫn kỹ năng đón tiếp và phục vụ du khách.

c) Các dự án hỗ trợ hoạt động du lịch

- Khu bảo tồn duy trì được mức hỗ trợ 40 triệu đồng/thôn/năm tại 12 thôn thuộc 05 xã vùng đệm. Trong khoản hỗ trợ đó, có thể thực hiện các mô hình phát triển sinh kế như: cải tạo vườn tạp, trồng Mít ruột đỏ, trồng dược liệu, quy hoạch vùng chăn thả gia súc kết hợp trồng cỏ voi, nâng cao chất lượng đàn bò giống, nuôi gà sao, chim trĩ, nuôi Vịt bầu, nuôi cá lồng trên lòng hồ Cửa Đạt… Ngoài ra Xuân Liên đã triển khai dự án "hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất theo Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg" đã hỗ trợ trồng được 1.500ha rừng sản xuất, trên địa bàn 5 xã vùng đệm, tạo nguồn thu nhập cho người dân và giảm sự phụ thuộc vào rừng.

- Các dự án này có mức đầu tư nhỏ, song lại đem lại cho người dân cơ hội tiếp cận với các hoạt động canh tác, chăn nuôi tiên tiến tạo ra hàng hóa có chất lượng và giá trị cao hơn. Hoạt động đầu tư này cũng vừa giúp người dân cải thiện sinh kế và cũng là nền tảng tốt nhằm cung ứng cho các hoạt động du lịch trong tương lai.

2.3.2.2. Công tác tổ chức, quản lý du lịch

Hiện nay, tại Khu BTTN Xuân Liên đang thực hiện 2 hình thức tổ chức kinh doanh DLST đó là: Tự tổ chức các dịch vụ DLST và liên kết với các tổ chức, cá nhân để đầu tư phát triển du lịch.

Công tác quản lý du lịch sinh thái tại Khu BTTN Xuân Liên hiện nay đang được Khu bảo tồn triển khai thực hiện theo Quyết định số1400/QĐ-UB ngày 02/05/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên và Quyết định số 953/QĐ-SNN&PTNT của Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Trung tâm bảo tồn, phát triển sinh vật và dịch vụ môi trường rừng Xuân Liên - trực thuộc Ban quản lý khu BTTN Xuân Liên. Theo đó, Trung tâm bảo tồn, phát triển sinh vật và dịch vụ môi trường rừng với các nhiệm vụ:

Tổ chức dịch vụ môi trường: Xây dựng quy hoạch, dự án, đề án phát triển dịch vụ môi trường, nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản của Khu bảo tồn và tổ chức thực hiện, tạo nguồn thu từ du lịch, dịch vụ để đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn và phát triển rừng. Tổ chức thực hiện chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng, cung ứng các dịch vụ môi trường rừng.

Tổ chức hoạt động kinh doanh, dịch vụ du lịch sinh thái: Tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ du lịch sinh thái; quảng bá, tiếp thị để thu hút khách du lịch;Tổ chức liên doanh, liên kết để kinh doanh du lịch sinh

thái theo quy hoạch và quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, các dịch vụ của các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết.Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên, môi trường cho khách du lịch và cộng đồng. Thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ trong lĩnh vực: Nghiên cứu, chuyển giao khoa học, tiến bộ kỹ thuật; bảo vệ, bảo tồn và phát triển rừng; du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật.

Nhận viên chuyên trách về du lịch và hướng dẫn viên: Trong khu bảo tồn không có hương dẫn viên du lịch có chứng chỉ. Hiện có 3 nhân viên được giao hỗ trợ công việc hướng dẫn cho du khách nếu có. Do chưa được đào tạo bài bản, các nhân viên mới cung cấp các thông tin về khu bảo tồn và dẫn đường cho khách đến các điểm nếu cần. Để thực sự phát triển được hoạt động du lịch ở Xuân Liên, ngoài việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch thì việc có được nguồn nhân lực du lịch có trình đồ cũng là điều kiện quyết định cho sự thành công của du lịch ở Xuân Liên trong thời gian tới.

2.3.2.3. Hợp tác trong phát triển du lịch

Nhằm phát triển được thế mạnh về du lịch và thúc đẩy được việc phát triển các hoạt động du lịch ở trong khu bảo tồn, Ban quản lý Khu bảo tồn Xuân Liên đã có nhiều hoạt động hợp tác, kết nối với các đối tác trong, ngoài tỉnh để phát triển du lịch. Cụ thể gồm:

- Phối hợp với các phòng chức năng thuộc Ủy ban Nhân đân (UBND)huyện Thường Xuân tổ chức tập huấn người dân làm du lịch cộng đồng. Cụ thể tại thôn Thanh Xuân (thị trấn Thường Xuân) và thôn Vịn (xã Bát Mọt). Bên cạnh hoạt động tập huấn, Khu bảo tồn cũng phối hợp với các xã đầu tư xây dựng hạ tầng cho thôn Thanh Xuân và thôn Vịn.

- Kết nối với các doanh nghiệp du lịch trong và ngoài tỉnh để thúc đẩy hợp tác và đầu tư cho du lịch ở Xuân Liên.

- Phối hợp với các tổ chức nghiên cứ vàcác hiệp hội trong nước tổ chức các hoạt động đào tạo về du lịch sinh thái; tham quan các mô hình du lịch đặc sắcở một số vườn quốc gia, khu bảo tồn khác để học tập.

- Phối hợp với cộng đồng địa phương thực hiện việc kết nối chuỗi cung ứng và hình thành một số sản phẩm du lịch như:

+ Cung cấp các dịch vụ cho du khách lưu trú tại nhà, dịch vụ ăn uống, bán hàng thủ công mỹ nghệ ...

+ Cung cấp các hoat động văn hóa mang bản sắc truyền thống như biểu diễn nghệ thuật dân gian truyền thống, hay hướng dẫn du khách tham gia, trải nghiệm cuộc sống hàng ngày của người dân.

+ Cộng đồng tham gia hướng dẫn/thuyết minh viên/người dẫn đường giúp du khách đến các điểm và hiểu rõ hơn về các giá trị văn hóa, cảnh quan, đa dạng sinh học ở khu vực.

Nhìn chung, việc liên kết, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, công đồng địa phương đem lại các hợp tác khả quan và cũng là sự chuẩn bị tốt cho việc đầu và phát triển du lịch ở quy mô lớn và chuyên nghiệp hơn trong thời gian tới.

2.3.3. Đánh giá các hoạt động quy hoạch Du lịch sinh thái được phê duyệt

Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái đến năm 2020 tại Quyết định số theo 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và Quy hoạch bảo tồn, phát triển bền vững rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên đến năm 2020 theo Quyết định số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013. Kết quả đơn vị đã triển khai thực hiện, đạt được cụ thể:

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật tại các Khu, tuyến, điểm du lịch: Kết quả xây dựng, trình duyệt được 11/64 hạng mục đầu tư gồm: Dự án hồ chứa nước sinh thái tạo cảnh quan cho du lịch và tạo nguồn nước cho phục vụ phòng cháy; Công trình Nhà quản lý điều hành và công trình phụ trợ khu cứu hộ động vật; Cải tạo nâng cấp nhà sàn trạm kiểm lâm bản Vịn; Sửa chữa trạm Kiểm lâm Sông Khao; Công trình Tuyến đường từ trạm kiểm lâm Bản Vịn đi rừng Pơ mu, Sa mu; Xây dựng hệ thống các bảng quảng bá, bảng nội quy, bảng chỉ dẫn du lịch; Công trình Đường tuần tra từ trạm kiểm lâm Hón Can đi Pù Gió; Xây dựng Trung tâm du khách và đón tiếp du khách; Công trình Tuyến đường từ tả ngạn đập Cửa Đạt đi trạm Kiểm lâm Sông Khao; Công trình Nhà bảo tàng thiên nhiên. tổng kinh phí 99,804 tỷ đồng (đạt 39,6% so với tổng dự toán các hạng mục ưu tiên đầu tư đã được phê duyệt).

- Về quy hoạch: Xây dựng, trình duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch thác Yên thuộc khu BTTN Xuân Liên, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã được phê duyệt tại Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Lập hồ sơ đề nghị công nhận Khu du lịch cấp tỉnh Khu BTTN Xuân Liên, đã được công nhận tại Quyết định 901/QĐ-UBND, ngày 13/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Về quảng bá, thu hút đầu tư: Phối hợp Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh Thanh Hóa biên tập ấn phẩm quảng bá dự án thu hút đầu tư gửi các nhà đầu tư trong và ngoài nước, kết quả đã thu hút, giới thiệu 02 nhà đầu tư nước ngoài gồm Tập đoàn Giáo dục Quốc tế KinderWorld (Singapore) và Công ty Kachay Global Development (Hoa Kỳ). Tuy nhiên, hoạt động này mới chỉ dừng lại ở

bước khảo sát.

Các hoạt động này, bước đầu đã tạo ra được cơ sở pháp lý cũng như các hạ tầng thiết yếu cho hoạt động phát triển du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn; các hạng mục đã thực hiện còn rất hạn chế, mới chỉ đạt 17,18% khối lượnghạng mục được phê duyệt. Một số hạng mục đã được phê duyệt nhưng chưa được triển khai thực hiện do không thu hút nguồn vốn, dẫn đến chưa tạo ra được các sản phẩm du lịch phong phú cho Khu bảo tồn.

2.4. Kết quả hoạt động kinh doanh, xúc tiến quảng bá du lịch

2.4.1. Hoạt động quảng bá về du lịch

Khu bảo tồn Xuân Liên cũng bước đầu thực hiện được một số hoạt động quảng bá du lịch như:

- Biên soạn, sản xuất ấn phẩm giới thiệu du lịch Xuân Liên...;

- Tham gia các sự kiện du lịch như: Các Lễ hội, Hội chợ, Liên hoan văn hóa, ẩm thực;

- Xây dựng phim phóng sự phát trên Đài truyền hình Thanh Hóa, huyện Thường Xuân,

- Viết các bài đăng trên báo, tạp chí về tiềm năng du lịch cũng như các hoạt động du lịch ở Xuân Liên;

- Xây dựng thương hiệu mật ong tạo sản phẩm mật ong rừng Xuân Liên phục vụ nhu cầu khách du lịch.

- Phối hợp với các Công ty du lịch, các hãng lữ hành tại Hà Nội, Thanh Hóa, Hòa Bình như: Green tour; Active travel, Công ty du lịch Mai Châu, Công ty Cổ phần du lịch Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ & Du lịch Xuyên Việt..để thu hút du khách và tổ chức các tour du lịch tại Khu bảo tồn.

- Phối hợp với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu như Trường Đại học Lâm nghiệp; Trường Đại học Hồng Đức; Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa…để tổ chức khai thác các nhóm sản phẩm về dịch vụ khoa học, tổ chức các đợt thực tập, nghiên cứu tại Khu bảo tồn.

Các hoạt động quảng bá du lịch được thực hiện chưa hiệu quả, số lượng các bài viết, hình ảnh quảng bá trên các phương tiện thông tin, truyền thông chưa phong phú và chưa thu hút được sự quan tâm của khách. Vì vậy, trong thời gian tới ngoài việc đầu tư cơ sở hạ tầng cần đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch tại khu BTTN Xuân Liên.Tăng thời lượng tin và bài về du lịch ở trên các trang và diễn đàn du lịch có uy tín. Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, hiệp hội du lịch để kết nối các điểm và đầu tư và xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng.

2.4.2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Khách du lịch: tình hình hoạt động kinh doanh DLST tại Khu BTTN Xuân Liên trong bốn năm từ 2015-2018 có những chuyển biến tích cực, số lượt khách ghé thăm qua các năm liên tục tăng. Bình quân hằng năm Khu BTTN Xuân Liên đón tiếp khoảng 2.590 lượt khách tham quan, trong đó phần lớn là khách du lịch trong nước (chiếm khoảng 99,3% khách du lịch tới Khu bảo tồn).

Bảng 3.1. Thống kê lượt khách du lịch đến Khu BTTN Xuân Liên

TT	Phân loại	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tốc độ tăng trưởng (%)
I	Tổng lượng khách	Lượt	1.720	2.117	2.912	3.615	4,189	20.41
1	Khách quốc tế	Lượt	20	17	12	15	35	-6.94
1.1	Qua đêm	Lượt	0	0	0	0	0	
1.2	Trong ngày	Lượt	20	17	12	15	35	-6.94
2	Khách nội địa	Lượt	1.700	2.100	2.900	3.600	4,154	20.63
2.1	Qua đêm	Lượt	70	120	80	45	112	-10.46
2.2	Trong ngày	Lượt	1.630	1.980	2.820	3.555	4,042	21.52
3	Doanh thu từ du lịch	Tr.đồng	369.8	455.1	626.1	777,2	972	17.33

Bảng 3.2. Phân tích lượt khách du lịch đến Khu BTTN Xuân Liên theo thị trường và đối tượng khách

TT	Phân loại	ĐVT	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1	**Phân theo thị trường**		**14.553**	
-	Khách quốc tế	Lượt	99	0,68
-	Khác nội địa	Lượt	14.454	99,32
+	*Khách nội tỉnh*	*Lượt*	*11.954*	*82,70*
+	*Khách ngoại tỉnh*	*Lượt*	*2.500*	*17,30*
2	**Phân theo đối tượng khách**		**14.553**	
-	Khách đi du lịch theo tour lữ hành	*Lượt*	3.200	21,99
-	Khách tham quan học tập, nghiên cứu khoa học kết hợp du lịch	*Lượt*	950	6,53
-	Khách tự do	*Lượt*	10.403	71,48

(Nguồn: Số liệu thống kê Khu BTTN Xuân Liên, năm 2019)

- Du khách du lịch tới đây chủ yếu với mục đích du lịch cuối tuần, tham gia các hoạt động tham quan, ngắm cảnh, nghiên cứu khoa học... Do đó thành phần khách cũng rất khác nhau chủ yếu là cán bộ, công nhân, viên chức, học sinh sinh viên ở các trường Đại học,cứu và phổ thông trung học .. Về cơ cấu khách du lịch, thị trường du lịch nội địa chủ yếu của khu vực Xuân Liên chủ yếu là khách du lịch ở một số huyện lân cận và thành phố Thanh Hóa, chưa thu hút được khách du lịch đến từ Hà Nội và một số tỉnh phía Bắc.Thời gian đến Khu bảo tồn chủ yếu là đi trong ngày. Chưa thu hút được nhiều đối với đối tượng khách du lịch có nhu cầu về dịch vụ khoa học,

thực tập, nghiên cứu, vốn là thế mạnh của Khu bảo tồn.

- Kết quả hoạt động kinh doanh: Doanh thu từ hoạt động du lịch bao gồm tất cả các khoản thu do khách du lịch chi trả như: Ăn uống, gửi xe, vận chuyển các dịch vụ bổ sung khác như vui chơi giải trí, vận chuyển công cộng, bán hàng lưu niệm, hoạt động nghiên cứu; chưa có dịch vụ lưu trú.

- Về cơ cấu nguồn thu của Công ty du lịch gồm các Dịch vụ về ăn uống, dịch vụ đi thuyền, gửi xe.., ước tính bình quân 215.000 đ/lượt khách tham quan, năm 2015, tổng nguồn thu đạt khoảng 369,8 triệu đồng; năm 2018 tổng nguồn thu đạt khoảng 777,2 triệu đồng; tuy nhiên đây là bước đầu, chưa có tổ chức thực hiện bài bản, chủ yếu là tự phát, chưa có đề án thu phí để có cơ sở pháp lý thực hiện do đó nguồn thu không cao so với tiềm năng về du lịch, dịch vụ Khu BTTN Xuân Liên.

- Hoạt động du lịch dã góp phần thu hút lao động và tạo việc làm cho nhân dân quanh vùng, đặc biệt là đồng bào dân tộc. Du lịch phát triển cũng tạo thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản, góp phần tăng thu nhập cho các hộ gia đình và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, hoạt động du lịch ở Xuân Liên vẫn chưa tương xứng với tiềm năng.

2.4.3. Một số tồn tại và hạn chế

2.4.3.1. Tồn tại và khó khăn

- Khu BTTN Xuân Liên rất có tiềm năng du lịch lớn nhưng chưa được khai thác và phát huy với đúng tiềm năng và các giá trị.Việc phát triển du lịch, dịch vụ du lịch trong những năm qua chưa được chú trọng và quan tâm đúng mức. Các dịch vụ hình thành còn đơn điệu, chưa có sự đầu tư về nguồn lực.

- Công tác liên kết, kêu gọi đầu tư để xúc tiến du lịch đã được thực hiện, tuy nhiênchưa kết hợp được với các đơn vị cung cấp dịch vụ du lịch trong và ngoài tỉnh để nhằm quảng bá và kết nối được du lịch ở Xuân Liên và các điểm du lịch khác trong tỉnh.

- Công tác quảng bá thông tin, hình ảnh chưa hiệu quả và chưa chú trọng để đa dạng hóa các hình thức truyền thông. Chưa tận dụng triệt để những ưu thế của trang thông tin điện tử của khu bảo tồn cũng như các trang mạng xã hội, diễn đàn du lịch khác trong việc xây dựng, quảng bá thương hiệu và hình ảnh cho du lịch ở Xuân Liên.

- Chưa liên kết được với các Công ty du lịch, các hãng lữ hành tại Hà Nội, Thanh Hóa và một số tỉnh lân cận như Hòa Bình, Ninh Bình, Nghệ An… để thu hút du khách, chưa phối hợp với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu để tổ chức khai thác các nhóm sản phẩm về dịch vụ khoa học, tổ chức các đợt thực tập, nghiên cứu tại Khu bảo tồn.

- Nguồn nhân lực về du lịch của Khu bảo tồn còn thiếu, chưa qua đào tạo bài bản nên chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động kinh doanh và quản lý du lịch.

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất về du lịch chưa được đầu tư đúng mức

và thiếu tính đồng bộ.

- Người dân chưa tiếp cận và chưa quen với các hoạt động du lịch do vậy chưa tạo ra được một chuỗi cung ứng cho du lịch và cũng chưa tạo ra được các sản phẩm du lịch có sự gắn kết cao với cộng đồng.

- Chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ để tổ chức hoạt động một cách bài bản như chưa được phê duyệt Đề án thu phí; Một số quy định, thủ tục hành chính làm khách khó tiếp cận với Xuân Liên, đặc biệt là khách nước ngoài. Ví dụ: khách nước ngoài vào còn gặp nhiều khó khăn trong vấn đề thủ tục diễn ra trong các địa điểm thuộc khu vực biên giới. Hiện tại cũng chưa có cơ chế và các quy định thống nhất để tạo điều kiện cho khách du lịch nước ngoài vào Xuân Liên được thuận lợi.

2.4.3.2. Nguyên nhân

- Hoạt động du lịch còn khá mới mẻ đang bước đầu được hình thành ở Xuân Liên cũng như ở Thường Xuân, do đó cần thời gian để các bên hiểu và có sự quan tâm và đầu tư đúng mức.

- Thiếu nguồn nhân lực du lịch có kỹ năng, nghiệp vụ, việc thực hiện các hoạt động du lịch, dịch vụ trong thời gian qua chưa bài bản, do đó chưa tạo được các sản phẩm du lịch có chất lượng nên không thu hút được du khách, nhà đâu tư.

- Vị trí xa nên việc thu hút đầu tư vào hoạt động du lịch ở Xuân Liên chưa được các nhà đầu tư thực sự quan tâm. Do vậy, cần có nhiều nỗ lực hơn cho việc quảng bá và thu hút các tham gia đầu tư và đưa khách tới Xuân Liên.

2.5. Thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức và những nhiệm vụ ưu tiên

2.5.1. Thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức

2.5.1.1.Thuận lợi

- Khu BTTN Xuân Liên thế mạnh về đặc điểm tự nhiên, có nhiều thắng cảnh đẹp với khí hậu trong lành, mát mẻ quanh năm tại thôn Vịn, xã Bát Mọt, được ví như Sa Pa, Đà Lạt của tỉnh Thanh Hóa; là nơi có tiềm năng lớn để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch nghỉ dưỡng.

- Khu BTTN Xuân Liên có hệ thống các núi cao, các thác đẹp và hệ thống các sông, suối và hồ là những tài nguyên du lịch rất có giá trị sẽ tạo ra các loại hình du lịch sinh thái, khám phá thiên nhiên, du lịch mạo hiểm như:Thác Thiên thủy, thác Hón Yên, thác Hón Ý; hang Dơi, hang Cáu, hang Tình, hang Quan, hang Vua, Động tình yêu, Hang Lù; hồ Cửa Đạt, hồ Hón Can.

- Khu BTTN Xuân Liên có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và có tính đa dạng sinh học cao với 1.142 loài thực vật, 1.631 loài động vật có nhiều loài quý hiếm mang tầm quốc gia và quốc tế như Pơ mu, Sa mu, Bách xanh, Dẻ tùng sọc trắng; Các loài động vật như Vượn đen má trắng, Mang, Vooc xám,...

- Khu BTTN Xuân Liên có vị trí thuận lợi cho các hoạt động du lịch do

gần với các trục đường lớn như đường Hồ Chí Minh, đường quốc lộ 47, đường kết nối cảng hàng không Thọ Xuân, khu công nghiệp Nghi Sơn. Đây là các điều kiện rất quan trọng cho việc phát triển các hoạt động du lịch.

- Khu BTTN Xuân Liên có khoảng cách gần với các điểm du lịch khác như Suối cá Cẩm Thủy, khu Di tích Lam Kinh, thành Nhà Hồ và khu du lịch biển Sầm Sơn... Đây là những điểm rất thuận lợi cho việc liên kết hình thành các tuyến du lịch cho khách nhiều trải nghiệm và có sức hút lớn đối với du khách.

- Ngoài các tài nguyên du lịch tự nhiên, Xuân Liên còn có nguồn tài nguyên du lịch văn hóa rất đặc trưng của vùng Tây tỉnh Thanh Hóa với sự giao thoa đặc điểm văn hóa của nhiều dân tộc như Thái, Mường và Kinh.Cảnh quan văn hóa các bản làng gắn kết với vẻ đẹp của thiên nhiên tạo ra tổ hợp cảnh quan và văn hóa đặc sắc.

- Có sự quan tâm của UBND tỉnh Thanh Hóa, huyện Thường Xuân, các sở ban nghành cấp tỉnh trong việc đầu tư và phát triển du lịch ở Xuân Liên nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về các giá trị tự nhiên và nâng cao đời sống của cộng đồng thông qua các hoạt động du lịch.

2.5.1.2.Khó khăn

- Du lịch là một vấn đề phát triển còn khá mới mẻ ở Xuân Liên cũng như đối với cộng đồng địa phương, do đó sự tham gia từ cộng đồng vẫn ở một mức thấp chủ yếu ở mức độ thăm dò, tìm hiểu và tương đối thụ động.

- Việc đầu tư cho du lịch mới chỉ ở mức độ sơ khai, thí điểm nên chưa tạo được một nền móng tốt cho việc phát triển du lịch ở địa phương.

- Hoạt động du lịch thực hiện trong khu bảo tồn nên có nhiều hạn chế bởi quy định của Luật Lâm nghiệp như các công trình không được xây ở vùng bảo vệ nghiêm ngặt, quy mô xây dựng cũng rất hạn chế.

- Thiếu nguồn nhân lực có trình độ về du lịch và thiếu các hoạt động đào tạo và kết nối giúp phát triển được chuỗi cung ứng và hộ trợ cho các hoạt động du lịch. Đầu tư về hạ tầng trang thiết bị cho hoạt động kinh doanh du lịch gần như chưa có nên chưa thúc đẩy được các hoạt động kinh doanh du lịch mặc dù có tiềm năng lớn.

- Mực nước nước hồ Cửa đạt thay đổi theo mùa nên ảnh hưởng đến công tác đưa khách xuống thuyền và các hoạt động khác trên mặt nước.

- Khả năng bố trí và huy động các nguồn vốn cho việc phát triển hạ tầng, nhân sự cho du lịch còn hạn chế.Các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực cho các bên liên quan về du lịch hiện tại vẫn chưa được thực hiện.

- Huy động các nguồn vốn phát triển du lịch còn hạn chế như: Khôi phục các phong tục tập quán, văn hóa dân tộc, lễ hội, đầu tư vào các đền thờ, hang động ...

- Nhiều hoạt động du lịch diễn ra ở khu vực gần biên giới bị hạn chế bởi cơ chế vùng biên nên khó có thể thu hút được khách quốc tế. Ngoài ra khi phát

triển du lịch không thể tránh khỏi những tác động đến hệ sinh thái động, thực vật quý hiếm và tác động đến môi trường xã hội trong khu vực.

2.5.1.3.Cơ hội

- Có nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên việc phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí nói riêng. Tỉnh Thanh Hóa cũng rất quan tâm đến việc phát triển du lịch cụ thể là nhiều Nghị quyết, Quyết định ở cấp tỉnh đã được ban hành đã xác định chương trình phát triển du lịch là một trong năm Chương trình trọng tâm của tỉnh. Đặc biệt Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định phát triển du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn.

- Nhu cầu ngày càng tăng về các sản phẩm du lịch và các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, di tích lịch sử, du lịch sinh thái, cộng đồng... *về các địa điểm vui chơi, giải trí, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa sẽ gia tăng* khi hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được cải thiện, *có những sản phẩm, điểm, tuyến du lịch hấp dẫn*.

- Kinh tế thế giới và khu vực từng bước được phục hồi, nhu cầu du lịch tăng là cơ hội để phát triển các hoạt động du lịch;

- Nhu cầu du lịch sinh thái ngày càng tăng là cơ hội tốt để Xuân Liên phát huy được thế mạnh của mình để phát triển các hoạt động và sản phẩm du lịch đặc trưng, có tính cạnh tranh.

- Có nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư quan tâm đến việc phát triển du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn, vườn quốc gia, đó là cơ hộ tốt cho Xuân Liên thu hút được sự quan tâm đầu tư và hợp tác của khối tư nhân song song với các đầu tư từ ngân sách.

2.5.1.4.Thách thức

- Phát triển hạ tầng du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kéo theo sự đầu tư phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật gây ảnh hưởng không nhỏ đến cảnh quan thiên nhiên, sinh thái và đa dạng sinh học; đòi hỏi nguồn đâu tư lớn và dài hạn. Thời gian thu hồi vốn của du lịch thường lâu vì cần một khoảng thời gian để quản bá, thu hút khách cũng như xây dựng được các chương trình, các sản phẩm du lịch có hiệu quả kinh tế.

- Phát triển du lịch sinh thái nếu không có quy chế quản lý chặt chẽ sẽ tạo nguy cơ tiêu diệt các loài động vật hoang dã trong Khu bảo tồn để làm các món ăn đặc sản cho các nhà hàng. Người dân sinh sống trong vùng đệm Khu bảo tồn nên việc quản lý khó khăn, đặc biệt là trong vấn đề săn, bắn thú rừng, đánh bắt thuỷ sản trái phép trên lòng hồ Cửa Đạt,...

- Nguồn khách quốc tế đến du lịch tại Khu bảo tồn còn ít, trong khi đối với đối tượng khách trong nước, khách du lịch sinh thái thường không ổn định giống như du lịch tâm linh.

- Tác động tiêu cực về môi trường văn hóa xã hội cũng gia tăng khi hoạt

động du lịch phát triển mạnh mẽ như: Các tệ nạn xã hội, mất đi bản sắc văn hoá, chuẩn mực đạo đức của cộng đồng,...

- Phát triển du lịch sinh thái cần thời gian để phát triển và duy trì được nguồn nhân lực về du lịch có trình độ có kinh nghiệm.

- Xuân Liên là khu bảo tồn vì thế mục tiêu bảo tồn là mục tiêu quan trọng nhất, vậy làm thế nào để phát triển du lịch mà vẫn giữ được các giá trị của thiên nhiên và đa dạng sinh học và các chu trình cơ bản của tự nhiên.

- Thu hút doanh nghiệp du lịch lớn nước ngoài trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế do dịch bệnh Covid 19. Khả năng kết nối hoạt động du lịch với các địa phương lân cận, nhất là với thị trường Hà Nội trong kinh doanh du lịch sinh thái.

2.5.2. Khả năng phát triển và nhiệm vụ ưu tiên

- Với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên, văn hóa đa dạng đặc sắc và sự thuận lợi về vị trí cũng như các thuận lợi về cơ chế, chính sách của tỉnh, huyện thì Xuân Liên là một điểm du lịch có tiềm năng lớn của tỉnh Thanh Hóa.

- Nếu có một chiến lược và kế hoạch phát triển tốt, có tính thích ứng cao cùng với sự đầu tư thỏa đáng về cơ sở hạ tầng cùng chính sách quản lý du lịch phù hợp thì Xuân Liên chắc chắn sẽ trở thành một điểm du lịch quan trọng trong ở tỉnh Thanh Hóa những năm tới.

- Với các thế mạnh về tự nhiên, khí hậu thì du lịch sinh thái kết hợp với nghỉ dưỡng là thế mạnh của khu BTTN Xuân Liên, do đó các hoạt động đầu tư và phát triển nên được tập trung vào loại hình du lịch này.

- Đầu tư và phát triển du lịch có sự kết hợp công-tư nên được xem như cách tiếp cận chiến lược cho việc phá triển du lịch ở khu BTTN Xuân Liên nói riêng và miền tây Thanh Hóa nói chung. Các doanh nghiệp với nguồn vốn và sự linh hoạt và nhạy bén của mình sẽ giúp giảm gánh nặng đầu tư công, phát triển được hoạt động du lịch dựa trên các thế mạnh của Xuân Liên cũng như địa phương.

- Để phát triển được du lịch ở Xuân Liên thì việc kết nối với các điểm du lịch mạnh khác ở Thanh Hóa để tạo chuỗi các điểm và sản phẩm du lịch cần được xem như một các tiếp cận và thực hành mang tính chiến lược đối với việc phát triển du lịch ở Xuân Liên nói riêng và ở tỉnh Thanh Hóa nói chung.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG KHU BTTN XUÂN LIÊN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

3.1. Quan điểm và định hướng

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế chung của huyện Thường Xuân, chiến lược phát triển của khu bảo tồn, đảm bảo kế thừa và phát triển các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch sinh thái đã được phê duyệt, hỗ trợ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội; thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm nâng cao đời sống của địa phương vùng sâu, vùng xa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội trong khu vực.

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng khu BTTN Xuân Liên phải gắn với bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học;giữ gìn cảnh quan, môi trườngtự nhiên cũng như tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc;khai thác, sử dụng các nguồn lực một cách bền vững; bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; đảm bảo hài hòa tương tác giữa khai thác phát triển du lịch với bảo vệ giá trị tài nguyên tự nhiên và nhân văn.

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng phát triển bền vững, đảm bảo chất lượng và hiệu quả, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh trong phát triển du lịch; đào tạo được đội ngũ nguồn nhân lực có hiệu quả.Các loại hình và sản phẩm du lịch được đầu tư và phát triển ở Xuân Liên sẽ không gây tác động tiêu cực đối với tài nguyên thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên cũng như các giá trị văn hóa, truyền thống của địa phương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực tham gia đầu tư phát triển du lịch; phát triển du lịch sinh thái, nghĩ dưỡng và giải trí phải lôi kéo được sự tham gia của cộng đồng địa phương; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về yếu tố tự nhiên và văn hóa dân tộc, thế mạnh đặc trưng các điểm du lịch; tăng cường liên kết phát triển du lịch.

3.2. Mục tiêu

3.2.1. Mục tiêu chung

Bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên; khai thác tiềm năng, lợi thế về đa dạng sinh học, danh lam thắng cảnh, tín ngưỡng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc; tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân địa phương; làmcơ sở để thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển Khu BTTN Xuân Liên.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tạo điều kiện để người dân địa phương tham gia các loại hình du lịch,

thông qua đó nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ tính đa dạng sinh học, hệ sinh thái, cũng như bảo tồn các loài động thực vật quy hiếm trong khu vực.

- Xác định được hiện trạng tài nguyên thiên nhiên; danh lam thắng cảnh và các loại sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.

- Xây dựng các tuyến, các điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.

- Xây dựng lộ trình đầu tư, các hạng mục ưu tiên đầu tư và các giải pháp tổ chức thực hiện đề án.

- Làm cơ sở để lập dự án du lịch sinh thái, nghĩ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.

- Thu hút các doanh nghiệp xúc tiến đầu tư, quảng bá, thương mại; tăng lượng khách, tạo việc làm, tăng lao động qua đào tạo; tạo môi trường tự nhiên và môi trường xã hội trong Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.

3.2.3. Các chỉ tiêu cụ thể

3.2.3.1. Đến năm 2025

- Thu hút trên 45.000 lượt khách du lịch, trong đó có trên 5000 lượt khách du lịch quốc tế;lượng khách lưu trú đạt khoảng 16.000 lượt khách, tổng thu đạt hơn 25.300 triệu đồng;

- Có ít nhất 40 cơ sở lưu trú du lịch tại cộng đồng, mỗi cơ sở có thể phục vụ ăn nghỉ cho 30-50 khách du lịch, **90**% số cơ sở đều có nhà vệ sinh tự hoại, nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, thu gom rác và nước thải.Tạo việc làm thường xuyên cho 1.350 lao động trong đó có khoảng340 lao động trực tiếp, 1.010 lao động gián tiếp. Các lao động đều được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ.

- Thu hút được ít nhất 3 nhà đầu tư tham gia đầu tư và phát triển các dự án du lịch ở Xuân Liên.

- Các điểm du lịch, tuyến và điểm thăm quan đạt và tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên.

3.2.3.2.Đến năm 2030

- Thu hút trên 110.000 lượt khách du lịch trong đó có khoảng 10.000 lượt khách du lịch quốc tế; lượng khách ở lại lưu trú đạt trên 48.500 lượt; tổng thu từ khách du lịch 83.250 triệu đồng;

- Có ít nhất 50 cơ sở lưu trú du lịch tại cộng đồng, mỗi cơ sở có thể phục vụ ăn nghỉ cho 30-50 khách du lịch; 100% số cơ sở đều có nhà vệ sinh tự hoại, nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, thu gom rác và nước thải. Tạo việc làm thường xuyên cho 3.300 lao động trong đó có 990 lao động trực tiếp, 2.310 lao động gián tiếp. Các lao động đều được đào tạo chuyên môn, nghiệp

vụ.

- Thu hút ít nhất 5 nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án du lịch ở Xuân Liên.

3.3. Dự báo các yếu tố tác động

3.3.1. Chính sách

- Du lịch được coi là một hoạt động phát triển trọng tâm của Quốc gia và được nhà nước quan tâm và thúc đẩy. Sự quan tâm của Việt Nam đối với phát triển du lịch thể hiện qua các Nghị quyết các kỳ Đại hội đảng lần thứ VII, VIII, IX, X và XI, Chỉ thị của Ban Bí Thư, Nghị quyết của Trung ương.

- Trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị "Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn" có định hướng đến năm 2020, ngành Du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực.Căn cứ vào các Nghị quyết đó, Quốc hội đã cụ thể hóa thông qua việc ban hành Luật Du lịch (2017) có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

- Cũng dựa vào các Nghị quyết của Trung ương và Luật du lịch, Thủ tướng đã phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn, tiếp tục phát triển mạnh các dòng sản phẩm du lịch chủ đạo có lợi thế về tự nhiên và văn hóa, gắn với các khu vực động lực phát triển của du lịch Việt Nam trong đó có du lịch sinh thái" tại Quyết định số 1685/QĐ-TTg, ngày 5/12/2018.Quyết định này nhằm cụ thể hóa các hành đồng của ngành du lịch trong giai đoạn mới, trong đó nhấn mạnh việc chú trọng phát triển du lịch sinh thái.

- Thủ tướng cũng "Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030", trong đó, du lịch trở thành một nghành kinh tế trọng điểm đối với tỉnh Thanh Hóa với 5 loại hình du lịch chủ yếu gồm du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch di sản, du lịch thương mại công vụ, du lịch sinh thái và du lịch tâm linh.

- Các hành động đó thể sự quan tâm cũng như các chỉ đạo mạnh mẽ của hệ thống chính trị ở cấp quốc gia đối với việc phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng.

- Sự quan tâm đối với việc phát triển du lịch ở tỉnh Thanh Hóa cũng được thể hiện rất rõ thông qua các Nghị quyết và quyết định của cả hệ thống chính trị của tỉnh cụ thể:

+ Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 9/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc "Phê duyệt đề Đề án Phát triển sản phẩm du lịch mũi nhọn của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn 2030".

+ Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 05/5/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai thực hiện đề án cơ cấu lại nghành du lịch đáp ứng yêu cầu phát

triển thành ngành kinh tế mũi nhọn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với mục tiêu "Cơ cấu lại ngành du lịch Thanh Hóa nhằm khai thác tối đa lợi thế về tài nguyên, sản phẩm, thị trường, các nguồn lực sẵn có, hệ thống quản lý ngành, nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường, phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, quảng bá hình ảnh và con người Xứ Thanh, lan tỏa các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc".

Trong các định hướng đó, tỉnh Thanh Hóa đã mạnh dạn đưa ra nhiều chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tạo sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Đồng thời khuyến khích và đơn giản hóa các thủ tục đầu tư, đảm bảo nhà đầu tư có lợi nhuận và một số ưu đãi khác theo quy định của pháp luật. Những quyết định và định hướng đó càng thể hiện rõ sự quan tâm đến phát triển du lịch ở Tỉnh, đây là các thuận lợi lớn về mặt chính sách và sự ủng hộ của hệ thống chính trị đối với việc phát triển du lịch của tỉnh và ở Khu BTTN Xuân Liên nói riêng.

Ở huyện Thường Xuân, du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng cũng nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy và UBND huyện. Các Nghị quyết, Kế hoạch phát triển du lịch của huyện định hướng kêu gọi đầu tư phát triển du lịch cụ thể như:

- Nghị quyết số 04/NQ-HU ngày 30/03/2016 của Huyện ủy huyện Thường Xuân về phát triển du lịch ở huyện;

- Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 22/08/2016 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân về việc ban hành Đề án phát triển Du lịch huyện Thường Xuân giai đoạn 2016-2020, định hướng 2025;

- Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 31/01/2019 của UBND huyện Thường Xuân về phát triển du lịch Năm 2019;

- Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 02/07/2019 của UBND huyện Thường Xuân về điều chỉnh bổ sung kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 31/01/2019.

Như vậy, việc phát triển du lịch cũng nhận được sự quan tâm của huyện Thường Xuân, do đó việc quy hoạch và phát triển du lịch ở Xuân Liên có các căn cứ pháp lý chắc chắn với sự đồng thuận cao từ trung ương tới tỉnh, tới huyện nơi mà các hoạt động du lịch sẽ trực tiếp được thực hiện. Sự đồng thuận đó là điều kiện tiên quyết cho việc phát triển du lịch sinh thái ở huyện Thường Xuân nói chung và Ban BTTN Xuân Liên nói riêng.

3.3.2. Vị trí địa lý

- Khu BTTN Xuân Liên thuộc địa giới hành chính huyện Thường Xuân và cũng có vị trí tương đối đắc địa cho việc phát triển và kinh doanh du lịch. So với nhiều khu bảo tồn, Vườn quốc gia trong Tỉnh thì Xuân Liên có vị trì tương đối thuận lợi về giao thông và nằm trên trục đường kết nối giữa vùng trung du và miền núi tây Thanh Hóa và kết nối với các điểm du lịch quan trọng của tỉnh Thanh Hóa vùng phụ cận Ninh Bình, Tây Nghệ An. Cụ thể:

+ Cách đường Hồ Chí Minh 15 km;

+ Cách cảng hàng không Thọ Xuân 25 km;

+ Cách thành phố Thanh Hóa 60 km;

+ Cách khu công nghệ cao Lam Sơn-Sao Vàng 25km;

+ Cách khu du lịch biển Sầm Sơn 75km;

+ Cách Khu kinh tế Nghi Sơn 120km.

+ Cách Vườn quốc gia Cúc Phương 80km

+ Cách khu du lịch Tràng an, Bái đính 100 km

+ Cách Vườn quốc gia Pù Mát 120 km;

+ Cách biển Cửa Lò 173 km;

- Có vị trí thuận lợi về giao thông, khu kinh tế lớn và dễ dàng kết nối với các điểm du lịch là các điều kiện thuận lợi và lợi thế mà Xuân Liên có được nhằm giúp cho việc phát triển du lịch.

3.3.3. Điều kiện thời tiết, biến đổi khí hậu

- Việt Nam được dự đoán là nước chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, hạn hán sẽ là những nguy cơ mà Xuân Liên có thể gặp. Hạn hán có làm thay đổi chế độ thủy văn và gây nguy cơ cháy rừng ở các vùng tre nứa, các khu vực trảng cỏ. Sự thay đổi về thủy văn có thể ảnh hưởng tới các điểm và tuyến du lịch như các suốt, thác ít nước hơn nên các hoạt động du lịch liên quan đến các điểm đó cũng sẽ khó thực hiện.

- Đối với hồ thủy lợi-thủy điện Cửa Đạt, hạn hán cũng làm mực nước trên hồ giảm xuống ảnh hưởng đến một số tuyến đường thủy hay việc vận hành các bến thuyền khó khăn do mực nước quá thấp.

- Ngoài ra, điều kiện thời tiết cực đoan như mưa lớn cũng tạo nguy cơ lũ ống, lũ quét làm các điểm du lịch liên quan tới suối, thác không thể khai thác được. Hay sạt lở đất làm thay đổi cấu trúc địa chất đất, ảnh hưởng đến các công trình xây dựng, hệ thống đường giao thông làm cho việc khai thác du lịch bị gián đoạn.

- Tuy nhiên, là khu vực có chất lượng rừng tốt, độ che phủ cao giúp việc điều tiết nước tốt kể cả khi mưa lớn và hạn hán. Hơn thế, độ che phủ rừng tốt cũng giúp giảm các nguy cơ lũ và sát lở nên các hiện tượng thời tiết cực đoan nêu trên cũng không phải là mối đe dọa lớn đối với du lịch ở Xuân Liên. Tuy vậy, các nguy cơ này cũng cần được tính đến khi chọn các điểm, thiết lập các tuyến, các hoạt động du lịch nhằm có phương án dự phòng và giảm thiểu phù hợp nhằm có sự an toàn tối đa cho du khách, cho cộng đồng và hạ tầng du lịch.

3.3.4. Dân số và nguồn nhân lực, lao động

Dự báo dân số của các xã, thị trấn vùng đệm Khu bảo tồn đến năm 2025tăng lên 33.123 nhân khẩu, tổng số dân trong độ tuổi lao động 17.124

người. Đến năm 2030 đạt 34.884 nhân khẩu, tổng số dân trong độ tuổi lao động 17.916 người; tỷ lệ tăng dân số bình quân là 0,8%, bằng 70% so với tỷ lệ tăng dân số của cả nước.

Số người trong độ tuổi lao động trên chính là nguồn lao động tiềm năng góp phần phát triển du lịch ở Xuân Liên trong thời gian tới. Tuy nhiên, để nguồn nhân lực đó thực sự đóng góp được cho hoạt động du lịch thì cần có chiến lược đào tạo phù hợp với nhu cầu thực sự của hoạt động du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái.

Dự báo nhu cầu lao động trong lĩnh vực du lịch tại Xuân Liên trong thời gian tới được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Dự báo nhu cầu sử dụng lao động phát triển du lịch

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2025	Năm 2030
1	Lao động phân theo mức độ đóng góp	Người	1.350	3.300
-	Lao động trực tiếp	Người	338	990
-	Lao động gián tiếp	Người	1.013	2.310
2	Lao động phân theo mức độ đào tạo	Người	1.350	3.300
-	Lao động được đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vu du lịch	Người	945	2.310
-	Lao động chưa qua đào tạo	Người	405	990

3.3.5. Lượng khách và nguồn khách

Theo dự báo, lượng khách trong nước và quốc tế đến với các huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa tăng trưởng trong giai đoạn 2020- 2030 là khá lớn. Ở khu vực huyện Thường Xuân và Xuân Liên là khu vực có nhiều cảnh quan thiên nhiên độc đáo, môi trường khí hậu thuận lợi nên tương lai khu vực này sẽ là một trong những trọng điểm du lịch quan trọng của tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại, khách đến Xuân Liên còn tương đối khiêm tốn, nguyên nhân chính là do chưa có phương hướng phát triển du lịch, cũng như chưa tổ chức được các hoạt động du lịch để thu hút được khách. Việc quảng bá cho du lịch cũng chưa được thực hiện; Hệ thống hạ tầng, dịch vụ còn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch.

Nhóm khách du lịch cho các ngày nghỉ và vui chơi giải trí (du lịch sinh thái, thưởng ngoạn, khám phá cảnh quan thiên nhiên; tham quan di tích lịch sử; du lịch mạo hiểm, thể thao; du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng) chiếm tỷ lệ khoảng 50~55%;

- Nhóm khách kinh doanh và làm việc (liên kết hệ thống các vườn quốc gia, các khu bảo tồn trong nước và toàn cầu) chiếm tỷ lệ khoảng 10~15%;

- Nhóm khách với mục đích khác (thăm bạn bè và người thân, lý do tôn giáo và hành hương, điều trị y tế) chiếm tỷ lệ khoảng 25~30%;

Về cơ cấu chi tiêu của khách: Phần lớn khoản chi của khách sẽ dùng cho lưu trú và ăn uống (chiếm 60%), phần còn lại dành cho mua sắm hàng lưu niệm,

đi lại và các dịch vụ bổ sung khác. Việc chuyển dịch cơ cấu chi tiêu của khách là yếu tố rất quan trọng trong chiến lược phát triển và kinh doanh du lịch, muốn tăng nguồn từ du khách thì cần hướng tới các dịch vụ để khách chi tiêu nhiều hơn như kéo dài thời gian lưu trú, có nhiều sản phẩm du lịch bổ sung cho các sản phẩm chính.

Trên cơ sở thống kê lượt khách đến Thường Xuân giai đoạn 2015-2020 đạt mức 250.000 lượt khách/năm, trên cơ sở cơ cấu mức chi tiêu của khách du lịch gồm: Thuê phòng, ăn nuống, đi lại, thăm quan, mua hàng hóa, y tế và chi khác. Sau khi Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Xuân Liên đi vào hoạt động, dự báo lượng khách và doanh thu giai đoạn 2020-2025 và 202502030 cụ thể như sau:

Bảng 5. Dự báo lượt khách, doanh thu du lịch đến năm 2030

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2025	Năm 2030
I	**Tổng lượt khách**	**Lượt**	**45.000**	**110.000**
1	**Phân theo thị trường**			
1.1	*Khách quốc tế*	*Lượt*	*5.000*	*10.000*
-	Khách lưu trú		4.000	8.500
-	Khách tham quan trong ngày		1.000	1.500
1.2	*Khách nội địa*	*Lượt*	*40.000*	*100.000*
-	Khách lưu trú		16.000	40.000
-	Khách tham quan trong ngày		24.000	60.000
2	**Phân theo đối tượng khách**			
2.1	*Khách đi du lịch theo tour lữ hành*	*Lượt*	*25.000*	*70.000*
2.2	*Khách tham quan học tập, nghiên cứu khoa học kết hợp du lịch*	*Lượt*	*5.000*	*10.000*
2.3	*Khách tự do*	*Lượt*	*15.000*	*30.000*
II	**Tốc độ tăng trưởng lượt khách trung bình năm (%)**	%	55,18	19,57
II	**Doanh thu**	**Tr.đồng**	**25.300**	**83.250**
1	Khách quốc tế	Tr.đồng	4.100	14.250
2	Khách nội địa	Tr.đồng	21.200	69.000

3.3.6. Các yếu tố về xây dựng cơ sở hạ tầng, khả năng liên kết hợp tác

3.3.6.1.Các yếu tố về xây dựng cơ sở hạ tầng

Các hoạt động du lịch sinh thái nhằm khai thác tiềm năng môi trường rừng khi phát triển sẽ thu hút nhiều lao động tham gia vào kinh doanh dịch vụ này. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là quy hoạch xây dựng các khu vực cắm trại trong rừng sẽ có tiềm tàng nguy cơ cháy rừng nếu không được kiểm soát tốt.

3.3.6.2. Khả năng liên kết hợp tác

Nội vùng có các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa như:Khu di tích Cửa Đạt (đền thờ Thánh Mẫu thượng Ngàn, đền thờ Danh nhân Cầm Bá Thước); Đền Cô thác Mạ; Đền thờ Cầm Bá Hiển (xã Vạn Xuân); Hội thề Lũng Nhai; Đập thủy điện Cửa Đạt; Đập thủy điện Xuân Minh; Nông trại Golden Cow (xã Lương Sơn). Ngoại vi có Khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh; Công viên sinh thái Tre luồng Thanh Tam và khả năng kết nối các Khu, điểm du lịch trong tỉnh như suối cá thần Cẩm Lương, Thành nhà Hồ, biển Hải Tiến, biển Sầm Sơn, biển Hải Hòa, Khu BTTN Pù Luông, Vườn quốc gia Bến En... là điều kiện để tổ chức các tuor, các chương trình du lịch hấp dẫn (du lịch sinh thái kết hợp du lịch bản sắc cộng đồng, du lịch tâm linh, kết nối du lịch rừng- biển... trong bức tranh tổng thể của ngành du lịch Thanh Hóa.

Cùng với vị trí địa lý thuận lợi, có khả năng tiếp cận bằng đường bộ qua Quốc lộ 47, đường Hồ Chí Minh vàđường hàng không qua cảng hàng không Thọ Xuân đây là điều kiện thuận lợi để thu hút và kéo dài thời gian lưu trú của khách nội địa cũng như khách quốc tế.

3.4. Thuyết minh phương án phát triển các điểm và tuyến du lịch

3.4.1. Phương án phát triển điểm du lịch

3.4.1.1. Nguyên tắc phát triển điểm du lịch

- Tuân thủ các quy định về quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học của Khu BTTN Xuân Liên

- Có sức hấp dẫn và có tính nổi trội về cảnh quan thiên nhiên, các đặc điểm văn hóa-xã hội, tâm linh ...;

- Dễ tiếp cận được một cách an toàn;

- Có thể tạo ra nhiều loại hình và sản phẩm du lịch với giá cả hợp lý;

- Có điệu kiện tốt ít phải tôn tạo và xây dựng công trình phụ trợ;

- Dễ kết nối với các điểm du lịch khác.

- Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng địa phương, đảm bảo phân chia lợi ích hài hòa của các bên tham gia vào hoạt động du lịch.

- Đảm bảo phát triển bền vững, bảo tồn tốt các giá trị tài nguyên du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa địa phương và bảo vệ môi trường.

3.4.1.2. Tiêu chí phát triển điểm du lịch

- Phong tục, tập quán của cộng đồng địa phương còn khá đậm nét, còn giữ được bản sắc văn hóa của địa phương; nằm trong các tuyến du lịch đã hình thành, có khả năng đón tiếp và phục vụ du khách.

- Có các đặc điểm văn hóa–xã hội dân tộc nổi trội;

- Dễ tiếp cận và thuận tiện giao thông, đặc biệt là giao thông công cộng;

- Đem đến cho du khách sự hiểu biết và trải nghiệm các giá trị tự nhiên,

giá trị sinh thái;

- Dễ tiếp cận tới các thắng cảnh, điểm nhấn với sự an toàn;

- Cung ứng nhiều dịch vụ có chất lượng với giá cả phù hợp;

- Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về da dạng sinh học;

- Giúp cho việc bảo tồn các giá trị thiên nhiên, đa dạng sinh học ở Xuân Liên hiệu quả hơn;

- Đảm bảo về an ninh, an toàn tại chỗ cho du khách.

3.4.1.3. Định hướng phát triển điểm du lịch

Điểm du lịch là các đầu mối quan trọng của các tuyến du lịch, là nơi sẽ đưa ra nhiều sản phẩm du lịch vì vậy việc lựa chọn, phát triển các điểm du lịch phải được lập kế hoạch kỹ lưỡng với các định hướng dài hạn. Do vậy, ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc và tiêu chí trên thì việc phát triển du lịch ở các điểm tại Xuân Liên sẽ là du lịch sinh thái vì thế hoạt động du lịch sinh thái cũng cần được xây dựng theo các định hướng sau:

- Phải góp phần tích cực vào việc bảo vệ thiên nhiên, đa dạng sinh học và duy trì hệ sinh thái tự nhiên, văn hóa truyền thống của địa phương;

- Luôn đặt nguyên tắc về môi trường, sinh thái lên hàng đầu, chấp nhận điềukiện, hoàn cảnh tự nhiên theo đúng nghĩa của nó và chấp nhận sự hạn chế của nó hơn là làm biến đổi môi trường cho sự thuận tiện cho kinh doanh.

- Giúp khách được hoà nhập và cảm nhận được các giá trị sinh thái, giá trị tự nhiên và nhân văn; khuyến khích trách nhiệm đạo đức đối với môi trường.

- Lượng khách luôn được điều hoà mức dưới hạn chịu tải, để đảm bảo cho không gian, môi trường không bị quá tải;

- Đảm bảo lợi ích lâu dài hài hoà lợi ích giữa môi trường, du lịch và lợi ích kinh tế của tất cả các bên tham gia.

a) Điểm du lịch nội vi

Đề án xây dựng phương án phát triển 10 điểm du lịch nội vi

Bảng 6. Tổng hợp các điểm du lịch trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên

TT	Điểm du lịch	Phân khu	Định hướng dịch vụ du lịch
1	Điểm Trung tâm Du khách	Phân khu hành chính dịch vụ	Dịch vụ lưu trú nhà khách; Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (tham quan, dã ngoại, check in, câu cá); Dịch vụ hội nghị, hội thảo; Dịch vụ du thuyền; Dịch vụ nghiên cứu khoa học (vườn thực vật/nhà bảo bàng thiên nhiên).
2	Điểm du lịch	Phân khu	Dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe;

TT	Điểm du lịch	Phân khu	Định hướng dịch vụ du lịch
	sinh thái, nghỉ dưỡng	hành chính dịch vụ	Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đạp xe, tham quan, check in, câu cá…); Dịch vụ hội nghị, hội thảo; Dịch vụ du thuyền; Dịch vụ trải nghiệm sản xuất nông nghiệp
3	Điểm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao	Phân khu hành chính dịch vụ và phục hồi sinh thái	Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ tham quan(check in); Dịch vụ nghiên cứu khoa học
4	Điểm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp	Phân khu hành chính dịch vụ	Dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe; Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao, đạp xe, tham quan, check in, câu cá…); Dịch vụ hội nghị, hội thảo; Dịch vụ du thuyền.
5	Điểm trình diễn mô hình rừng	Phân khu phục hồi sinh thái	Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ nghiên cứu khoa học; Dịch vụ tham quan, check in; Dịch vụ trải nghiệm sản xuất lâm nghiệp
6	Điểm du lịch thác Yên	Phân khu Hành chính dịch vụ và phục hồi sinh thái	Dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe; Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, tham quan, check in, câu cá…); Dịch vụ du thuyền.
7	Điểm du lịch Hón Can	Phân khu Hành chính dịch vụ và phục hồi sinh thái	Dịch vụ lưu trú; Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (tham quan, check in, câu cá…)
8	Điểm du lịch thác Thiên Thủy	Phân khu phục hồi sinh thái	Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, leo núi thể thao, đạp xe); Dịch vụ tham quan, check in
9	Đỉnh Pù gió	Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ leo núi thể thao; Dịch vụ tham quan, check in
10	Rừng nguyên sinh bản Vịn	Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ nghiên cứu khoa học; Dịch vụ tham quan, khám phá rừng nguyên sinh, check in

1. Điểm Trung tâm du khách

Nội dung	Phương án phát triển
Vị trí	Trung tâm Du khách là khu vực liên hợp giữa Khu văn phòng Ban quản lý Khu bảo tồn–Vườn thực vật và Bến thuyền Cửa Đạt tại Tiểu khu 517 thuộc phân khu hành chính dịch vụ
Diện tích	145ha
Hiện trạng	- Hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và tài nguyên + Khu văn phòng hiện có: Trung tâm đón tiếp khách (nhà sàn diện tích 90m2 và 04 phòng lưu trú diện tích 90m2); Khu văn phòng làm việc (nhà 2 tầng diện tích sàn 110m2 và nhà ở công vụ diện tích 120m2); Khu văn phòng Hạt kiểm lâm (Nhà làm việc diện tích 100m2 và nhà ở công vụ diện tích 120m2; Nhà bảo tàng thiên nhiên (nhà 1 tầng, diện tích sàn 300m2); 01 trạm biến áp 0,4KAV hạ thế truyền tải điện. + Hồ sinh thái: Hồ nước rộng 2ha đã được xây dựng hệ thống đập chứa + Vườn thực vật: Diện tích 100ha có trạng thái rừng chủ yếu là đất trống, các loại cây chính là cây ưa sáng mọc nhanh (Ngát, Ràng ràng, Thành Ngạnh, Chè Rừng, ...) + Khu bến thuyền Cửa Đạt: Bến thuyền có 04 điểm lên xuống theo mực nước dâng; Khu nhà Trạm kiểm lâm Cửa Đạt (01 nhà sàn diện tích 90m2, 01 nhà nổi diện tích 72m2 và 01 hệ thống phao nổi diện tích 90m2) - Hiện trạng giao thông: Điểm có đường giao thông kết nối từ Khu văn phòng đến bến thuyền Cửa Đạt dài 3,6km, lòng đường rộng 2,5m, kết cấu BTXM đường giao thông cấp IV miền núi) - Giá trị tài nguyên du lịch: + Trung tâm du khách có hồ sinh thái rộng 2ha; Vườn thực vật 100ha; Nhà bảo tàng thiên nhiên nơi lưu giữ 600 tiêu bản các loài động, thực vật mẫu chuẩn hệ sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; Khu bến thuyền tiếp giáp hồ Cửa Đạt rộng 3.000ha. + Hòn mài mực: Nằm giữa dòng sông Chu đoạn chảy qua thôn Tiến Sơn 2, thị trấn Thường Xuân, điển tích Hòn Mài Mực nơi Lê Lợi cùng Nguyễn Trãi mài son rửa bút cho cuộc khởi Lam Sơn, còn lưu truyền mãi tích ca: "Mài mực nuôi con, mài son đánh giặc". + Kết nối điểm du lịch cộng đồng có thôn Thanh Xuân (bản Mạ) có tuổi đời trên 300 năm, với 100% là người Thái đen sinh sống, bước qua cầu treo bắc ngang qua sông Chu hiền hòa, thơ mộng, không gian bản làng hiện lên giữa bốn bề núi biếc, đồng xanh và những nếp nhà sàn giản dị, cùng nếp sống chân mộc bên bếp lửa nhà sàn cùng men rượu cần đắm say với điệu nhảy sạp, múa xòe cùng khúc hát khặp giao duyên đầy tình tứ.
Mục đích	- Đón tiếp, giới thiệu cho du khách về lộ trình và các nội dung tham quan du lịch; kết hợp tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường thông qua phim ảnh và trực tiếp quan sát sinh cảnh tại vườn thực vật. - Phát triển dịch vụ: Dịch vụ lưu trú nhà khách; Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (tham quan,

Nội dung	Phương án phát triển
	dã ngoại, check in, câu cá); Dịch vụ hội nghị, hội thảo; Dịch vụ du thuyền; Dịch vụ nghiên cứu khoa học (vườn thực vật/nhà bảo bàng thiên nhiên).
Thời gian thực hiện	Giai đoạn 2021-2025
Phương thức thực hiện	Tự tổ chức

2. Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng

Nội dung	Phương án phát triển
Vị trí	Giới hạn điểm đầu từ bến thuyền Cửa Đạt, điểm cuối tại tiếp giáp Trạm kiểm Lâm Sông Khao (nằm ở phía tả ngạn hồ Cửa Đạt) tại Tiểu khu 517, 509 thuộc phân khu hành chính dịch vụ
Diện tích	437 ha
Hiện trạng	- Hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và tài nguyên: Thảm thực vật rừng chủ yếu là các loài cây ưa sáng mọc nhanh như: Ngát, Chẹo tía, Ràng ràng, Sung, Dẻ, Thành Ngạnh, Trẩu, Chè rừng, Trám trắng và Kháo. Thường gặp các ưu hợp: Ngát+ Ràng ràng+ Kháo+Dẻ+Thành ngạnh. Về động vật hoang dã, thường gặp các loài như Sóc Đen, Sóc, Kỳ đà. Bên cạnh đó có các loài chim, gà quý hiếm có giá về bảo tồn và phát triển du lịch như: Gà tiền mặt vàng, gà lôi trắng, Khướu mỏ dài, đuôi cụt bụng vằn…. - Hiện trạng giao thông: Điểm có đường tả ngạn hồ Cửa Đạt kết nối giao thông chiều dài 14km (giai đoạn 1 đã được đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng 06km, nền đường rộng 3,5m, kết cấu BTXM đường giao thông cấp IV miền núi) - Giá trị tài nguyên du lịch: Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng có địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai mầu mỡ với vị trí nằm bên bờ tả ngạn hồ Cửa Đạt rất thích hợp cho phát triển loại hình du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch nông nghiệp, trong khu có đỉnh núi Pù Mòn và hệ suối thác Hón Bố có cảnh quan đẹp rất thích hợp phát triển loại hình du lịch suối thác.
Mục đích	- Xây dựng Làng du lịch sinh thái với các dịch vụ: Dịch vụ lưu trú, chăm sóc sức khỏe; Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ trải nghiệm sản xuất nông nghiệp - Xây dựng Khu nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe với hệ thống các dịch vụ: Dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe (Xông hơi, massager, tắm thuốc; Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ hội nghị, hội thảo; Dịch vụ du thuyền - Xây dựng khu vui chơi, giải trí suối thác hón Bố với các dịch vụ: Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đạp xe, tham quan, check in, câu cá…)
Thời gian thực hiện	Giai đoạn 2021-2025

Nội dung	Phương án phát triển
Phương thức thực hiện	Cho thuê môi trường rừng

3. Điểm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao

Nội dung	Phương án phát triển
Vị trí	Tại tiểu khu 509 thuộc phân khu hành chính dịch vụ và tiểu khu 502 thuộc phân khu Phục hồi sinh thái
Diện tích	50ha
Hiện trạng	- Hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và tài nguyên: + Khu nhà quản lý điều hành Khu cứu hộ (01 nhà sàn diện tích 90m2, 02 phòng chức năng diện tích 60m2; hệ thống 02 chuồng nuôi nhốt động vật (diện tích 30m2) và khuôn viên. + Khu chăn thả động vật bán hoang dã: Diện tích quy hoạch 50ha có trạng thái rừng chủ yếu là đất trống, các loại cây chính là cây ưa sáng mọc nhanh (Ngát, Ràng ràng, Thành Ngạnh, Chè Rừng, ...) - Hiện trạng giao thông: Điểm có đường giao thông kết nối bằng đường thủy nội địa từ bến thuyền Cửa Đạt, chiều dài 7km.
Mục đích	Là trung tâm cứu hộ, nghiên cứu và chăn thả động vật bán hoang dã, kết hợp tổ chức các hoạt động tham quan du lịch, nghiên cứu khoa học
Thời gian thực hiện	Giai đoạn 2021-2025
Phương thức thực hiện	Tự tổ chức

4. Điểm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Resort)

Nội dung	Phương án phát triển
Vị trí	Điểm có vị trí nằm ở phía Tây đập Cửa Đạt (khu vực núi Khọng), cách đập Cửa Đạt 3,5km bao gồm khu vực 04 đảo nổi, tại tiểu khu 513 thuộc phân khu hành chính dịch vụ
Diện tích	230,7ha
Hiện trạng	- Hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và tài nguyên: Khu vực có các trạng thái rừng: đất trống (DT1) do nằm trong diện tích phát dọn vệ sinh lòng hồ và kiểu phụ thứ sinh nhân tác rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp phục hồi sau nương rẫy (TXP). Thảm thực vật rừng với thành phần loài đơn giản, chủ yếu là cây tiên phong ưa sáng mọc nhanh như: Lòng mang, Vạng trứng, Côm, Mán đỉa, Vỏ mãn, Thừng mực, ngõa khỉ, ngát, Ràng ràng, Bưởi bung, Ba soi. Loài chiếm ưu thế là: Ràng ràng + Ngát + Lòng mang. Về động vật hoang dã, thường gặp các loài như: Khỉ, Sóc đen, Hoẵng, Kỳ đà và các loài chim.

Nội dung	Phương án phát triển
	- Hiện trạng giao thông: Điểm có đường giao thông kết nối bằng đường thủy nội địa từ bến thuyền Cửa Đạt, chiều dài 3,5km. - Giá trị tài nguyên du lịch: Điểm có vị trí nằm phía bờ hữu ngạn hồ Cửa Đạt, có 04 cụm đảo nổi được ví như hạ long của Khu BTTN Xuân Liên, là điều kiện để phát triển khu nghỉ dưỡng cao cấp (Resort)
Mục đích	Phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng cao cấp với hệ thống các dịch vụ: Dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe (Xông hơi, massage, tắm thuốc); Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao, đạp xe, tham quan, check in, câu cá…); Dịch vụ hội nghị, hội thảo; Dịch vụ du thuyền.
Thời gian thực hiện	Giai đoạn 2021-2025
Phương thức thực hiện	Cho thuê môi trường rừng

5. Điểm trình diễn mô hình rừng

Nội dung	Phương án phát triển
Vị trí	Tại tiểu khu 515, 510, 502 thuộc phân khu phục hồi sinh thái
Diện tích	180ha
Hiện trạng	- Hiện trạng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật và tài nguyên: Điểm có trạng thái rừng chủ yếu là rừng phục hồi sau nương rẫy, thảm thực vật rừng chủ yếu là các loài cây ưa sáng mọc nhanh (Ngát, Chẹo Tía, Ràng Ràng, Sung, Dẻ, Thành Ngạnh, ...). - Hiện trạng giao thông: Điểm có đường giao thông kết nối bằng đường thủy nội địa từ bến thuyền Cửa Đạt, chiều dài 7km. - Giá trị tài nguyên du lịch: Điểm trình diễn mô hình rừng có vị trí nằm bên bờ hữu ngạn hồ Cửa Đạt với địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai mầu mỡ rất thích hợp phát triển các mô hình trình diễn rừng
Mục đích	Phục hồi cảnh quan rừng, trồng quy tập trình diễn mô hình các loài cây lâm đặc sản, cây dược liệu; cây thuốc; cây cảnh quan; cây hoa có giá trị kinh tế dưới tán rừng. Tổ chức các Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ nghiên cứu khoa học; Dịch vụ tham quan, check in; Dịch vụ trải nghiệm sản xuất lâm nghiệp
Thời gian thực hiện	Giai đoạn 2021-2025
Phương thức thực hiện	Tự tổ chức

6. Điểm du lịch thác Yên

Nội dung	Phương án phát triển
Vị trí	Vị trí tại khoảnh 3,4,5 tiểu khu 515; khoảnh 2, tiểu khu 513 phân khu phục hồi sinh thái và khoảnh 2, tiểu khu 513 phân khu hành chính dịch vụ
Diện tích	165ha
Hiện trạng	- Hiện trạng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật và tài nguyên: Điểm có trạng thái rừng thuộc kiểu phụ thứ sinh, có cấu trúc rừng nhiều tầng, nhiều loài thực vật thân gỗ khác nhau sinh sống như: Kháo, Dẻ, Vàng rè, Xoan đào, Trám, Ràng ràng. Về động vật hoang dã, thường gặp các loài như: Khỉ, Sóc Đen, Hoẵng và các loài chim. - Hiện trạng giao thông: Điểm có kết nối bằng đường thủy nội địa chiều dài 11km và đường mòn đi bộ dọc suối chiều dài 1km. - Giá trị tài nguyên du lịch: Điểm nằm phía Tây nam hồ Cửa Đạt có hệ suối thác Hón Yên hùng vĩ và hoang sơ với quần thể gồm 4 thác nước nằm gối lên nhau bung nước xuống từ những đỉnh núi của dãy Pù Ta Leo có độ cao trên 1.000m. 02 hệ thác đầu hùng vĩ nước đổ tung bọt trắng xóa ví như dãi lụa trời phơi trắng, sau cùng là 02 hệ thác len lỏi trong ngút ngàn của rừng xanh, hiền hòa thơ mộng như mái tóc dài của nàng sơn nữ nơi vùng sông nước miền rừng.
Mục đích	- Xây dựng Khu nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe với hệ thống các dịch vụ: Dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe (tắm suối nóng, tắm khoáng); Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ hội nghị, hội thảo; Dịch vụ du thuyền - Xây dựng khu vui chơi, giải trí suối thác Hón Yên với các dịch vụ: Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, tầu lượn, tham quan, check in, câu cá…)
Thời gian thực hiện	Giai đoạn 2021-2025
Phương thức thực hiện	Cho thuê môi trường rừng

7. Điểm du lịch Hón Can

Nội dung	Phương án phát triển
Vị trí	Nằm ở phía Đông Bắc chân núi Pù Tà Leo với dãy núi ven hồ Hón Can về phía Tây và phía Đông tại tiểu khu 520 và 521, thuộc phân khu phục hồi sinh thái
Diện tích	123,8ha
Hiện trạng	- Hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và tài nguyên + Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật: Điểm hiện có khu nhà Trạm kiểm lâm Hón Can (01 nhà làm việc diện tích 60m2);

Nội dung	Phương án phát triển
	+ Hiện trạng tài nguyên: Điểm có thái rừng khu vực chủ yếu thuộc kiểu phụ thứ sinh nhân tác rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp phục hồi sau nương rẫy (TXP), cấu trúc rừng đơn giản với các loài thực vật thân gỗ chủ yếu như: Trâm, Bứa, Ngát, Dẻ, Ràng ràng, Kháo, Trám, Súm, độ che phủ rừng từ 0,5-0,6. Loài chiếm ưu thế là: Ràng ràng, Dẻ, Súm, Trâm. Thành phần cây tái sinh phát triển mạnh với các loài Ràng ràng, Dẻ. Về động vật hoang dã, thường gặp các loài như Sóc Đen, Khỉ, Hoẵng và các loài Chim. Bên cạnh đó là các loài cá nước ngọt sinh sống ở khe suối trong khu vực và hồ Hón can. - Hiện trạng giao thông: Điểm có đường giao thông kết nối bằng đường ô tô từ Trung tâm du khách chiều dài 23km theo tỉnh lộ 519. - Giá trị tài nguyên du lịch: + Điểm có vị trínằm bao quanh khu hồ Hón Can thơ mộng cùng hệ hang Vua, hang Quan huyền bí. + Kết nối điểm du lịch cộng đồng có thôn Hang Cáu nằm tựa lưng vào dãy núi đá với điển tích hang Vua, hang Quan, bản làng giữa bốn bề núi biếc, đồng xanh bên những nếp nhà giản dị, cùng nếp sống chân mộc của những người nông dân hiền hòa, chất phác.
Mục đích	Phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng cao cấp với hệ thống các dịch vụ: Dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe (Xông hơi, massage, tắm thuốc); Dịch vụ ẩm thực; Dịch vụ bán hàng lưu niệm; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (sân Golf, đạp xe, tham quan, check in, câu cá…) Dịch vụ du thuyền.
Thời gian thực hiện	Giai đoạn 2021-2025
Phương thức thực hiện	Cho thuê môi trường rừng

8. Điểm du lịch thác Thiên Thủy

Nội dung	Phương án phát triển
Vị trí	Có vị trí nằm ở phía Đông Bắc chân núi Pù Tà Leo, tại tiểu khu 520 thuộc phân khu phục hồi sinh thái
Diện tích	9,5ha
Hiện trạng	- Hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và tài nguyên: + Hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật: Điểm hiện có 01 nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn + Hiện trạng tài nguyên: Điểm có trạng thái rừng thuộc kiểu phụ thứ sinh nhân tác rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp phục hồi (TXP). Khu vực có cấu trúc rừng nhiều tầng, nhiều loài thực vật thân gỗ khác nhau sinh sống như: Kháo, Dẻ, Vàng rè, Xoan đào, Trám, Ràng ràng, độ che phủ rừng từ 0,5-0,6. Đặc biệt ở tầng vượt tán rải rác

Nội dung	Phương án phát triển
	những cây gỗ lớn như Táu mật, Sến mật. Về động vật hoang dã, thường gặp các loài như: Khỉ, Sóc Đen, Hoẵng và các loài chim. - Hiện trạng giao thông: Điểm có đường giao thông kết nối bằng đường ô tô từ Trung tâm du khách chiều dài 23km theo tỉnh lộ 519 và đường đi bộ chiều dài 4km, nền đường rộng 1,2m kết cấu BTXM. - Giá trị tài nguyên du lịch: Điểm có thác Thiên Thủy: Theo điển tích, ngày xưa thác có tên là Thác Mù, do dòng thác bắt nguồn từ đỉnh Pù Gió nơi bốn mùa quanh năm mây phủ, giữa sương giăng mờ ảo mây trời, một dòng thác hiện ra trắng xóa từ lưng trừng núi thác có tên Thiên Thủy (nước Trời) cũng từ đó, vào những hôm trời mây mù những ai được ngắm nhìn thời khắc dòng thác hiện ra trong mờ ảo sẽ gặp được rất nhiều may mắn. Thác Thiên Thủy nằm giữa khung cảnh hoang sơ và hùng vĩ cùng khí hậu trong mát của rừng nguyên sinh, thác Thiên Thủy có dòng nước trải rộng gần 300m trắng xóa đổ xuống từ trên cao 300m thẳng đứng, quanh thác là những bông hoa dại màu tím, vàng li ti chen nhau mọc trên những vách đá, những thân cây rù rì hàng trăm năm nuổi. Từ chân thác nhìn lên, những hạt nước bụi phản chiếu ánh mặt trời thành chiếc cầu vồng lấp lánh bắc ngang qua ghềnh đá càng làm cho cảnh vật thêm phần lung linh, huyền ảo.
Mục đích	Phát triển loại hình du lịch tham quan dã ngoại với các dịch vụ: Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, leo núi thể thao, đạp xe); Dịch vụ tham quan, check in
Thời gian thực hiện	Giai đoạn 2021-2025
Phương thức thực hiện	Cho thuê môi trường rừng

9. Điểm du lịch đỉnh Pù Gió

Nội dung	Phương án phát triển
Vị trí	Vị trí tại tiểu khu 516 thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, có độ cao 1.620m so với mực nước biển
Diện tích	5ha
Hiện trạng	- Hiện trạng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật và tài nguyên: Đỉnh Pù Gió cũng có nhiều kiểu rừng đặc trưng trên núi cao như rừng trúc, rừng rêu và rừng đỗ quyên. Từ đỉnh Pù Gió có thể quan sát được 2 hồ lớn của khu vực là hồ Cửa Đạt và hồ thủy điện Hủa Na (Quế Phong, Nghệ An). Trạng thái rừng thuộc rừng nguyên sinh, nhiều loài thực vật thân gỗ khác nhau sinh sống như: Sến, Táu, Thông nàng thuần .... Đặc biệt ở tầng vượt tán rải rác những cây gỗ lớn như Táu mật, Sến mật. Về động vật hoang dã, thường gặp các loài như: Khỉ, Sóc Đen, và các loài chim.

Nội dung	Phương án phát triển
	... - Hiện trạng giao thông: Điểm có kết nối từ trung tâm du khách đi trạm kiểm lâm Hón Can bằng đường ô tô chiều dài 23km theo tỉnh lộ 519 và hành trình leo núi bằng đường mòn chiều dài 9,2km. - Giá trị tài nguyên du lịch: Là đỉnh núi cao nhất của Tỉnh Thanh Hóa (độ cao 1.620m), đỉnh Pù Gió có tiểu khí hậu rất đặc biệt, nhiệt độ mát mẻ quanh năm mùa hè nhiệt độ chỉ dao động 20-25oC, mùa đông có thể có băng giá. Đứng trên đỉnh núi Pù Gió có thể thu trọn tầm mắt ngắm khung cảnh hồ Cửa Đạt và cảnh sắc núi non trùng điệp bốn mùa quanh năm mây phủ với cảm giác chạm tay vào mây trời, đặc biệt là những cánh rừng hoa đỗ Quyên (trắng, đỏ) khoe sắc. Nơi đây còn là chiến địa pháo phòng không của quân và dân ta trong chiến tranh chống Mỹ.
Mục đích	Phát triển loại hình du lịch khám phá, trải nghiệm với các dịch vụ: Dịch vụ cắm trại Picnic; Dịch vụ leo núi thể thao; Dịch vụ tham quan, check in
Thời gian thực hiện	Giai đoạn 2021-2025
Phương thức thực hiện	Tự tổ chức Cho thuê môi trường rừng

10. Điểm du lịch rừng nguyên sinh bản Vịn

Nội dung	Phương án phát triển
Vị trí	Vị trí tại tiểu khu 484, 489 thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt
Diện tích	5ha
Hiện trạng	- Hiện trạng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật và tài nguyên: Điểm có gần5.000 ha rừng nguyên sinh là nơi phân bố tập trung của các loại cây có đường kính lớn như: Pơ mu có cây đường kính tới 2,7m; Sa mu có cây đường kính 3,9m; Bách xanh đường kính1,8m; Dẻ tùng sọc trắng đường kính 1,3m, cao 36m; Thông Nàng đường kính 1,5m... ; có 4 loài đặc hữu hẹp của Việt Nam như Vù hương, Chông, Cù đèn bon, Mã rạng Balansa. Đây là nhũng loại cây cổ đang tồn tại và được bảo vệ nghiêm ngặt, tạo nên khu cảnh quan đặc trưng của khu BTTN Xuân Liên. Hệ động vậtcó nhiều loài có tên trong sách đỏ Việt Nam và thế giới. Đặc biệt còn tồn tại nhiều quần thể thú lớn quí, hiếm rất có giá trị cho khoa học, hấp dẫn khách tham quan điển hình là các loài thú linh trưởng, các loài chim họ gà như: Hổ, Báo, Bò tót, Gấu, Vượn Đen má trắng, Gà Lôi, Chim Trĩ, Nai, Hoẵng - Hiện trạng giao thông: Điểm có kết nối từ trung tâm du khách đi trạm Kiểm lâm Bản Vịn bằng đường ô tô chiều dài 80km theo Quốc lộ 47 và

Nội dung	Phương án phát triển
	hành trình leo núi bằng đường đi bộ chiều dài 5,2km, đường rộng 1,2m kết cấu tấm đan BTXM. - Giá trị tài nguyên du lịch: + Với gần5.000 ha rừng nguyên sinh là nơi phân bố tập trung của 2 loài hạt trần quý hiếm Pomu, Samu đường kính bình quân từ 1-1,5m, trong số đó, có 2 cây đại diện Pomu (đường kính 2,7m) và Samu (đường kính 3,9m) với tuổi đời 1.500 tuổi đã được công nhận là cây di sản Việt Nam.Hệ động vật với điểm nhấn là sự phân bố của Khu hệ thú với số lượng quần thể/cá thể lớn nhất Việt Nam hiện nay như: loài Vượn đen má trắng với Vượn đen má trắng với 62 đàn, 200 cá thể; loài Vooc xám với 212 cá thể; và sự xuất hiện hiện của 3/4 loài Mang hiện có ở Việt Nam, đặc biệt đã xác định loài Mang "Mang Roosevelt" hay chính là loài mang Lào được coi là tuyệt chủng cách đây gần 100 năm. + Kết nối điểm du lịch cộng đồng bản Vịn, bản Đục thuộc xã Bát Mọt: Trong mờ ảo của đại ngàn rừng nguyên sinh, bản Đục, bản Vịn nằm trên độ cao 700m so với mực nước biển, khí hậu nơi đây được xem như Sa Pa và Đà Lạt của tỉnh Thanh Hóa, với nhiệt độ mùa hè dưới 25^0C và có băng giá vào mùa đông. Có tuổi đời trên 300 năm, với 100% là người Thái đen sinh sống, không gian bản làng là sự bình yên, tĩnh lặng giữa bốn bề núi biếc, đồng xanh và những nếp nhà sàn giản dị, cùng nếp sống chân mộc bên khung cửi, bếp lửa nhà sàn cùng men rượu cần đắm say với điệu nhảy sạp, múa xòe cùng khúc hát khặp giao duyên đầy tình tứ. Khu vực này rất thích hợp cho loại hình du lịch nghỉ dưỡng.
Mục đích	Liên kết phát triển du lịch cộng đồng HomeStay, kết hợp hoạt động cắm trại, dã ngoại, leo núi thể thao, tham quan
Thời gian thực hiện	Giai đoạn 2021-2025
Phương thức thực hiện	Tự tổ chức Liên doanh liên kết

b) Điểm du lịch ngoại vi

Đề án xác định 10 điểm du lịch ngoại vi gồm:

TT	Điểm du lịch	Địa điểm	Định hướng liên kết phát triển sản phẩm du lịch
1	Khu di tích Cửa Đạt	Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân	Liên kết phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp du lịch tâm linh, tín ngưỡng
2	Di tích hòn Mài Mực	Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Liên kết phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp du lịch di tích, lịch sử
3	Hồ thủy điện Xuân Minh	Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Liên kết phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp du lịch di tích, lịch sử

TT	Điểm du lịch	Địa điểm	Định hướng liên kết phát triển sản phẩm du lịch
4	Đền cô thác Mạ	Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Liên kết phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp du lịch tâm linh, tín ngưỡng
5	Di tích hội thề Lũng Nhai	Xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân	Liên kết phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp du lịch di tích, lịch sử
6	Nông trại Golden Cow	Xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân	Liên kết phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp du lịch nông nghiệp trải nghiệm
7	Điểm du lịch cộng đồng thôn Thanh Xuân	Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Liên kết phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng
8	Điểm du lịch cộng đồng thôn Hang Cáu	Xã Vạn Xuân	Liên kết phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng
9	Điểm du lịch cộng đồng bản Vịn	Xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân	Liên kết phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng
10	Điểm du lịch cộng đồng bản Đục	Xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân	Liên kết phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng

3.4.2. Phương án phát triển tuyến du lịch

3.4.2.1. Nguyên tắc phát triển tuyến du lịch

- Có sức hấp dẫn và có nhiều sự trải nghiệm trên tuyến
- Có tính an toàn thi tham gia;
- Có giá cả hợp lý;
- Không quá khó khi tham gia

3.4.2.2. Tiêu chí phát triển tuyến du lịch

- Dễ trải nghiệm với nhiều thuận tiện cho người tham gia
- Có nhiều trải nghiệm các giá trị tự nhiên, giá trị sinh thái;
- Dễ tiếp cận tới các điểm nhấn trên tuyến
- Dịch vụ có chất lượng với giá cả phù hợp;
- Đảm bảo về an ninh, an toàn du khách.
- Có thời gian phù hợp

3.4.2.3. Phương ánphát triển tuyến du lịch

a) Tuyến du lịch nội vi

Trên cơ sở đánh giá tài nguyên du lịch cùng các điều kiện khai thác trên thực tế và dựa trên bộ nguyên tắc và tiêu chí đã đưa ra. Đề án xác định 05 tuyến

du lịch gồm:

Tuyến 1: Tuyến du lịch ngược dòng Sông Chu

Tuyến xuất phát từ Trung tâm du khách, tham quan trải nghiệm Vườn thực vật, du thuyền ngược dòng sông Chu ngắm cảnh hồ Cửa Đạt thăm, trải nghiệm hoạt động bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học cùng kiểm lâm tại trạm Kiểm lâm Sông Khao, Trung tâm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao và Trạm kiểm lâm Hón Mong.

- Các điểm dừng chân và hoạt động du lịch trên tuyến:

+ Điểm Trung tâm đón tiếp du khách: Du kháchđược đón tiếp, giới thiệu, cung cấp các thông tin về giá trị của tài nguyên thiên nhiên, môi trường và tham quan nhà bảo tàng thiên nhiên nơi lưu giữ mẫu tiêu bản các loài động, thực vật Khu BTTN Xuân Liên.

+ Điểm vườn thực vật: Du khách có thể lựa chọn hoạt động đi bộ, dã ngoại thăm quan, học tập, nghiên cứu trải nghiệm hệ thực vật rừng Xuân Liên thu nhỏ.

+ Điểm trạm Kiểm lâm Sông Khao: Du khách lựa chọn hoạt động thăm quan, chụp ảnh lưu niệm, học tập, nghiên cứu một số loài động vật hoang dã tại Trung tâm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao.

+ Điểm trạm kiểm lâm Hón Mong: Du khách lựa chọn hoạt động trải nghiệm thăm nơi làm việc, tham gia tuần tra và nghiên cứu tài nguyên, cảnh quan rừng trên tuyến tuần tra cố định cùng cán bộ Kiểm lâm.

- Độ dài tuyến 30km: Từ bến thuyền Cửa Đạt, di chuyển bằng thuyền trên hồ Cửa Đạt ngược dòng Sông Chu với hành trình 30km

- Thời gian thực hiện tour: 01 ngày.

Tuyến 2: Tuyến du lịch dã ngoại thác Yên

Tuyến xuất phát từ Trung tâm du khách, tham quan trải nghiệm mô hình trình diễn rừng, du thuyền ngắm cảnh hồ Cửa Đạt, dã ngoại ngắm cảnh, tắm suối thác Hón Yên

- Điểm dừng chân và hoạt động trên tuyến:

+ Điểm Trung tâm đón tiếp du khách: Du khách được đón tiếp, giới thiệu, cung cấp các thông tin về giá trị của tài nguyên thiên nhiên, môi trường và tham quan nhà bảo tàng thiên nhiên nơi lưu giữ mẫu tiêu bản các loài động, thực vật Khu BTTN Xuân Liên.

+ Điểm trình diễn mô hình rừng: Du khách tham quan, học tập, nghiên cứu, trải nghiệm các mô hình trình diễn rừng các loại cây đặc sản, cây dược liệu; cây hoa có giá trị kinh tế.

+ Điểm thác Yên: Đi thuyền, thưởng ngoạn cảnh quan, thiên nhiên hai bên bờ hồ Cửa Đạt, dã ngoại ngắm cảnh, tắm suối thác Hón Yên

- Độ dài tuyến 16km: Đường thủy 15 km di chuyển bằng thuyền và 01km

đường đi bộ dã ngoại dọc suối.

- Thời gian thực hiện tour: 01 ngày

Tuyến 3: Tuyến du lịch sinh thái thác Thiên Thủy- đỉnh Pù Gió

Tuyến xuất phát từ Trung tâm đón tiếp du khách đi điểm rừng chân Hón Can, dã ngoại leo núi, ngắm cảnh, tắm suối thác Thiên Thủy và leo núi thể thao chinh phục đỉnh Pù Gió

Điểm rừng chân và hoạt động trên tuyến:

+ Điểm Trung tâm đón tiếp du khách: Du khách được đón tiếp, giới thiệu, cung cấp các thông tin về giá trị của tài nguyên thiên nhiên, tìm hiểu về giao dục môi trường và tham quan nhà bảo tàng thiên nhiên nơi lưu giữ mẫu tiêu bản các loài động, thực vật Khu BTTN Xuân Liên.

+ Điểm Hón Can: Trải nghiệm văn hóa cộng đồng tại thôn Hang Cáu, xã Vạn Xuân, thưởng thức ẩm thực và ngắm phong cảnh thôn (bản).

+ Điểm thác Thiên Thủy: Từ Hón Can du khách tiếp tục hành trình đi xe đạp và đi bộ dã ngoại leo núi thám hiểm dọc thác Thiên Thủy (cao hơn 300m) tham gia các hoạt động cắm trại Picnic; vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, leo núi thể thao, đạp xe; tham quan, check in

+ Điểm rừng nguyên sinh núi đá Pù Gió: Tiếp tục hành trình leo núi thám hiểm chinh phục đỉnh Pù Gió với độ cao 1620m so với mực nước biển. Tận hưởng cảm giác đứng trên đỉnh núi cao nhất của tỉnh Thanh Hóa thu trọn tầm mắt ngắm khung cảnh hồ Cửa Đạt và cảnh sắc núi non trùng điệp bốn mùa quanh năm mây phủ với cảm giác chạm tay vào mây trời, đặc biệt là những cánh rừng hoa đỗ Quyên (trắng, đỏ) khoe sắc. Check in bên cột cờ chiến thắng, thăm lại chiến địa pháo phòng không của quân và dân ta trong chiến tranh chống Mỹ.

- Độ dài tuyến 35km: Đường ô tô từ Trung tâm du khách đi điểm rừng chân trạm Hón Can 23 km; Bắt đầu hành trình leo núi 12km.

- Thời gian thực hiện tour: 02 ngày 1 đêm

Tuyến 4: Tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn

Tuyến xuất phát từ Trung tâm đón tiếp du khách hành trình thăm bản Đục, bản Vịn (bản làng người dân tộc Thái thuộc xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân) và hành trình khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn.

Điểm dừng chân và hoạt động trên tuyến:

+ Điểm Trung tâm đón tiếp du khách: Du khách được đón tiếp, giới thiệu, cung cấp các thông tin về giá trị của tài nguyên thiên nhiên, tìm hiểu về giao dục môi trường và tham quan nhà bảo tàng thiên nhiên nơi lưu giữ mẫu tiêu bản các loài động, thực vật Khu BTTN Xuân Liên.

+ Điểm du lịch cộng đồng bản Vịn, bản Đục: Lưu trú tại bản, tìm hiểu bản sắc văn hoá đồng bào người dân tộc Thái, thưởng thức sự bình yên, tĩnh lặng của không gian bản làng là sự bình yên, tĩnh lặng giữa bốn bề núi biếc, đồng xanh và

những nếp nhà sàn giản dị, cùng nếp sống chân mộc bên khung cửi, bếp lửa nhà sàn cùng men rượu cần đắm say với điệu nhảy sạp, múa xòe cùng khúc hát khặp giao duyên đầy tình tứ.

+ Điểm rừng nguyên sinh: Dã bộ leo núi trải nghiệm diễn giải về các diễn thế rừng thứ sinh, nguyên sinh cùng với sự thay đổi của thực vật theo độ cao, chiêm ngưỡng quần thể cây Pơ mu, Samu 1.000 năm tuổi có đường kính lên tới 3,9m, lắng nghe tiếng vượn hót nơi rừng già nguyên sinh và cùng tham gia các hoạt động cắm trại Picnic; leo núi thể thao, tham quan, check in, nghiên cứu khoa học, học tập.

- Độ dài tuyến 86,2km: Đường ô tô từ Trung tâm du khách đi điểm rừng bản Vịn, xã Bát Mọt 80 km; bắt đầu hành trình dã ngoại leo núi 6,2km đường rừng.

- Thời gian thực hiện tour: 02 ngày 1 đêm

Tuyến 5: Tuyến du lịch cáp treo Pù Gió

Tuyến có ga xuất phát từ chân núi Pù Mòn thuộc Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (ở độ cao 250m)đi qua hồ Cửa Đạt chiều ài 2,4km đến ga chuyển tiếp số 1(ở độ cao 220m) thuộc Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Resort), đi tới ga chuyển tiếp thứ 2 tại đỉnh thác Yên với chiều dài 4,7km và độ cao 400m và lên ga đích đỉnh Pù Gió (chiều dài 3,3km ở độ cao 1.500m)

- Độ dài tuyến 10,4km, thời gian hành trình 1 chiều khoảng30’

b) Tuyến du lịch kết nối ngoại vi

Trên cơ sở giá trị tài nguyên du lịch, khả năng kết nối, Đề án xác định 05 tuyến du lịch ngoại vi gồm:

Tuyến 1: Khu BTTN Xuân Liên - Khu di tích Cửa Đạt (đền thờ Danh nhân Cầm Bá Thước, Đền thờ Bà Chúa Thượng Ngàn) - Công trình thuỷ lợi, thuỷ điện Cửa Đạt - Đền cô Thác Mạ - Điểm du lịch cộng đồng thôn Thanh Xuân

- Hoạt động trên tuyến: Tham quan du lịch sinh thái tại Khu BTTN Xuân Liên; tham quan thắng cảnh công trình thuỷ lợi, thuỷ điện Cửa Đạt; vãn cảnh, daanh hương tại Khu di tích Cửa Đạt; Tìm hiểu lịch sử, bản sắc văn hoá và thưởng thức ẩm thực đặc sản của người dân tộc Thái.

- Độ dài tuyến: 10 km

- Phương thức di chuyển tiếp cận: Ô tô, xe máy.

- Thời gian thực hiện Tour là: ½ - 1 ngày

Tuyến 2: Khu BTTN Xuân Liên - Di tích hòn Mài mực - Di tích hội thề Lũng Nhai (xã Ngọc Phụng) -Nông trại Golden Cow (xã Lương Sơn) - Chợ biên giới vùng cao và Điểm du lịch cộng đồng bản Đục xã Bát Mọt

- Hoạt động trên tuyến: Tham quan du lịch sinh thái; trải nghiệm loại hình du lịch nông nghiệp; tìm hiểu lịch sử, bản sắc văn hoá và thưởng thức ẩm thực

đặc sản của người dân tộc Thái.

- Độ dài tuyến: khoảng 80 km

- Phương thức di chuyển tiếp cận: Ô tô, xe máy.

- Thời gian thực hiện Tour là: 2 ngày

Tuyến 3: Di sản thế giới Thành nhà Hồ - Suối cá thần Cẩm Lương - Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Lam Kinh -Khu BTTN Xuân Liên

- Hoạt động trên tuyến: Tuyến kết nối qua trục đường Hồ Chí Minh đón khách từ thị trường Hà Nội tham quan tìm hiểu về di tích, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên.

- Độ dài tuyến: khoảng 100 km

- Phương thức di chuyển tiếp cận: Ô tô, xe máy.

- Thời gian thực hiện Tour là: 2 ngày 1 đêm

Tuyến 4: TP biển Sầm Sơn, Khu du lịch biển Hải Tiến - Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Lam Kinh - Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam - Khu BTTN Xuân Liên

- Hoạt động trên tuyến: Tuyến kết nối qua trục đường quốc lộ 47 đón khách từ TP biển Sầm Sơn kết nối tuyến du lịch rừng - biển xứ Thanh.

- Độ dài tuyến: khoảng 75 km

- Phương thức di chuyển tiếp cận: Ô tô, xe máy.

- Thời gian thực hiện Tour là: 2 ngày 1 đêm

Tuyến 5: Khu du lịch biển Hải Hòa (thị xã Nghi Sơn) - Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Lam Kinh - Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam - Khu BTTN Xuân Liên

- Hoạt động trên tuyến: Tuyến kết nối qua trục đường từ cảng hàng không thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn đón khách từ biển Hải Hòa – Khu kinh tế Nghi Sơn, cảng hàng không Thọ Xuân kết nối tuyến du lịch rừng - biển xứ Thanh tuyến kết nối du lịch kết hợp học tập, làm việc.

- Độ dài tuyến: khoảng 120 km

- Phương thức di chuyển tiếp cận: Ô tô, xe máy.

- Thời gian thực hiện Tour là: 2 ngày 1 đêm

3.5. Địa điểm, quy mô xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái

3.5.1. Quản lý xây dựng các công trình

Hoạt động du lịch sinh thái sẽ điễn ra trong điện tích của khu bảo tồn là Rừng đặc dụng, do đó phải tuân thủ quản lý xây dựng các công trình xây dựng trong rừng đặc dụng theo Luật Lâm nghiệp (2017) và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một

số điều của Luật Lâm nghiệp cụ thể như sau;

- Các công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm không làm ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và cảnh quan tự nhiên của khu rừng;

- Trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: Được lập các tuyến đường mòn, lều trú chân, trạm quan sát, cắm biển chỉ dẫn để tuần tra kết hợp phục vụ dịch vụ du lịch sinh thái. Tuyệt đối không được làm thay đổi cảnh quan tự nhiên của khu rừng;

- Trong Phân khu phục hồi sinh thái: Được mở các đường bộ phù hợp nhưng tối đa không vượt quá quy mô đường cấp IV miền núi, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, biển chỉ dẫn, cầu đi bộ cho vùng ngập nước;

- Trong phân khu dịch vụ-hành chính, khu dự trữ thiên nhiên, Khu BTTN loài sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan, khu nghiên cứu thực nghiệm khoa học được xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và phát huy giá trị di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Do đó, việc quy hoạch các công trình, hệ thống hỗ trợ phải tuân thủ đúng quy định của Luật và Nghị định hướng dẫn, hạn chế tối đa việc thay đổi cảnh quan. Đặc biệt đây cũng là nguyên tắc của Du lịch sinh thái, đó là cảnh quan, hệ sinh thái nguyên bản luôn được tôn trọng, gìn giữ và hoạt động du lịch cũng dựa vào các đặc điểm tự nhiên và sinh thái đó để khai thác và phát triển.

Các công trình xây dựng trong phạm vi an toàn hồ Cửa Đạt phải được sự cấp phép của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Nghị định số 67/NĐ-CP, ngày 14/5/2018 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

3.5.2. Điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện kỹ thuật

Căn cứ Nghị định 168/2017/NQ-CP ngày 31/12/2017 quy định chi tiết một số điều của luật du lịch về điều kiện công nhận điểm du lịch thì các điểm du lịch phải đạt được những điều kiện cơ bản sau:

- Có tài nguyên du lịch, có ranh giới xác định trên bản đồ.

- Kết cấu hạ tầng, dịch vụ cần thiết bảo đảm phục vụ khách du lịch:

+ Có kết nối giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi

+ Có điện, nước sạch

+ Có biển chỉ dẫn, thuyết minh về điểm du lịch

+ Có dịch vụ ăn uống, mua sắm

- Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường

+ Có bộ phận bảo vệ trực 24/24 giờ mỗi ngày

+ Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch

+ Có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của du khách du lịch

+ Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số khách du lịch với thời kỳ cao điểm.

+ Có biện pháp xử lý và thu gom rác thải, nước thải sinh hoạt theo quy định, bố trí lực lượng làm vệ sinh môi trường.

Do đó, ngoài ngoài việc tuân thủ các điều kiện của Luật Lâm nghiệp thì việc xây dựng các điểm, tuyến du lịch ở Xuân Liên cũng cần tuân thủ các quy định của Luật Du lịch.

3.5.3. Vị trí, quy mô xây dựng các công trình phục vụ du lịch

3.5.3.1. Diện tích sử dụng đất

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, diện tích sử dụng đất tại các điểm du lịch; căn cứ Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển du lịch sinh thái Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2020 và Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 về việc phê duyệt đề án cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái tại Khu BTTN Xuân Liên, huyện Thường Xuân thì diện tích sử dụng đất tại các điểm du lịch cụ thể như nêu trong bảng dưới:

Bảng 7: Diện tích và cơ cấu sử dụng đất trong các điểm du lịch

TT	Các điểm du lịch	Tổng diện Tích	Diện tích xây dựng cơ sở hạ tầng		Đất quảng trường, sân bãi, hạ tầng kỹ thuật khác		Đất rừng tự nhiên phục vụ du lịch		Mặt nước	
		(ha)	(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trung tâm Du khách	145,0	0,90	0,62	7,49	5,17	134,61	92,83	2,0	1,38
2	Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng	437,0	6,00	1,37	14,4	3,30	416,0	95,33		
3	Điểm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao	50,0	0,09	0,18	0,95	1,90	48,96	97,92		
4	Điểm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp	230,7	1,60	0,69	4,80	2,08	224,30	97,23		
5	Điểm trình diễn mô hình rừng	175,0	0	0	0,2	0,05	174,8	99,50		
6	Điểm du lịch thác Yên	165,0	2,27	1,37	5,44	3,30	157,30	95,33		
7	Điểm du lịch Hón Can	123,8	6,19	5,00	12,38	10,00	105,23	85,00		
8	Điểm du lịch thác Thiên Thủy	9,50	0,09	0,95	0,28	2,95	9,13	96,11		
9	Đỉnh Pù Gió	5,0	0	0	0,2	4,0	4,80	96,00		
10	Rừng nguyên sinh bản Vịn	5,0	0	0	0,2	4,0	4,80	96,00		

3.5.3.1. Vị trí, quy mô xây dựng các công trình

Bảng 8: Định hướng đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên

TT	Hạng mục	Quy mô xây dựng các công trình
A	**CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**	
I	**Điểm trung tâm du khách**	
1	Khu liên hợp Hành chính - dịch vụ	- Dự án xây dựng Trung tâm bảo tồn phát triển sinh vật và dịch vụ môi trường rừng Xuân Liên: Công trình nhà cấp III, 03 tầng gồm các Khu chức năng: (Khu văn phòng làm việc: 200m2; Khu diễn giải giáo dục môi trường: 300m2 (Sa bàn, mô hình diễn giải); Phòng chiếu phim tuyên truyền kết hợp hội nghị, hội thảo); Khu nhà khách lưu trú kết hợp nhà hàng ẩm thực; Khu trưng bầy và bán đồ lưu niệm: 100 m2) - Hệ thống các công trình phụ trợ: + Sửa chữa nâng cấp khu làm việc, mua sắm các hạng mục phụ trợ Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên; + Cổng vào Khu bảo tồn; + Nhà vệ sinh công cộng + Bãi đỗ xe + Cải tạo cảnh quan, cây xanh ven đường giao thông trên tuyến đường từ BQL khu bảo tồn đi vào bến thuyền Hồ Cửa Đạt và đi Trạm KL Sông Khao (18,5km) + Trồng cây tạo cảnh quan tại phân khu dịch vụ hành chính Khu bảo tồn
2	Vườn thực vật	Dự án trồng sưu tập Vườn thực vật các loài cây bản địa: Diện tích 100ha (trồng 3 km hàng rào cây xanh và sưu tập, trồng 200 loài thực vật bản địa).
3	Hồ sinh thái	- Dự án nạo vét lòng Hồ chứa nước sinh thái tạo cảnh quan cho du lịch và tạo nguồn nước phục vụ phòng cháy, qui mô 2ha - Dự án xây dựng cầu bến thuyền và bậc tam cấp Hồ chứa nước sinh thái
4	Bến thuyền Cửa Đạt	- Dự án Xây dựng bến thuyền Cửa Đạt: Kè bê tông, chiều dài 300m; Cầu bến thuyền theo mực nước dâng; Bãi đỗ xe: Diện tích 500m2; Khu neo đậu, tránh trú mùa mưa bão - Dự án xây dựng trạm cứu hộ, cứu nạn bến thyền Cửa Đạt: Công trình nhà cấp IV, diện tích 100m2 - Dự án xây dựng nhà nghỉ chân chờ đón khách khu bến thuyền Cửa Đạt: Công trình nhà cấp

TT	Hạng mục	Quy mô xây dựng các công trình
		IV, diện tích 150m2, sức chứa 100 khách - Dự án xây dựng nhà vệ sinh công cộng Đạt chuẩn theo quy hoạch của ngành Du lịch
II	**Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng**	
1	Dự án làng du lịch sinh thái	Qui mô 18 ha, gồm: - 30-35 căn hộ sinh thái biệt lập (Nhà lắp ghép bằng khung thép tiền chế, chiều cao không quá 1,5 tầng, gồm 2-3 phòng ngủ khép kín, 01 phòng khách, 01 phòng bếp, 01 nhà vệ sinh chung, diện tích xây dựng 50m2, khuôn viên 0,5ha) - 01 Khu nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng: Kiến trúc nhà sàn truyền thống người dân tộc Thái gồm 03 dãy nhà bố trí hình chữ U, khuôn viên sân chơi ở giữa - Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)
2	Dự án Khu nghỉ dưỡng sinh thái, trung tâm hội nghị, nhà hàng ẩm thực, spa chăm sóc sức khỏe	Quy mô 30ha gồm: - 15 nhà nghỉ sinh thái biệt lập: Quy mô xây dựng cao không quá 2,5 tầng, gồm 3-4 phòng ngủ khép kín, 01 phòng khách, 01 phòng bếp, 01 nhà vệ sinh chung, tổng diện tích sàn 200-250m2 - 01 Khu nhà hàng ẩm thực: Quy mô xây dựng cao không quá 2 tầng, tổng diện tích sàn không quá 660m2 - 01 Khu trung tâm quản lý điều hành kết hợp nhà hội nghị, hội thảo: Quy mô xây dựng 01 tầng, sức chứa từ 300-500 chỗ ngồi, tổng diện tích sàn không quá 1.500m2 và khuôn viên có bể bơi, và hồ sinh tháirộng 3ha. - 01 Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm thuốc, quy mô xây dựng 2 tầng, diện tích sàn 500m2 - Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, bến thuyền, nhà vệ sinh công cộng…) * Ga xuất phát tuyến cáp treo Pù Gió: Qui mô xây dựng 2.000m2 bao gồm Trụ cột, nhà ga và các công trình phụ trợ
3	Dự án Khu cắm trại và khu vui chơi suối thác Hón Bố	- Cải tạo khai thác điểm suối thác hón Bố qui mô 2,4 ha, chiều dài 1,2 km thành khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…)

TT	Hạng mục	Quy mô xây dựng các công trình
		- Xây dựng khu cắm trại Picnic, qui mô 5ha - Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)
III	**Điểm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao**	- Dự án nâng cấp xây dựng khu nhà quản lý điều hành, nhà chế biến thức ăn quy mô 0,2 ha; - Dự án xây dựng Khu chăn thả động vật bán hoang dã gồm: + Xây dựng 05 tiểu phân khu: Cứu hộ; chăn thả bán hoang dã Họ Gấu; chăn thả bán hoang dã Họ linh trưởng; chăn thả bán hoang dã Họ Trĩ; chăn thả bán hoang dã Họ Móng Guốc và cứu hộ bán hoang dã họ Rùa + Hạ tầng kỹ thuật gồm: Hàng rào điện (1,5km); đường đi bộ nội khu; nhà lưới; hệ thống cấp nước; hệ thống điện năng lượng mặt trời; tháp quan sát (01 tháp); bến thuyền (01 bến); nhà vệ sinh công cộng…
IV	**Điểm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Resort)**	Quy mô 230,7ha các hạng mục xây dựng gồm: - 15 biệt thự nghỉ dưỡng hạng sang: Quy mô xây dựng cao không quá 2,5 tầng, gồm 4-5 phòng ngủ khép kín, 01 phòng khách, 01 phòng bếp, 01 nhà vệ sinh chung, tổng diện tích sàn 350-400m2 - 01 Khu nhà quản lý điều hành kết hợp Khu nhà hàng cao cấp: Quy mô xây dựng cao không quá 2 tầng, tổng diện tích sàn không quá 800m2 - 01 Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm thuốc, quy mô xây dựng 2 tầng, diện tích sàn 500m2 - 01 Khu liên hợp thể dục, thể thao gồm: 01 Nhà thi đấu đa năng quy mô 1.000 chỗ ngồi có khán đài; 01 Sân tennit ngoài trời không có khán đài; 01 Bể bơi ngoài trời, diện tích 1.000m2; 01 Sân bóng đá mini không có khán đài. - Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bến thuyền, nhà vệ sinh công cộng…) * Ga chuyển tiếp số 1 tuyến cáp treo Pù Gió: Qui mô xây dựng 2.000m2 bao gồm Trụ cột, nhà ga và các công trình phụ trợ
V	**Điểm trình diễn mô hình rừng**	
1	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy quả	Quy mô 48 ha, các loài cây trồng bổ sung như: Sấu, Trám, Tai chua, Vả, Xoài, Dâu da đất, …

TT	Hạng mục	Quy mô xây dựng các công trình
2	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy đồ uống	Quy mô 15 ha, các loài cây trồng bổ sung như: Chè san, Chè hoa vàng, Chè đắng, Cây lá Vối, ….
3	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy dầu và dược liệu	Quy mô 50 ha, các loài cây trồng bổ sung như: Quế, Hồi, Vù Hương, Gió trầm, ….
4	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy gia vị	Quy mô 12 ha, các loài cây trồng bổ sung như: Giổi ăn hạt, Mắc Mật, ….
5	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây cảnh quan (Trồng tập trung hoặc trồng theo đường đồng mức Cos 121)	Quy mô 30 ha, các loài cây trồng bổ sung như: Vàng Anh, Lim xẹt, Bằng Lăng, Sau Sau, Muồng Hoàng Yến, Lộc Vừng, Hoa đào, Hoa Ban….
6	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy rau	Quy mô 20 ha, các loài cây trồng bổ sung như: Rau sắng, Chân chim, Bương, Tre Bát độ, ….
7	Khu rừng cắm trại	Cải tạo khu rừng cắm trại quy mô 5ha, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bến thuyền, nhà vệ sinh công cộng…)
VI	**Điểm du lịch thác Yên**	
1	Dự án khu nhà nghỉ Bungalow sinh thái, nhà hàng ẩm thực, spa chăm sóc sức khỏe	Quy mô 150 ha gồm: - 15 nhà nghỉ sinh thái biệt lập theo kiến trúc Bungalow: Quy mô xây dựng cao 2 tầng, gồm 02 phòng ngủ khép kín, 01 phòng khách, 01 phòng bếp, 01 nhà vệ sinh chung, tổng diện tích sàn 80m2/nhà - 01 Khu nhà quản lý điều hành kết hợp nhà hàng ẩm thực: Quy mô xây dựng cao không quá 2 tầng, tổng diện tích sàn không quá 500m2 - 01 Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm khoáng, diện tích sàn 500m2 và khuôn viên có bể bơi, và khu vực bãi tắm khoáng với hồ sinh thái rộng 3ha. - Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bến thuyền, nhà vệ sinh công cộng…) * Ga chuyển tiếp số 2 tuyến cáp treo Pù Gió: Qui mô xây dựng 2.000m2 bao gồm Trụ cột, nhà ga và các công trình phụ trợ
2	Khu cắm trại và khu vui chơi tắm suối thác Yên	- Cải tạo khu rừng cắm trại quy mô 05ha; - Cải tạo khai thác điểm suối thác hón Yên tạo Khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…) - Đường giao thông nội vùng (đường đi bộ rộng 1,2m, kết cấu BTXM) và hệ thống các công

TT	Hạng mục	Quy mô xây dựng các công trình
		trình phụ trợ (bến thuyền, nhà vệ sinh công cộng…)
3	Khu Đền mẫu	Diện tích quy hoạch khoảng 5ha bao gồm phục hồi trồng bổ sung cây hoa Ban và công trình Đền mẫu (300m2) theo kiến trúc cổ xưa, đường đi bộ lên xuống và các công trình phụ trợ
VII	**Điểm du lịch Hón Can**	Dự án Khu nghỉ sinh thái HomeStay, quy mô: 123,8ha gồm: - 15 nhà nghỉ sinh thái HomeStay kiến trúc nhà sàn truyền thống của người dân tộc Thái, tầng 2 bố trí phòng lưu trú, tầng 1 bố trí không gian sinh hoạt chung, quầy bar, nhà vệ sinh, diện tích xây dựng 90m2, khuôn viên 0,5ha) - 01 Khu nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng kết hợp nhà hàng ẩm thực: Kiến trúc nhà sàn truyền thống người dân tộc Thái gồm 03 dãy nhà bố trí hình chữ U, khuôn viên sân chơi ở giữa - 01 Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm khoáng, diện tích sàn 500m2 và khuôn viên và khu vực bãi tắm khoáng có bể bơi ngoài trời - Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)
VIII	**Điểm du lịch thác Thiên Thủy**	- Dự án khu nhà chờ đón khách kết hợp nhà quản lý điều hành tour: Công trình nhà cấp IV, diện tích 150m2, sức chứa 100 khách và các phòng chức năng - Cải tạo khai thác điểm suối thác Thiên Thủy qui mô 9,5 ha, chiều dài 3,5 km thành khu cắm trại Picnic và Khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…) - Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)
IX	**Đỉnh Pù Gió**	- Điểm vọng cảnh Cột cờ chiến thắng đỉnh Pù Gió (phục dựng di tích trận địa pháo phòng không trong kháng chiến chống Mỹ) - Cải tạo khu rừng cắm trại, quy mô 5ha và hệ thống các công trình phụ trợ (nhà vệ sinh công cộng…) * Ga đích tuyến cáp treo Pù Gió: Qui mô xây dựng 2.000m2 bao gồm Trụ cột, nhà ga và các công trình phụ trợ

TT	Hạng mục	Quy mô xây dựng các công trình
X	**Rừng nguyên sinh bản Vịn**	- Cải tạo khu rừng cắm trại, quy mô 5 ha - Đường giao thông nội vùng (đường đi bộ rộng 1,2m kết cấu nền đất, lát tấm đan BTXM) và hệ thống các công trình phụ trợ (lều trú chân, nhà vệ sinh công cộng…)
XI	**Tuyến du lịch ngược dòng Sông Chu**	- Xây dựng 07 lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ vào Vườn thực vật, diện tích 15m2/lều - Xây dựng 01 tháp quan sát cảnh quan ven hồ Cửa Đạt kết hợp quan sát tìm kiếm cứu và quản lý bảo vệ cháy rừng
XII	**Tuyến du lịch Dã ngoại thác Yên**	- Xây dựng 03 lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ thác Yên, diện tích 15m2/lều - Xây dựng 01km hàng rào bảo vệ du khách trên tuyến đường đi bộ vào thác Yên, bảng chỉ dẫn, biển báo nguy hiểm - Xây dựng 01km đường đi bộ xung quanh khu vực Hón Yên có hàng rào bảo hiểm - Xây dựng 01 điểm check in thác Yên
XIII	**Tuyến du lịch sinh thái thác Thiên Thủy – đỉnh Pù Gió**	- Xây dựng 10 lều nghỉ chân cho du khách trên tuyến du lịch Hón Can - thác Thiên Thủy, diện tích 15m2/lều - Xây dựng 01km ường đi bộ và hàng ràng bảo vệ, bảng chỉ dẫn nguy hiểm quanh thác Thiên Thủy - Xây dựng 01 điểm check in thác Thiên Thủy - Xây dựng 04 bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch Chinh phục đỉnh Pù Gió - Xây dựng 01 tháp quan sát cảnh quan kết hợp theo dõi tập tính động vật trên đỉnh Pù Gió - Xây dựng 01 điểm check in đỉnh Pù Gió
XIV	**Khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn**	- Xây dựng 01 hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch rừng nguyên sinh bản Vịn (03 bảng) - Xây dựng 5 lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn, diện tích 15m2/lều - Xây dựng 02 tháp quan sát cảnh quan trong rừng nguyên sinh bản Vịn kết hợp theo dõi tập tính động vật - Xây dựng 01 điểm check in cây di sản Việt Nam - Cải tạo và nâng cấp 10,2km đường đi bộ đến khu vực và quần thể cây di sản - Xây dựng 01km đường tiếp nối lên quần thể cây Di sản
XV	**Tuyến du lịch cáp treo đỉnh Pù Gió**	Đường cáp treo với chiều dài tuyến là 10,4 có 04 trụ với tổng diện tích 8.000m2; diện tích xây

TT	Hạng mục	Quy mô xây dựng các công trình
		dựng mỗi trụ cột là 2.000m2 (bao gồm diện tích xây trụ cột, nhà ga và các công trình phụ trợ). Tuyến có ga xuất phát từ chân núi Pù Mòn thuộc Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (ở độ cao 250m) đi qua hồ Cửa Đạt chiều ài 2,4km đến ga chuyển tiếp số 1(ở độ cao 220m) thuộc Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Resort), đi tới ga chuyển tiếp thứ 2 tại đỉnh thác Yên với chiều dài 4,7km và độ cao 400m và lên ga đích đỉnh Pù Gió (chiều dài 3,3km ở độ cao 1.500m)
XVI	**Điểm du lịch cộng đồng thôn Thanh Xuân**	Lựa chọn, cải tạo 15 ngôi nhà sàn phát triển loại hình du lịch HomeStay
XVII	**Điểm du lịch cộng đồng thôn Hang Cáu**	Lựa chọn, cải tạo 15 ngôi nhà sàn phát triển loại hình du lịch HomeStay
XVIII	**Điểm du lịch cộng đồng bản Vịn**	Lựa chọn, cải tạo 15 ngôi nhà sàn phát triển loại hình du lịch HomeStay
XIX	**Điểm du lịch cộng đồng bản Đục**	Lựa chọn, cải tạo 15 ngôi nhà sàn phát triển loại hình du lịch HomeStay
B	**CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**	
1	Tuyến đường mòn đi bộ từ thôn Quạn xã Vạn Xuân đi đỉnh Pù Gió	Chiều dài 15km, Bn = 1,5m kết cấu đất lát tấm đan BTCT dày 7cm x rộng 0,4m x dài 1,2m
2	Đường nối tiếp tuyến đường Tả ngạn đập Cửa Đạt đi trạm kiểm lâm Sông Khao	Chiều dài 6km, kết cấu đường BTXM rộng 3,5 đường cấp IV miền núi
3	Nâng cấp đường từ trạm BVR Hón Can đi thác Thiên Thủy	Chiều dài 15km, Bn = 2,5m kết cấu đường BTXM rộng 1,2m
4	Đường từ bến thuyền Đập Cửa Đạt đi trạm KL Cửa Đạt	Chiều dài 1km, kết cấu đường BTXM rộng 3,5 đường cấp IV miền núi
5	Đường ven hồ từ đập chính Cửa Đạt đi đập phụ Hón Can	Chiều dài 6km, kết cấu đường BTXM rộng 3,5 đường cấp IV miền núi
10	Đường tuần tra phục vụ quản lý, chăm sóc, bảo vệ, nghiên cứu tập tính động vật, kết hợp tham quan du lịch - Phân khu cứu hộ kết hợp chăn thả động vật bán hoang dã	Chiều dài 5km, Bn = 2,5m kết cấu đường BTXM rộng 1,2m
11	Đường đi bộ xung quanh khu vực Hón Yên có hàng rào bảo hiểm	Chiều dài 2km, Bn = 2,5m kết cấu đường BTXM rộng 1,2m có hàng rào bảo vệ
12	Cải tạo và nâng cấp đường đi bộ đến khu vực và quần	Cải tạo, duy tu, bảo dưỡng đường đi bộ đến khu vực và quần thể cây di sản chiều dài 6km, Bn =

TT	Hạng mục	Quy mô xây dựng các công trình
	thể cây di sản	1,5m kết cấu đất lát tấm đan BTCT dày 7cm x rộng 0,4m x dài 1,2m
13	Xây dựng đường tiếp nối lên quần thể cây Di sản	Chiều dài 1km, Bn = 1,5m kết cấu đất lát tấm đan BTCT dày 7cm x rộng 0,4m x dài 1,2m
14	Cầu bến thuyền và bậc tam cấp Hồ chứa nước sinh thái tạo cảnh quan cho du lịch và tạo nguồn nước phục vụ phòng cháy	Hệ thống cầu và bậc tam cấp BTCT
15	Xây dựng 4 bến thuyền (Thác Yên; Trạm KL Sông Khao; Khu Cứu hộ động vật; Khu sinh thái nghỉ dưỡng)	Bến thuyền BTCT, đảm bảo hoạt động ra vào an toàn cho phương tiện đến 100 chỗ ngồi
C	**CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**	
1	Hệ thống cấp điện – thông tin liên lạc	
-	Trạm biến áp công suất 50KVA-35/0,4KV cấp điện cho khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng	02 trạmbiến áp công suất 50KVA-35/0,4KV
-	Đường dây tải điện từ khu đón tiếp đến ngã ba sông khao và sông chu.	20 km
-	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho Hón Yên, thác Thiên Thủy, đỉnh phù gió, trạm kiểm lâm Sông Khao, Hón Mong, nhà nổi trạm Cửa Đạt	06 hệ thống (80m2 pin cấp nguồn 10KW/hệ thống)
-	Trạm viễn thông	Xây dựng 03 trạm tại: Ngã ba Sông Khao và Sông Chu; làng Giăng thuộc xã Xuân Liên cũ; ngã ba Hón Mong cạnh đường Quốc lộ Tây Thanh Hoá - Nghệ An.
2	Hệ thống cấp nước	
-	Hệ thống cấp nước sạch tự chảy cho phân khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và phân khu nghỉ dưỡng cao cấp.	6km Đường ống dẫn nước từ các khe suối về bể tập trung HDPE D60-90 và hệ thống 04 bể chứa
-	Hệ thống nước sạch và bể chứa nước phục vụ khu cứu hộ, chăn thả động vật hoang dã	1km Đường ống dẫn nước từ máy bơm về bể tập trung HDPE D60-90 và hệ thống 01 bể chứa, máy bơm 300 m3/h, bơm cao trên 100m
3	Vệ sinh môi trường	

TT	Hạng mục	Quy mô xây dựng các công trình
-	Bãi thu gom chất thải rắn trung gian tại Khu trung tâm du lịch sinh thái để chuyển xử lý tại Khu xử lý của Thị trấn Cửa Đạt và xây tường bao quanh	Xây dựng 04 bãi trung chuyển tại các phân khu: đón tiếp du khách; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; cứu hộ kết hợp chăn thả động vật bán hoang dã và nghỉ dưỡng cao cấp
-	Trang bị các thùng rác thải đặt tại các tuyến du lịch	Trung bình 0,5km/thùng đựng rác thải

3.5.4. Hạ tầng kỹ thuật

3.5.4.1. Hệ thống cấp điện

Hệ thống cấp điện trong phạm vi quy hoạch xây dựng mới được kết nối với các nguồn cấp điện hiện có và quy hoạch xây dựng theo các giai đoạn đầu tư của dự án xây dựng nông thôn mới và phát triển các khu đô thị trên địa bàn lân cận đến năm 2025.

Hiện tại chỉ xác định quy hoạch hệ thống điện cho 3 Điểm là: Điểm khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; Điểm khu cứu hộ, chăn thả động vật bán hoang dã và Điểm khu nghỉ dưỡng cao cấp. Cụ thể:

- Điểm khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng:

+ Nguồn cấp: Lấy từ đường dây 35KV từ thị trấn Thường Xuân đi khu đô thị Cửa Đạt, dự kiến đấu nối tại Ban QL Khu BTTN Xuân Liên thuộc cột số 79 đường trục lộ 374E9.3 nhánh rẽ Cửa Đạt.

+ Quy hoạch mạng lưới điện: Điện từ nguồn nêu trên được được dẫn vào phân khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng dọc theo tuyến đường giao thông ven hồ Cửa Đạt chiều dài 20 km. Trên tuyến được hạ thế tại 2 trạm biến thế 50KVA-35/0,4KV gồm: Trạm ở khu nhà ở sinh thái và Trạm nằm tại ngã ba Sông Khao. Tuyến hạ thế gồm hai loại: Mạch cung cấp và mạch chiếu sáng giao thông.

- Điểm khu cứu hộ kết hợp chăn thả động vật bán hoang dã:

+ Nguồn cấp: Từ hệ thống cấp điện năng lượng mặt trời với diện tích dàn pin khoảng 80 m^2 cấp nguồn điện 10 kw.

+ Quy hoạch mạng lưới điện: Điện được sử dụng sinh hoạt cho khu nhà chức năng quản lý điều hành và dùng cho hàng rào điện.

- Điểm khu nghỉ dưỡng cao cấp: Điện lấy từ đường dây 35KV từ thị trấn Thường Xuân đi Cửa Đạt dẫn vào phân khu nghỉ dưỡng cao cấp dọc ven hồ phía hữu ngạn hồ Cửa Đạt chiều dài 10 km. Được hạ thế tại 1 trạm biến thế 50KVA-35/0,4KV. Tuyến hạ thế gồm hai loại: Mạch cung cấp và mạch chiếu sáng giao thông.

3.5.4.2.Hệ thống thông tin liên lạc

Hiện tạng Thị trấn Cửa Đạt đã có hệ thống cột thu phát sóng viễn thông của 02 nhà mạng Vinaphone và Viettel. Tuy nhiên phạm vi vùng phủ sóng khá

hẹp do chia cắt địa hình bởi núi cao. Để đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt cho khách du lịch trong khu bảo tồn, cần có các cột thu tiếp sóng dọc tuyến Sông Chu. Cụ thể cần 3 trạm tại: Ngã ba Sông Khao và Sông Chu; làng Giăng thuộc xã Xuân Liên cũ; ngã ba Hón Mong cạnh đường Quốc lộ Tây Thanh Hoá - Nghệ An.

3.5.4.3. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước: Được lấy từ các khe suối tự nhiên quanh năm có nước; riêng phân khu cứu hộ và chăn thả động vật bán hoang dã được bố trí lấy nước từ nguồn hồ chứa nước Cửa Đạt.

- Quy hoạch cấp nước:

+ Nguồn nước cung cấp chủ yếu cho toàn khu bảo tồn là từ thượng nguồn sông Chu, hệ thống sông suối trong vùng và lòng hồ Thủy điện Cửa Đạt.

+ Mạng lưới cấp nước được chọn là mạng vòng, đảm bảo cấp nước liên tục ngay cả khi có sự cố, áp lực nước tính toán đảm bảo cấp nước vào từng lô và công trình.

+ Mạng lưới đường ống chính D60 - D90

+ Mạng lưới đường ống phân phối trong quy hoạch chi tiết sau này sẽ có đường kính nhỏ hơn (D32 – D60) và được đấu nối với đường ống chính.

+ Các đường ống cấp nước bố trí trên hè đường, những đoạn qua đường tuỳ thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ nếu thấy cần thiết.

+ Hệ thống ống cứu hoả được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt, khoảng cách mỗi trụ cứu hoả 120-150m/trụ, tuỳ theo vị trí chọn thích hợp và được bố trí tại các ngã 3, thuận tiện cho xe cứu hoả lấy nước.

Bảng 9: Tổng hợp hệ thống cấp nước quy hoạch lắp đặt mới

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Hệ thống cấp nước sạch tự chảy cho phân Khu trung tâm du lịch sinh thái.		
1.1	Đường ống dẫn nước từ các khe suối về bể tập trung HDPE D60-90, ống kẽm	Km	6
1.2	Bể tập trung dung tích 30 m3	Bể	4
2	Hệ thống nước sạch và bể chứa nước phục vụ cứu hộ		
2.1	Máy bơm nước 300 m3/h, bơm cao trên 100m	Máy	1
2.2	Đường ống dẫn nước từ máy bơm về bể tập trung HDPE D60-90, Ống kẽm	Km	0,8
2.3	Bể tập trung: Bể xử lý lọc nước + bể chứa nước	Bể	1

3.5.4.4. Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường

- Về nước thải: Toàn bộ nước thải từ các công trình quản lý, dịch vụ du lịch, đều được xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải cho phép theo tiêu chuẩn của Bộ tài nguyên môi trường.Trên cơ sở lượng nước thải tính toán, nước thải được xử lý cục bộ tại từng điểm trước khi thải ra môi trường tự nhiên. Từng dự án đầu tư

phải xây dựng phương án thu gom và xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn quy định và phù hợp với đặc điểm hiện trạng khu vực dự án..

- Về rác thải: Rác thải được thu gom tại các điểm du lịch và tập hợp đến 04 bãi trung chuyển tại các phân khu: đón tiếp du khách; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; cứu hộ kết hợp chăn thả động vật bán hoang dã và nghỉ dưỡng cao cấp, sau đó được vận chuyển về bãi rác thị trấn Cửa Đạt trước khi vận chuyển xử lý tại thị trấn Thường Xuân.

3.6. Các dòng sản phẩm, loại hình, tổ chức quản lý và khai thác

3.6.1. Các dòng sản phẩm du lịch

Trên cơ sở xây dựng các điểm, các loại hình du lịch trong rừng đặc dụng khu BTTN Xuân Liên, các điểm du lịch vùng đệm phát triển các nhóm sản phẩm sau:

3.6.1.1. Nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch, dịch vụ khoa học

Đây là loại sản phẩm gắn liền với những tiêu chí kỹ thuật du lịch hiện đại, thường do các nhà đầu tư thực hiện và là sản phẩm sáng tạo, làm mới.

- Nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch gồm: Dịch vụ nghỉ dưỡng;ăn uống, thể thao;Yhọc dưỡng sinh; Giải trí; xe đạp thuyền, thuyền du lịch; bến câu cá; viễn thông, cắm trại, bơi xuồng Kayak ….

- Nhóm sản phẩm nghiên cứu: Điểm trình diễn mô hình rừng, vườn thực vật; vườn thực nghiệm; vườn sưu tập và bảo tồn các loài lan quí; trạm sản xuất mật ong thiên nhiên; khu cứu hộ kết hợp chăn thả động vật bán hoang dã.

3.6.1.2. Sản phẩm du lịch kết tinh từ di sản thiên nhiên

Do sản phẩm du lịch có sẵn từ thiên nhiên, nhà đầu tư chỉ tác động một phần như nâng cấp hạ tầng giao thông, thông tin, dịch vụ lưu trú, dịch vụ thương mại, ẩm thực, giải trí là có thể phát huy hiệu quả, tại các hệ thống sông, suối thác, núi cao hùng vĩ.

- Hệ thốngđỉnh núi, thác nước: Do địa chất kiến tạo đã hình thành nên hệ thống hang động và thác nước như: Thác Thiên Thủy, thác Hón Yên, thác Hón Ý; những ngọn núi cao như Pù Gió, Pù Ta Leo tạosản phẩm du lịch về khám phá thiên nhiên, du lịch mạo hiểm, ngắm cảnh.

-Hệ thống hang động: Tại các vùng phụ cận Khu BTTN Xuân Liên có nhiều hang động kỳ thú, có giá trị chưa được khai thác phát triển du lịch như: hang Mường, hang Dơi; hang Cáu, hang Tình, xã Vạn Xuân; hang Quan, hang Vua xã Bát Mọt, đây là điểm khách du lịchlựa chọn đi khám phá, mạo hiểm, ngắm cảnh.

-Hồ Cửa Đạt, Hón Can: Hồ có không gian, cảnh quan đẹp, chất lượng nước tinh khiết, thủy sinh phong phú, rất khả thi cho du lịch giải trí như câu cá, bơi thuyền, du thuyền ngắm cảnh và các loại du lịch thể thao mặt nước …

- Hệ động, thực vật: Hệ động, thực vật rất phong phú và đa dạng, có nhiều

loài có giá trị tạo thành các sản phẩm du lịch đặc trưng như cây Pơ Mu; Sa Mu, ... các loài thú, linh trưởng, chim họ đuôi cụt và họ gà như: Hổ, Báo, Bò tót, Gấu, Vượn đen má trắng, Gà lôi .....

3.6.1.3. Sản phẩm du lịch kết tinh từ dịch vụ khoa học, trưng bày, trình diễn di sản thiên nhiên

Do Khu BTTN Xuân Liên thực hiện độc lập, hoặc hợp tác với các nhà khoa học, nhà đầu tư để nghiên cứu sưu tầm, bảo tồn gen thực vật quý hiếm và bảo vệ động vật bán hoang dã. Tổ chức theo mô hình nhà thông tin, trưng bày hình ảnh; Vườn thực vật, công viên thực vật; Trạm cứu hộ động vật hoang dã.Sản phẩm từ các dịch vụ nghiên cứu khoa học mang tính đặc trưngKhu BTTN Xuân Liên được gồm:

- Các hình ảnh chụp hoặc hình khối minh họa, đặc tả như một bộ sưu tập đầy đủ ở mức khái quát cao nhất về sự hiện hữu của các loài động, thực vật. Nhờ đó du khách được truyền cảm hứng, khát vọng nghiên cứu, khảo sát thực địa (du khách xem tại nhà trưng bày hay Khu bảo tàng Xuân Liên).

- Khảo sát trực tiếp động vật bán hoang dã: các loài, nhóm, họ, chi động vật đang được cứu hộ tại Khu cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao. Du khách có thể quan sát và tương tác một cách an toàn với động vật tại chỗ. Những trải nghiệm đó sẽ mang lại sự thay đổi cách nhìn nhận với di sản thiên nhiên.

- Khảo sát trực tiếp thực vật trong Vườn thực nghiệm: Một nghiên cứu hướng đến bảo tồn gen những loài thực vật quý hiếm nếu được quan tâm sẽ có cơ hội nâng cấp một trung tâm công viên hay Vườn thực vật thực nghiệm ở Xuân Liên. Du khách có thể quan sát và tham gia thực nghiệm một số tương tác với chuyên gia.

- Khảo sát sản xuất: Du khách có thể tham quan sát quy trình trồng cây, chăm sóc cây hoa, cảnh, dược liệu. Quan sát, tham gia một công đoạn nuôi ong và thu mật ong "bán tự nhiên" tại Trạm. Mật ong "bán tự nhiên" đó sẽ có 'thương hiệu Khu BTTN Xuân Liên" có thể mang lại nhiều giá trị và là quà mà du khách rất hài lòng khi mua về sau chuyến du lịch.

3.6.1.4. Sản phẩm du lịch kết tinh từ giá trị văn hóa

Tại các xã vùng đệm Khu BTTN Xuân Liên có nhiều các di tích lịch sử văn hóa, đây là điều kiện để Khu BTTN Xuân liên liên kết với các thôn, xã vùng đệm phát triển du lịch sinh thái gắn với du lịch cộng đồng. Các sản phẩm kết tinh tư văn hóa chủ yếu gồm:

- Biểu diễn nghệ thuật của người Thái: Ở bản Vịn, Đục, Ruộng xã Bát Mọt và 3 thôn: Kang Khèn, Lùm Nưa, làng Đá, Quặn ở xã Vạn Xuân về việc phục dựng lễ hội mùa Xuân, múa Khua Luống, hát khặp, cồng chiêng … giúp người dân cách thức làm du lịch cộng đồng (đặc biệt ở bản Vịn, Đục, Ruộng ở Bát Mọt).

- Nhà cổ truyền thống: Tham quan các nhà kiến trúc cổ truyền thống tại các bản Vịn, bản Đục xã Bát Mọt, tham gia lễ hội truyền thống,

- Các sản phẩm lưu niệm: Khôi phục nghề dệt thổ cẩm, mỹ nghệ, đan lát của người Thái làm quà lưu niệm cho du khách tại thị trấn Thường Xuân và xã Bát Mọt.

- Một số Miếu thờ Thần Rừng-Chủ đất Bà Han ở chân Thác Thiên Thủy. Đó là cách đáp ứng nhu cầu tâm linh của đồng bào người Thái có từ nhiều thế kỷ vùng đất Trịnh Vạn.

- Ngoài ra tại các vùng phụ cận Khu BTTN Xuân Liên còn tham gia, dự lễ hội, tục lệ của người thái tạo nên các sản phẩm du lịch đặc trưng như: Hội thề Lũng Nhai xã Ngọc Phụng; lễ Hội Nàng Han (Lùm Nưa và Kang Khèn), tục lệ Cẩm Đỏi (Tày Mường/Dọ), tục lệ Lau Kha (Tày Mười), lễ tục Ế Xa (cá xa, chá một), lễ tục Xẳng Khản xã Vạn Xuân.

** Để phát triển các dòng sản phẩm, cần được thực hiện các nhiệm vụ sau:*

Bảng 10: Nội dung nhiệm vụ phát triển du lịch

Nhiệm vụ	Chi tiết nhiệm vụ
1. Tăng tính hấp dẫn của tài nguyên	- Xác định đặc trưng tài nguyên thiên nhiên phát triển du lịch của từng điểm du lịch. - Đánh giá khả năng khai thác tài nguyên thiên nhiên cho phát triển sản phẩm du lịch.
2. Cảnh quan tự nhiên	- Khoanh vùng các khu vực, xác định các mức bảo tồn: + Khu cấm xây dựng, bảo tồn nguyên trạng. + Khu được phép cải tạo, không xây mới. + Khu được xây dựng các công trình phục vụ phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. - Cải tạo môi trường song song với việc bảo tồn cảnh quan tự nhiên tại các điểm du lịch. - Tìm kiếm và xác định các điểm có góc nhìn, điểm quan sát tốt phát triển thành điểm dừng chân, tháp quan sát điểm thưởng ngoạn. - Thiết lập các quy định về bảo tồn cảnh quan tự nhiên trong hoạt động đầu tư. - Quản lý các hoạt động dịch vụ tại các điểm dừng chân
3. Hoàn thiện về hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất và tổ chức	- Về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất: Đảm bảo giao thông đến điểm du lịch, điện, nước sạch, viễn thông và cơ sở hạ tầng thiết yếu. - Về tổ chức: Trung tâm bảo tồn, phát triển sinh vật và dịch vụ môi trường rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên xây dựng kế hoạch hoạt động, phát triển du lịch
4. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hệ thống các dịch vụ du lịch tại điểm du lịch	- Xác định các mô hình, loại hình, dịch vụ kinh doanh tại các điểm du lịch. - Xây dựng hệ thống nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, nhà dưỡng sinh, ki ốt bán hàng .....đảm bảo tiêu chuẩn cho khách du lịch nhất là khách quốc tế. - Xây dựng các khu vui chơi, giải trí (khu vui chơi máng trượt, khu vui chơi mặt nước, khu liên hiệp thể dục thể thao ...) - Xây dựng nhà điều hành, quản lý, bảo vệ điểm du lịch. - Xây dựng hệ thống các bến thuyền.

Nhiệm vụ	Chi tiết nhiệm vụ
	- Hoàn thiện các cơ sở hạ tầng khác tại các điểm du lịch
5. Xây dựng nguồn nhân lực	- Tổ chức xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên du lịch. - Lập kế hoạch và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về các dịch vụ du lịch. - Xây dựng, nâng cao năng lực về quản lý du lịch. - Xác định các hoạt động tại các điểm du lịch và xây dựng các điều kiện trang thiết bị, nhân lực, tổ chức. - Thành lập tổ, đội quản lý, bảo vệ từng điểm du lịch
6. Liên kết các sản phẩm, liên kết khu vực, quảng bá	- Liên kết đưa các sản phẩm vào các chương trình tour du lịch trong Khu BTTN Xuân Liên, trên địa bàn huyện, tỉnh Thanh Hóa và tuyến liên kết khu vực Tây Thanh Hóa-Tây Nghệ An, Thanh Hóa- Ninh Bình. - Xây dựng các chương trình xúc tiến quảng bá du lịch.
7. Ẩm thực	Phát triển ẩm thực địa phương về nguyên liệu (thân thiện với môi trường), cách chế biến (truyền thống nhưng cần đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm). - Xây dựng thực đơn, cách thức phục vụ, trang thiết bị nấu nướng, thiết bị phục vụ
8. Nghề truyền thống	- Khôi phục nghề truyền thống về cách thức làm nghề. - Cải tiến mẫu mã, phát triển sản phẩm lưu niệm. - Xây dựng điểm trình diễn bán đồ lưu niệm, phát triển kênh phân phối, tổ chức dịch vụ.
9. Đầu tư mua sắm, trăng thiết bị cần thiết phụ vụ du lịch	- Xây dựng kế hoạch, nội dung hoạt động của từng điểm du lịch - Lập danh sách mua sắm các trang thiết bị cần thiết phục vụ du lịch và bảo tồn.
10. Về quản lý và hợp tác	- Đảm bảo phát triển du lịch bền vững, cân bằng giữa lợi ích kinh tế với việc giữ gìn tài nguyên môi trường và giá trị văn hóa - Cải thiện chất lượng sản phẩm cung cấp - Xây dựng hình ảnh cho điểm đến, vừa tạo ra lợi ích cho hoạt động du lịch và cho việc đầu tư vào các ngành khác - Kết hợp phát triển sản phẩm du lịch với sản phẩm của các ngành khác - Cần có sự can thiệp của Nhà nước vào việc hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch - Đảm bảo việc phát triển du lịch phù hợp với việc bảo vệ và gìn giữ môi trường sinh thái, bảo tồn di tích lịch sử

3.6.2. Dịch vụ du lịch

- Dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng: Xuất phát từ nhu cầu khách du lịch tại vị trí điểm đến. Dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng (có thể lưu trú homstay) gồm có những tiện ích cho một kỳ nghỉ như phương tiện đi lại, chỗ ở qua đêm (phòng ngủ), đồ ăn uống cho bữa sáng, bữa trưa, bữa tối và ăn nhẹ, các hoạt động trình diễn để xem thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí, tật tự an ninh, phải đảm bảo cho du khách.

- Dịch vụ hướng dẫn viên du lịch: Đây là hoạt động cung cấp các thông tin, kết nối dịch vụ, dẫn khách du lịch, hỗ trợ khách du lịch sử dụng các dịch vụ theochương trình du lịch. Hướng dẫn viên có thể là người địa phương hoặc

người nơi khác am hiểu về địa phương và các hoạt động du lịch tại địa phương. Soạn thảo tài liệu hướng dẫn khám phá các điểm du lịch và tài liệu về văn hóa của người Thái.Tổ chức các buổi sinh hoạt chủ đề liên quan đến hai chủ đề này và trao đổi các kỹ năng hướng dẫn du lịch cơ bản.

- Dịch vụ ăn uống: Dịch vụ cần đảm bảo các yêu cầu sau đây:

+ Thành lập tổ phục vụ ăn uống: Xác định danh sách các hộ, nhà hàng đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ ăn uống.

+ Về nguyên liệu: Khuyến khích các hộ gia đình, nhà hàng sử dụng nguồn nguyên liệu tại địa phương nhưng phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Chuẩn bị sẵn các gia vị, nguyên liệu như: Mắc Khẻn, Măng chua...

+ Về bếp, khu nấu nướng: Cần cải tạo khu vực bếp và đảm bảo có trang thiết bị cần thiết: bàn, chạn để thức ăn; tủ lạnh; bát, đĩa, dụng cụ ăn, uống; dụng cụ chế biến thực phẩm (nồi, xoong, chảo rán, rổ, chậu rửa thực phẩm...)

+ Có thực đơn của các bữa, bao gồm món ăn chính (3 món ăn Việt và 3 món dân tộc), món ăn sáng, món ăn phục vụ picnic.

- Dịch vụ cắm trại: Tập trung chủ yếu là khách du lịch vào cuối tuần, khách đi theo hình thức phượt, khách quốc tế, với dịch vụ cắm trại phát triển ở khu vực có điều kiện thích hợp tại khu sinh thái nghỉ dưỡng hoặc các vùng ven hồ; lựa chọn vị trí an toàn, môi trường sạch, cách xa khu vực chăn thả gia súc; đầu tư cơ sở hạ tầng các khu chức năng (khu lưu trú, khu vệ sinh công cộng, khu chế biến ẩm thực và khu hậu cần).

- Dịch vụ bán hàng lưu niệm: Khôi phục lại và phát triển nghề truyền thống của điểm lựa chọn; thành lập tổ dịch vụ bán hàng; thiết kế, đào tạo người dân sản xuất một số mẫu mã phù hợp với nhu cầu thị trường màu sắc trang nhã, chất lượng tốt. Các mặt hàng ưu tiên là: Khăn, túi, ví, móc treo, tranh thêu, áo,... ; đối với các gian hàng lưu niệm tại nhà dân, khu vực công cộng cần có đủ diện tích để trưng bày sản phẩm và chỗ trình diễn làm hàng thủ công cho khách trải nghiệm; thiết kế thương hiệu cho các cơ sở sản xuất hàng thủ công truyền thống, chống hàng nhái hàng giả, hàng kém chất lượng; kiên quyết xử lý tình trạng người bán hàng chèo kéo, ép hay làm phiền khách du lịch.

- Dịch vụ biểu diễn nghệ thuật: Khôi phục và phát triển các hoạt động văn nghệ truyền thống thông qua hình thức xây dựng các đội văn nghệ của các bản; khuyến khích đội văn nghệ các bản thường xuyên tập luyện, khôi phục lại những điệu múa hát cổ và từng bước sáng tạo trong quá trình tập luyện; tổ chức các buổi giao lưu văn nghệ, các cuộc thi giữa các đội văn nghệ trong và ngoài huyện; tổ chức khu sân khấu biểu diễn ngoài trời tại khu vực nhà văn hóa bản, có khu vực cho khách ngồi, khu biểu diễn, khu đốt lửa trại; trang bị đầy đủ trang phục và dụng cụ biểu diễn.Trang bị phông màn, rạp và bàn ghế cho khách.

- Dịch vụ trải nghiệm, khám phá mạo hiểm: Đây là dịch vụ trải nghiệm thực tế như trải nghiệm hái lượm, thu hoạch các sản phẩm nông lâm nghiệp, khám phá các khu rừng, các đỉnh núi cao trong rừng, lướt ván mặt nước. Trước

khi đi cần trang bị kiến thức về an toàn, các vật dụng, dụng cụ phục vụ cho du lịch khám phá, mạo hiểm, thực phẩm...

- Dịch vụ đạp xe tham quan: Cần lựa chọn các tuyến đường để đạp xe, đào tạo các hướng dẫn viên tour xe đạp, ưu tiên người địa phương, liên kết với các doanh nghiệp lữ hành thử nghiệm tour xe đạp, đầu tư xe đôi, xe đạp địa hình, xây dựng các bảng chỉ dẫn trên các tuyến đường.

- Dịch vụ du thuyền, bơi thuyền ngắm cảnh trên sông: Liên kết với các doanh nghiệp lữ hành tổ chức các hoạt động bơi thuyền trên hồ Cửa Đạt hoặc dọc sông Chu ngắm cảnh; đào tạo hướng dẫn viên chèo thuyền, ưu tiên người có kinh nghiệm và biết bơi, trang bị các trang thiết bị cần thiết cho chuyến đi như áo phao, vật phẩm, đồ y tế dự phòng ...

- Dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo: Đây là dịch vụ nhằm cung cấp toàn bộ các dịch vụ liên quan đến tổ chức hội thảo, hội nghị, tổng kết, đại hội… cho cácSở,ban ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu thuê phòng họp, trang trí, cung cấp thiết bị âm thanh, ánh sáng, nhân viên phục vụ, đặt phòng khách sạn, tàu xe, tổ chức tour du lịch...

- Dịch vụ thể thao: Cung cấp các dụng cụ, đồ dùng, mặt sân cỏ, nước giải khát phụ vụ thể dục thể thao, tổ chức các cuộc thi đấu thể dục thể thao, huấn luyện các môn như bơi lội, bóng bàn, cầu lông, đua thuyền, lướt ván .....

- Dịch vụ câu cá: Đây là loại hình câu cá giải trí thư giãn hoặc câu cá thể thao gắn với các giải thi đấu. Dịch vụ cung cấp các dụng cụ cần câu, mồi câu, nước giải khác để khách du lịch có thể câu cá thư giãn và có thể thư được các loại cá có thể chế biến trực tiếp làm các món ăn hoặc tổ chức các cuộc thi câu cá để tạo cảm hứng, thú vui khi đi câu cá.

- Dịch vụ dưỡng sinh: Thực hiện chăm sóc và tư vấn chăm sóc sức khỏe cho khách, cung cấp các sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ thiên nhiên, thảo dược Đông Y dưỡng sinh, bấm huyệt, Massage, chăm sóc sắc đẹp, chăm sóc người cao tuổi…

- Dịch vụ vui chơi giải trí: Zipline, tàu lượn, đua xe địa hình….

3.6.3. Các loại hình du lịch

- Do các đặc điểm tự nhiên là một Khu bảo tồn được thành lập theo các tiêu chí của ngành Lâm nghiệp nên các hoạt động du lịch ở Xuân Liên cần tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp.

- Nên các hoạt động du lịch sinh thái và du lịch nghĩ dưỡng là các hoạt động phù hợp nhất đối với Xuân Liên do các loại hình du lịch này luôn gắn với việc khai thác các giá trị của tự nhiên như vẻ đẹp cảnh quan, đặc điểm sinh thái, đặc tính tiểu khí hậu. Hơn thế, hai loại hình du lịch này cũng luôn được phát triển theoxu hướng tận dụng các đặc điểm tự nhiên, không sáo trộn hay làm thay đổi cảnh quan, điều kiện tự nhiên của khu vực.Chính vì thế, hai loại hình du lịch này sẽ được coi là chủ đạo trong khu bảo tồn Xuân Liên.

3.6.4. Tổ chức khai thác và quản lý du lịch

Khu BTTN Xuân Liên là nơi có nguồn tài nguyên du lịch phong phú tạo ra nhiều tiềm năng phát triển các hoạt động du lịch tại nhiều điểm, tuyến khác nhau, Khu BTTN Xuân Liên khó có khả năng đầu từ, khai thác và quản lý các hoạt động đó. Hơn thế, đối một khu bảo tồn thì chức năng và nhiệm vụ bảo tồn thiên nhiên và da dạng sinh học là chức năng quan trọng nhất do đó, việc thực hiện chức năng này là không thể có một bên thứ 2 thay thế cho ban quản lý. Do đó, Ban quản lý khu bảo tồn không thể tự đứng ra khai thác và vận hành tất cả các tuyến, điểm và dịch vụ du lịch một cách hiệu quả.

Để khai thác hiệu quả các giá trị du lịch đó, Khu bảo tồn cần có các công ty du lịch và dịch vụ tham gia hỗ trợ.Vì thế, ngoài hình thức khu bảo tồn tự khai thác và vận hành các điểm, tuyến thì sự tham gia của các bên thứ hai là không thể thiếu.Việc tham gia vào các hoạt động du lịch của các chủ đầu tư sẽ giúp giảm gánh nặng đầu tư từ ngân sách; việc tham gia của các công ty du lịch chuyên nghiệp sẽ đảm bảo hoạt động du lịch sẽ được thực hiện chuyên nghiệp và chất lượng hơn so với việc Ban quản lý Khu bảo tồn tự tổ chức thực hiện.

Hoạt động liên doanh trong khai thác, cho thuê dịch vụ môi trường rừng được chọn là phương án chính trong việc thực hiện các hoạt động du lịch ở Khu BTTN Xuân Liên. Đối với các phương án này, Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên chỉ tập trung giám sát hoạt động khai thác để đảm bảo rằng việc đầu tư và khai thác sẽ theo đúng các quy định của phápluật và theo đúng quy chế và thỏa thuận đã ký.

Ban quản lý Khu bảo tồn chỉ đứng ra thực hiện đối với các hoạt động trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt hoặc ở các khu vực không cho phép hoặc không có sự tham gia của bên thứ 2.

3.6.5. Xúc tiến quảng bá du lịch

Đối với các hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong thời đại kỹ thuật số, công nghệ 4.0 thì quảng bá là yếu tố quyết định sự thành công; Đối với hoạt động du lịch cũng tương tự như vậy, chiến lược quảng bá tốt sẽ giúp khách biết đến sản phẩm và tham gia hoạt động du lịch. Do vậy, đối với Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên việc quảng bá về du lịch sẽ được thực hiện thông qua:

- Xây dựng thông điệp quảng bá du lịch, lựa chọn kênh thông tin, đưa và cập nhật thông tin du lịch thường xuyên.

- Lập bộ phận truyền thông, xúc tiến, quảng bá cho du lịch sinh thái ở Xuân Liên với cơ chế vận hành linh hoạt, tập trung đưa và cập nhật trên các kênh trực tuyến và xúc tiến tại các hội chợ, trung tâm du lịch khác như Sầm Sơn, Lam Kinh, Cẩm Thủy.

- Có các hoạt động nghiên cứu, điều tra thị trường du lịch định kỳ theo để có được thông tin về diễn biến thị trường làm cơ sở cho cách hoạt động xúc tiến quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu, phát triển sản phẩm du lịch.

- Xã hội hóa hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch thông qua việc huy động các ngồn vốn, trí thức của tập thể và cá nhân trong việc tổ chức và thực hiện các

hoạt động xúc tiến quảng bá. Ví dụ, thông qua trang thông tin cá nhân, các diễn đàn du lịch trên Facebook, Intagram, Zalo và các diễn đàn du lịch chính thống khác.

- Tổ chức thực hiện các chiến dịch truyền thông, tuyên truyền về du lịch ở Xuân Liên thông qua các báo, đài, trang thông tin điện tử và hoạt động quảng bá ở các hội chợ du lịch hay hội nghị xúc tiến du lịch.

Bảng 11: Chiến lược xúc tiến quảng bá để phát triển du lịch

TT	Nội dung	Nhiệm vụ	Thời gian	Tổ chức thực hiện
1	Phát triển trang web giới thiệu, quảng bá du lịch ở Xuân Liên	- Thiết kế trang web. - Xây dựng nội dung (bài viết, hình ảnh, video...). - Quản trị trang web; cập nhật thông tin.	Hàng năm	Khu BTTN Xuân Liên
2	Tổ chức hội thảo về xúc tiến du lịch và kêu gọi các nhà đầu tư	- Xây dựng kế hoạch, nội dung cho hội thảo du lịch. - Mời các chuyên gia, nhà nghiên cứu, doanh nghiệp, hiệp hội, các cơ quan liên quan tham gia. - Quảng bá thông tin, định hướng phát triển, kêu gọi đầu tư. - Mời các doanh nghiệp tham quan điểm du lịch	2021-2025	Khu BTTN Xuân Liên
3	Xây dựng các tài liệu, ấn phẩm quảng bá du lịch tại Xuân Liên	- Thiết kế, in ấn tờ rơi, tập gấp. - Xây dựng các phim tài liệu, thư viện ảnh, video giới thiệu.	Hàng năm	Khu BTTN Xuân Liên
4	Tham gia các hội chợ du lịch	- Chuẩn bị các tài liệu quảng bá khi tham gia. - Tiếp xúc, xúc tiến trực tiếp với các công ty lữ hành, đại lý du lịch	Hàng năm	Khu BTTN Xuân Liên
5	Xây dựng các bảng thông tin lớn	- Xây dựng các bảng thông tin, pano quảng cáo du lịch Xuân Liên tại các đầu mối giao thông của tỉnh và .	2021-2025	Khu BTTN Xuân Liên
6	Liên kết xúc tiến quảng bá	- Phối hợp với các diễn đàn du lịch, trang thông tin về du lịch để thực hiện các hoạt động quảng bá	Hàng năm	Khu BTTN Xuân Liên

3.7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí

3.7.1. Danh mục các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước

3.7.1.1. Giai đoạn 2021-2025

Bảng 12: Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách nhà nước

STT	Dự án	ĐVT	Số

			lượng
A	**CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**		
I	**Điểm trung tâm du khách**		
1	Dự án Khu liên hợp Hành chính - dịch vụ		
-	Trung tâm bảo tồn, phát triển sinh vật và dịch vụ môi trường rừng: (Khu văn phòng làm việc; Sa bàn mô phỏng các tuyến điểm du lịch Khu BTTN Xuân Liên; Khu trưng bày bán bàng lưu niệm; Khu chiếu phim tuyên truyền giáo dục môi trường kết hợp hội nghị, hội thảo)	Công trình	1
-	Khu nhà khách trung tâm Khu Bảo tồn	Công trình	1
-	Sửa chữa nâng cấp khu làm việc, mua sắm các hạng mục phụ trợ ban quản lý khu BTTN Xuân Liên	Công trình	1
-	Cổng vào Khu bảo tồn	Công trình	1
-	Cải tạo cảnh quan, cây xanh ven đường giao thông trên tuyến đường từ BQL khu bảo tồn đi vào bến thuyền Hồ Cửa Đạt và đi Trạm KL Sông Khao	Km	18,5
2	Dự án xây dựng Vườn thực vật		
-	Trồng sưu tập vườn thực vật các loài cây bản địa (100 ha) và hàng rào xanh bao quanh	Ha	100
3	Dự án Hồ sinh thái		
-	Dự án nạo vét lòng Hồ chứa nước sinh thái tạo cảnh quan cho du lịch và tạo nguồn nước phục vụ phòng cháy, qui mô 2ha	Ha	2
-	Dự án xây dựng cầu bến thuyền và bậc tam cấp Hồ chứa nước sinh thái	Hệ thống	1
4	Dự án Khu bến thuyền Cửa Đạt		
-	Dự án Xây dựng bến thuyền Cửa Đạt: Kè bê tông, chiều dài 300m; Cầu bến thuyền theo mực nước dâng; Bãi đỗ xe: Diện tích 500m2; Khu neo đậu, tránh trú mùa mưa bão	Bến thuyền	1
-	Dự án xây dựng nhà nghỉ chân chờ đón khách khu bến thuyền Cửa Đạt: Công trình nhà cấp IV, diện tích 150m2, sức chứa 100 khách	M2	150
-	Dự án xây dựng trạm cứu hộ, cứu nạn bến thyền Cửa Đạt: Công trình nhà cấp IV, diện tích 100m2	M2	100
-	Dự án xây dựng nhà vệ sinh công cộng Đạt chuẩn theo quy hoạch của ngành Du lịch	Công trình	1
5	Hệ thống đường giao thông kết nối		
-	Đường từ bến thuyền Đập Cửa Đạt đi trạm KL Cửa Đạt	Km	1

STT	Dự án	ĐVT	Số
-	Đường nối tiếp tuyến đường Tả ngạn đập Cửa Đạt đi trạm kiểm lâm Sông Khao	Km	6
II	**Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng**		
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Khu	1
2	Hệ thống cấp điện cho điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (Đường dây tải và Trạm biến áp)	Hệ thống	1
III	**Điểm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao**		
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao	Khu	1
2	Dự án nâng cấp xây dựng khu nhà quản lý điều hành, nhà chế biến thức ăn quy mô 0,2 ha	Dự án	1
3	Bến thuyền Khu chăn thả động vật bán hoang dã	Bến thuyền	1
4	Hệ thống cấp nước phục vụ Khu cứu hộ, chăn thả động vật bán hoang dã	Hệ thống	1
IV	**Điểm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Resort)**		
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu nghỉ dưỡng cao cấp	Khu	1
2	Đường ven hồ từ đập chính Cửa Đạt đi đập phụ Hón Can	Km	6
V	**Điểm trình diễn mô hình rừng**		
1	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây cảnh quan (Trồng tập trung hoặc trồng theo đường đồng mức Cos 121)	Ha	30
VI	**Điểm du lịch thác Yên**		
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch thác Yên	Khu	1
VIII	**Điểm du lịch thác Thiên Thủy**		
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch thác Thiên Thủy	Khu	1
XI	**Tuyến du lịch ngược dòng Sông Chu**		
1	Xây dựng Lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ vào vườn thực vật	Cái	7
2	Cải tạo và nâng cấp 15 ngôi nhà sàn hộ gia đình tại thôn Thanh Xuân kinh doanh du lịch HomeStay	Nhà	15
XII	**Tuyến du lịch Dã ngoại thác Yên**		
1	Xây dựng điểm check in thác Hón Yên	Công trình	1
XIII	**Tuyến du lịch sinh thái thác Thiên Thủy – đỉnh Pù Gió**		
1	Xây dựng lều nghỉ chân cho du khách trên tuyến du	Cái	5

STT	Dự án	ĐVT	Số
	lịch Hón Can - thác Thiên Thủy - đỉnh Pù Gió, diện tích 15m2/lều		
2	Xây dựng hàng rào bảo vệ du khách khu vực thác Thiên Thủy	Km	2
3	Tuyến đường mòn đi bộ từ thôn Quạn xã Vạn Xuân đi đỉnh Pù Gió	Km	15
XIV	**Tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn**		
1	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn	Hệ thống	1
2	Lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn	Cái	5
3	Xây dựng tháp quan sát cảnh quan trong rừng nguyên sinh bản Vịn kết hợp theo dõi tập tính động vật	Cái	2
4	Điểm check in cây di sản Việt Nam	Công trình	1
5	Cải tạo, duy tu, bảo dưỡng đường đi bộ đến khu vực và quần thể cây di sản	Km	6
6	Cải tạo và nâng cấp 30 ngôi nhà sàn hộ gia đình tại thôn Đục (15 nhà) và thôn Vịn (15 nhà) kinh doanh du lịch HomeStay	Nhà	15
B	**HẠNG MỤC KHÁC**		
1	Chương trình tập huấn kỹ năng du lịch sinh thái cho cán bộ khu bảo tồn và hướng dẫn viên du lịch cơ sở	Lớp	5
2	Trang bị hệ thống các thùng rác thải đặt tại các tuyến du lịch	Hệ thống	1
3	Mua sắm các trang thiết bị phục vụ hoạt động du lịch tại Nhà bảo tàng động thực vật; Trung tâm cứu hộ động vật; Trung tâm du khách.	Dự án	1

3.7.1.2. Giai đoạn 2026-2030

Bảng 13: Dự kiến danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2026-2030 từ nguồn ngân sách nhà nước

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng
A	**CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**		
I	**Điểm trung tâm du khách**		
1	Dự án Khu liên hợp Hành chính - dịch vụ		
-	Trồng cây tạo cảnh quan tại phân khu dịch vụ hành chính Khu bảo tồn	Dự án	1
2	Dự án xây dựng Vườn thực vật		

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng
-	Nhà vệ sinh công cộng trên tuyến đường đi bộ Vườn thực vật (01 nhà, diện tích xây dựng 10m2/nhà)	Nhà	1
3	Dự án Khu bến thuyền Cửa Đạt		
4	Bãi thu gom chất thải rắn trung gian tại Khu trung tâm du lịch sinh thái để chuyển xử lý tại Khu xử lý của Thị trấn Cửa Đạt và xây tường bao quanh	Khu	1
III	**Điểm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao**		
1	Hàng rào điện	Km	1,5
2	Đường đi bộ nội vùng Khu chăn thả động vật bán hoang dã	Km	5
3	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho Khu chăn thả động vật bán hoang dã Sông Khao	Hệ thống	1
V	**Điểm trình diễn mô hình rừng**		
1	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy quả	Ha	48
2	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy đồ uống	Ha	15
3	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy dầu và dược liệu	Ha	50
4	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy gia vị	Ha	12
5	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy rau	Ha	20
6	Xây dựng Bến thuyền Khu trình diễn mô hình rừng	Bến thuyền	1
7	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng sử dụng vật liệu tại chỗ: 2 nhà, diện tích 10m2/nhà	Nhà	2
8	Xây dựng khu rừng cắm trại tại điểm trình diễn mô hình rừng	Khu	1
VIII	**Điểm du lịch thác Thiên Thủy**		
1	Nâng cấp đường từ trạm BVR Hón Can đi thác Thiên Thủy	Km	8
X	**Điểm rừng nguyên sinh bản Vịn**		
1	Dự án cải tạo khu rừng cắm trại, quy mô 5ha	Dự án	1
XI	**Tuyến du lịch ngược dòng Sông Chu**		
1	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho trạm kiểm lâm Sông Khao, Hón Mong, nhà nổi trạm Cửa Đạt	Hệ thống	3
2	Xây dựng 01 tháp quan sát cảnh quan ven hồ Cửa Đạt kết hợp quan sát tìm kiếm cứu nạn và quản lý bảo vệ cháy rừng	Cái	1
XII	**Tuyến du lịch Dã ngoại thác Yên**		
1	Xây dựng 03 lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ thác Yên, diện tích 15m2/lều	Cái	3
2	Xây dựng hàng rào bảo vệ du khách trên tuyến	Km	1

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng
	đường đi bộ vào thác Yên		
3	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch dã ngoại thác Yên	Hệ thống	1
4	Đường đi bộ xung quang khu vực thác Hón Yên	Km	2
XIII	**Tuyến du lịch sinh thái thác Thiên Thủy – đỉnh Pù Gió**		
1	Xây dựng lều nghỉ chân cho du khách trên tuyến du lịch Hón Can - thác Thiên Thủy - đỉnh Pù Gió, diện tích 15m2/lều	Cái	5
2	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch sinh thái thác Thiên Thủy – đỉnh Pù Gió	Hệ thống	1
3	Xây dựng điểm check in thác Thiên Thủy	Công trình	1
4	Xây dựng điểm check in đỉnh Pù Gió	Công trình	1
5	Xây dựng 01 tháp quan sát cảnh quan kết hợp theo dõi tập tính động vật trên đỉnh Pù Gió	Công trình	1
6	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho thác Thiên Thủy	Hệ thống	1
7	Cải tạo và nâng cấp 15 ngôi nhà hộ gia đình tại thôn Hang Cáu, kinh doanh du lịch HomeStay	Nhà	15
XIV	**Tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn**		
1	Xây dựng tháp quan sát cảnh quan trong rừng nguyên sinh bản Vịn kết hợp theo dõi tập tính động vật	Cái	2
2	Xây dựng đường tiếp nối lên quần thể cây Di sản	Km	2
3	Cải tạo và nâng cấp 30 ngôi nhà sàn hộ gia đình tại thôn Đục (15 nhà) và thôn Vịn (15 nhà) kinh doanh du lịch HomeStay	Nhà	15
B	**HẠNG MỤC KHÁC**		
1	Xây dựng hệ thống các bảng quảng bá, bảng nội quy, bảng chỉ dẫn du lịch	Hệ thống	1
2	Xây dựng tư liệu quảng bá du lịch sinh thái Khu bảo tồn	Chương trình	1
3	Chương trình tập huấn kỹ năng du lịch sinh thái cho cán bộ khu bảo tồn và hướng dẫn viên du lịch cơ sở	Lớp	5
4	Trang bị hệ thống các thùng rác thải đặt tại các tuyến du lịch	Hệ thống	1

3.7.2. Danh mục các dự kêu gọi đầu tư

Bảng 14: Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư

STT	Dự án	ĐVT	Số lượng
I	**Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng**		
1	Dự án làng du lịch sinh thái		
-	Nhà ở sinh thái quy mô hộ gia đình	Nhà	35
-	Khu nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng kết hợp nhà hàng ẩm thực	Nhà	1
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1
2	Dự án Khu nghỉ dưỡng sinh thái, trung tâm hội nghị, nhà hàng ẩm thực, spa chăm sóc sức khỏe		
-	Nhà nghỉ sinh thái biệt lập	Nhà	15
-	Khu nhà hàng ẩm thực	Khu	1
-	Khu trung tâm quản lý điều hành kết hợp nhà hội nghị, hội thảo	Khu	1
-	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm thuốc	Khu	1
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1
3	Bến thuyền Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng	Bến thuyền	1
4	Dự án Khu cắm trại và khu vui chơi suối thác Hón Bố		
-	Cải tạo khai thác điểm suối thác hón Bố qui mô 2,4 ha, chiều dài 1,2 km thành khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…)	Khu	1
-	Xây dựng khu cắm trại Picnic, qui mô 5ha	Khu	1
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1
II	**Điểm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Resort)**		
1	Biệt thự nghỉ dưỡng hạng sang	Nhà	15
2	Khu nhà quản lý điều hành kết hợp Khu nhà hàng cao cấp	Khu	1
3	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm thuốc	Khu	1
4	Khu liên hợp thể dục, thể thao	Khu	1
5	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ	Khu	1
6	Bến thuyền Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Resort)	Bến	1

STT	Dự án	ĐVT	Số
		thuyền	
7	Hệ thống cấp điện cho Khu nghỉ dưỡng cao cấp (Đường dây tải và Trạm biến áp)	Hệ thống	1
III	**Điểm du lịch thác Yên**		
1	Dự án khu nhà nghỉ Bungalow sinh thái, nhà hàng ẩm thực, spa chăm sóc sức khỏe		
-	Bungalow nghỉ dưỡng sinh thái	Nhà	15
-	Khu nhà quản lý điều hành kết hợp nhà hàng ẩm thực	Khu	1
-	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm khoáng	Khu	1
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ	Khu	1
-	Bến thuyền Khu du lịch nghỉ dưỡng thác Hón Yên	Bến thuyền	1
2	Khu cắm trại và khu vui chơi tắm suối thác Yên		
-	Cải tạo khai thác điểm suối thác hón Yên thành khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…)	Khu	1
-	Xây dựng khu cắm trại Picnic Hón Yên, qui mô 5ha	Khu	1
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ	Khu	1
3	Dự án Khu Đền mẫu		
-	Khu Đền mẫu	Khu	1
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1
IV	**Điểm du lịch Hón Can**		
1	Nhà nghỉ sinh thái HomeStay kiến trúc nhà sàn truyền thống của người dân tộc Thái	Nhà	15
2	Khu nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng kết hợp nhà hàng ẩm thực	Nhà	1
3	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm khoáng	Trung tâm	1
4	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1
V	**Điểm du lịch thác Thiên Thủy**		
1	Dự án khu nhà chờ đón khách kết hợp nhà quản lý điều hành tour	Nhà	1
2	Dự án Cải tạo khai thác điểm suối thác Thiên Thủy	Dự án	1

STT	Dự án	ĐVT	Số
	qui mô 9,5 ha, chiều dài 3,5 km thành khu cắm trại Picnic và Khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…)		
3	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1
VI	**Đỉnh Pù Gió**		
1	Dự án Điểm vọng cảnh Cột cờ chiến thắng đỉnh Pù Gió (phục dựng di tích trận địa pháo phòng không trong kháng chiếng chống Mỹ)	Dự án	1
2	Dự án cải tạo khu rừng cắm trại, quy mô 5ha và hệ thống các công trình phụ trợ (nhà vệ sinh công cộng…)	Dự án	1
VII	**Tuyến du lịch ngược dòng Sông Chu**		
1	Đóng mới, cải tạo, nâng cấp thuyền du lịch tại hồ Cửa Đạt (thuyền 30 chỗ ngồi), phát triển dịch vụ du thuyền Hồ Cửa Đạt	Cái	10
2	Đóng mới, cải tạo, nâng cấp thuyền du lịch hạng sang tại hồ Cửa Đạt (thuyền 100 chỗ ngồi), phát triển dịch vụ du thuyền Hồ Cửa Đạt	Cái	5
3	Cải tạo và nâng cấp 15 ngôi nhà sàn hộ gia đình tại thôn Thanh Xuân kinh doanh du lịch HomeStay	Nhà	15
VIII	**Tuyến du lịch sinh thái thác Thiên Thủy – đỉnh Pù Gió**		
1	Cải tạo và nâng cấp 15 ngôi nhà hộ gia đình tại thôn Hang Cáu, kinh doanh du lịch HomeStay	Nhà	15
IX	**Tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn**		
1	Cải tạo và nâng cấp 30 ngôi nhà sàn hộ gia đình tại thôn Đục (15 nhà) và thôn Vịn (15 nhà) kinh doanh du lịch HomeStay	Nhà	30
X	**Tuyến du lịch cáp treo đỉnh Pù Gió: Đường cáp treo với chiều dài tuyến là 10,4 có 04 trụ và 03 nhà ga**	**Dự án**	**1**

3.8. Các giải pháp thực hiện

3.8.1. Giải pháp về quản lý bảo vệ và phát triển rừng

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn triệt để tình trạng phá rừng; khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản và các động vật hoang dã. Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Xuân Liên phối hợp với chính quyền địa phương, công an, quân đội, đồn biên phòng Bát Mọt, Hạt kiểm lâm huyện Thường Xuân, các Hạt Kiểm lâm vùng giáp ranh thuộc tỉnh Nghệ An tăng

cường công tác kiểm tra và xử lý kịp thời tình trạng khai thác, sử dụng trái phép.

- Thực hiện có hiệu quả công tác Phòng cháy chữa cháy rừng; xây dựng phương án PCCCR theo từng giai đoạn, trong đó xác định các khu vực trọng điểm dễ cháy rừng trong mùa khô hàng năm, xây dựng các giải pháp PCCCR như: làm giảm vật liệu cháy, kiện toàn ban chỉ đạo, chuẩn bị các trang thiết bị phục vụ PCCCR và kịch bản chữa cháy rừng theo phương án 4 tại chỗ; tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác PCCCR và các quy định trong công tác PCCCR tại các tuyến, điểm du lịch và triển khai cho nhà đầu tư: Thuê môi trường rừng, liên doanh, liên kết; các công ty lữ hành biết để thực hiện.

- Thực hiện cáchoạt động trồng rừng, phục hồi rừng; khoanh nuôi tái sinh rừng phù hợp với điều kiện sinh thái; giao khoán bảo vệ rừng đối với các hộ gia đình ở vùng đệm Khu bảo tồn;nâng cao chất lượng, độ che phủ của rừng.

- Nâng cao năng lực bảo tồn và quản lý bảo vệ rừng và đa dạng sinh hoccho đội ngũ cán bộ Khu bảo tồn;xây dựng các chương trình, kế hoạch bảo tồn các loại động vật đặc hữu và quý hiếm.

- Thực hiện có hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học trong khu bảo tồn; tạo điều kiện cho các tổ chức quốc tế thực hiện các chương trình, dự án bảo tồn, hỗ trợ cộng đồng tại khu vực.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm, nghiên cứu khoa học; Cơ sở dữ liệu về điều tra rừng, kiểm kê rừng, diễn biến rừng, kết quả giảm phát thải khí nhà kính liên quan đến rừng theo luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017.

3.8.2. Giải pháp về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

- Tuyên truyền,giáo dục,nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, khách du lịch, các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn; kết hợp hài hòa giữa giáo dục, động viên khen thưởng đi đôi với các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời, xứ lý nghiêm minh, nhằm bảo vệ tốt tài nguyên thiên nhiên, bản sắc văn hóa, môi trường sinh thái

- Xây dựng các tuyến, điểm du lịch sinh thái nhằm khai thác tốt cảnh quan thiên nhiên của tài nguyên rừng theo nguyên tắc: "Không làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên, không gây tác động xấu đến tài nguyên động thực vật trên cạn và dưới nước làm giảm tính đa dạng sinh học và gây ô nhiễm môi trường".

- Xây dựng các mô hình phát triển du lịch sinh thái để người dân địa phương chủ động tham gia công tác bảo vệ rừng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa bản địa và được hưởng nhiều lợi ích từ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí. Tạo việc làm, chuyển đổi ngành nghề cho nông dân thông qua các dự án du lịch trên địa bàn.

- Thực hiện chính sách chia sẻ lợi ích đối với người dân địa phương, gắn với phát triển du lịch sinh thái; nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân vùng đệm.

3.8.3. Giải pháp về ứng dụng khoa học kỹ thuật

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại, áp dụng khoa học kỹ thuật mới phục vụ công tác quản lý, giám sát các hoạt động du lịchcũng như phục vụ diễn giải môi trường trong DLST cũng như hướng dẫn du khách có trải nghiệm phong phú và hiệu quả hơn; công nghệ trong việc thu gom và xử lý nước thải/rác thải tại chỗ, đặc biệt là các điểm, tuyến du lịch lẻ cách xa trung tâm.

- Xây dựng trang thông tin điện tử, sở dữ liệu điện tử trực tuyến về du lịch để giúp quản lý và quảng bá cho du khách, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động du lịch ở Xuân Liên.

- Sử dụng các công nghệ 4.0 và các sản phẩm ứngdụng điện tửtrên điện thoại thông minh để hướng dẫn du lịch, quảng bá các sản phẩm và dịch vụ du lịch.Ứng dụng các tiện ích thông minh nhằm hướng dẫn về các giá trị tự nhiên, các giá trị đa dạng sinh học để khách có nhiều trải nghiệm tốt, hiểu được các giá trị của Xuân Liên.

- Xây dựng thông điệp quảng bá du lịch thông minh trên môi trường trực tuyến (mạng internet, mạng xã hôi), lựa chọn kênh thông tin (youtube) nhằm cập nhật cho du khách, người quan tâm các thông tin du lịch.

- Quản lý rác thảichú trọng phân loại từ nguồn dựa trên nguyên tắc giảm thải, tái sử dụng, tái chế nếu có thể. Bố trí linh hoạt các điểm thu gom rác ở những vị trí hợp lý để du khách và nhân viên có thể vứt rác đúng chỗ để trong quá trình thu gom và phân loại rác được dễ dàng hơn. Phân loại rác tại nguồn góp phần tiết kiệm được chi phí, dễ tái chế và tái sử dụng.

3.8.4. Giải pháp về vốn và nguồn nhân lực

3.8.4.1. Giải pháp về vốn

Tổng nguồn vốn của đề án là: 1.306.200 triệu đồng, trong đó:

Nguồn vốn thực hiện Đề án bao gồm nguồn ngân sách của nhà nước và nguồn vốn đầu kêu gọi đầu tư, trong đó:

* **Vốn ngân sách nhà nước***:* Dự kiến 116.700 triệu đồng, chiếm 8,93 % tổng nguồn vốn của đề án; được huy động từ các nguồn:

- Vốn ngân sách tỉnh: Dự kiến 30.000 triệu đồng, chiếm khoảng 2,3% tổng nguồn vốn của đề án. Phân kỳ giai đoạn 2021-2025, 15.000 triệu đồng, giai đoạn 2026-2030, 15.000 triệu đồng.

Căn cứ vào Đề án đã được phê duyệt, hàng năm Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên xây dựng chủ trương đầu tư, báo cáo các sở ngành thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương thực hiện.

- Nguồn ngân sách của Trung ương, ngân sách huyện Thường Xuân: Dự kiến khoảng 86.700 triệu đồng, chiếm khoảng 6,63% tổng nguồn vôn của đề án. Phân kỳ giai đoạn 2021-2025, 73.400 triệu đồng, giai đoạn 2026-2030, 13.300 triệu đồng.

+ Nguồn vốn Trung ương: Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, định mức, tiêu chí phân bổ NSNN và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tổng mức đầu tư công trung hạn cho tỉnh Thanh Hóa, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa xem xét hỗ trợ đầu tư một số hạng mục công trình thuộc đối tượng đầu tư của NSNN, phù hợp với quy định của Luật đầu tư công.

+ Vốn Ngân sách huyện Thường Xuân: trên cơ sở Đề án được phê duyệt, UBND huyện Thường Xuân ưu tiên một số hạng mục đầu tư hạ tầng thiết yếu phù hợp với Luật đầu tư công trình HĐND phê duyệt, đồng thời thúc đẩy thu hút, kêu gọi đầu tư từ các nhà đầu tư trong và ngoài huyện đầu tư các hạng mục trong Đề án.

* **Vốn kêu gọi đầu tư***:* Dự kiến 1.189.500 triệu đồng, chiếm 91,07% tổng nguồn vốn của đề án; bao gồm:

- Vốn thu hút đầu tư từ các nhà đầu tư, các doanh nghiệp

- Vốn liên kết với các công ty kinh doanh du lịch

- Vốn từ các nguồn thu dịch vụ Đơn vị tái đầu tư lại

- Vốn xã hội hóa, đóng góp của công chức, viên chức, người lao động Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, cộng đồng nhân dân trong vùng dự án,..

3.8.4.2. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xây dựng lực lượng lao động du lịch đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hợp lý về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo để đảm bảo tính chuyên nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, đáp ứng nhu cầu xã hội; tập trung đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, được đào tạo chính quy về du lịch.

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch và văn hóa giao tiếp, ứng xử đối với du khác cho các cán bộ, hướng dẫn viên, thuyết minh viên tại chỗ, nhân viên phục vụ tại các cơ sở dịch vụ; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về vệ sinh và an toàn thực phẩm, các kỹ năng đón, chăm sóc khách du lịch. Cử cán bộ có đủ điều kiện tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ Du lịch, quản lý Du lịch và đăng ký xin cấp thẻ hướng dẫn viên cho các bộ liên quan bao gồm cả cộng tác viên cộng đồng.Hoạt động đào tạo cần ưu tiên cho các thôn/bản có các hoạt động hoặc dự kiến sẽ là điểm lưu trú cộng đồng.

- Sử dụng các cộng tác viên là người địa phương hướng dẫn viên du lịch để hướng dẫn cho khách du lịch.

3.8.5. Các giải pháp khác

3.8.5.1.Giải pháp về quy hoạch, đầu tư; phát triển sản phẩm du lịch quảng bá, xúc tiến du lịch

- Thực hiện đồng bộ công tác quy hoạch chung về hạ tầng du lịch, đảm bảo nhu cầu của cộng đồng địa phương và phát triển kinh tế, phát triển du lịch.Lồng ghép các mục tiêu phát triển du lịch trong khu bảo tồn gắn với quy hoạch nông thôn mới nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và phát huy các tài

nguyên đạt hiệu quả cao hơn trong phát triển kinh tế xã hội.Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái Khu BTTN Xuân Liên phải nằm trong tổng thể quy hoạch du lịch của huyện Thường Xuân.Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, giám sát quy hoạch.

- Xây dựng các Chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch hàng năm theo chuyên đề; xây dựng thư viện ảnh, thư viện video, các ấn phẩm quảng bá trên trang website của Khu BTTN Xuân Liên, UBND huyện Thường Xuân và các trang web chuyên đề về du lịch cộng đồng, qua mạng Facebook, Zalo. Trình bày bằng nhiều ngôn ngữ và hình ảnh để khách hàng dễ dàng truy cập, nắm bắt thông tin, liên kết với nhau và với các trang Web nổi tiếng để du khách nước ngoài dễ dàng tìm kiếm, quảng bá qua các lễ hội, sự kiện.

- Phối hợp với các Công ty du lịch, các hãng lữ hành tại Hà Nội, Thanh Hóa, Hòa Bình như: Green tour; Active travel, Công ty du lịch Mai Châu, Công ty Cổ phần du lịch Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ & Du lịch Xuyên Việt..để thu hút du khách và tổ chức các tour du lịch tại Khu bảo tồn.

- Phối hợp với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu như Trường Đại học Lâm nghiệp; Trường Đại học Hồng Đức; Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa…để tổ chức khai thác các nhóm sản phẩm về dịch vụ khoa học, tổ chức các đợt thực tập, nghiên cứu tại Khu bảo tồn.

- Xây dựng các bảng chỉ dẫn đường, bảng giới thiệu về Khu BTTN, thuyết minh du lịch đa ngôn ngữ, (nhất là tiếng việt và tiếng anh) tại các khu vực, điểm du lịch chính nhằm giúp du khách có thể dễ dàng tham quan và trải nghiệm văn hóa.

- Phối hợp với các khu vực tư nhân tham gia các hoạt động xúc tiến như phối hợp xây dựng các Chương trình, các tour, tuyến du lịch.

3.8.5.2. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Khi xây dựng các công trình mới hay nâng cấp phải tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường cũng như các quy định trong luật Lâm nghiệp đối với việc đầu tư, xây dựng và khai thác du lịch trong các khu rừng đặc dụng. Các hoạt động xây dựng cần có đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường.

- Có phương án quản lý rác thải và nước thải cho tất cả các điểm, tuyến du lịch và có biện pháp thu gop và xử lý theo đúng quy định.

- Ban quản lý khu bảo tồn có kế hoạch giám sát và đánh giá dài hạn để đảm bảo giám sát và giảm thiểu được các tác động tới môi trường từ khi lập kế hoạch, đầu tư và khai thác.

- Xây dựng hệ thống biển báo, tờ rơi... nhằm tuyên truyền cho du khách chấp hành nghiêm chỉnh Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường và các quy chế của Khu bảo tồn thi tham gia du lịch.

3.8.5.3. Giải pháp bảo tồn bản sắc văn hóa

- Khu bảo tồn Xuân Liên phối hợp với các cơ quan quản lý văn hóa, chính

quyền địa phương để tuyên truyền vận động nhân dân chú trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình nhằm thu hút khách du lịch đến với địa phương.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức cộng đồng hỗ trợ việc khôi phục và duy trì các hoạt động văn hóa truyền thống của địa phương như các lễ hội, các hoạt động văn nghê, các truyền thống về bảo vệ rừng, thiên nhiên để vừa thu hút khách du lịch vừa khơi dậy niềm tự hào của cộng đồng.

3.8.5.4. Giải pháp về an ninh, an toàn và vệ sinh an toàn thực phẩm

- Tiếp tục thực hiện chương trình Quản lý bảo vệ rừng theo Quy hoạch, Phương án được phê duyệt, nhằm tạo nên các hoạt động bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên môi trường, tăng mức an toàn bền vững cho hoạt động khai thác du lịch.

- Sau khi Đề án được phê duyệt, Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên chủ trì xây dựng kế hoạch phối hợp với các lực lượng như Công an, Biên phòng, Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3, Bảo vệ rừng cộng đồng, Dân quân, tự vệ xã… để có phương án bảo vệ an toàn, an ninh quốc gia khu vực biên giới, anh toàn, an ninh hồ đập và bảo vệ an toàn cho du khách, giữ vững an ninh rừng đồng thời ngăn chặn kịp thời những hành động lợi dụng hoạt động du lịch để phá hoại an ninh quốc gia khu vực biên giới, an toàn hồ đập, phá hoại môi trường sinh thái.

- Có kế hoạch phối hợp với Biên phòng và Công an trong việc quản lý khách du lịch, bao gồm việc đơn giản hóa các thủ tục đăng ký cho khách, người nước ngoài lưu trú và tham gia du lịch ở các điểm và tuyến được thuận tiện hơn.

- Các đơn vị khai thác dịch vụ tổ chức cắm các biển cảnh báo, rào chắn tại các nơi nguy hiểm, đặc biệt là tại các khe suối, vách núi; Cắm các biển chỉ dẫn đường; Trang bị túi thuốc sơ cứu cho nhân viên để phục vụ khi sự cố xảy ra; Bố trí nhân viên bảo vệ giám sát để kiểm tra, xử lý các sự cố về vấn đề an ninh và các hành vi sai phạm của du khách trên các tuyến du lịch.

- Phối hợp với cơ quan y tế địa phương tiến hành tập huấn cho các bên liên quan về kỹ năng chăm sóc sức khỏe và cứu hộ cơ bản.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng trong kiểm tra, kiểm soát, đăng ký, đăng kiểm phương tiện hoạt động chuyên chở khách bằng thuyền du lịch trên tuyến đường thủy nội địa hồ Cửa Đạt, đảm bảo an ninh, an toàn cho hành khách. Tăng cường công tác hướng dẫn, nhắc nhở, cảnh báo, cứu hộ, cứu nạn tại các điểm du lịch nhằm đảm bảo an ninh, an toàn cho du khách.

- Thực hiện có hiệu quả công tác giám sát đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các dịch vụ ăn uống dành cho du khách tại các điểm du lịch.

3.8.5.5. Giải pháp về cơ chế quản lý

Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên có trách nhiệm quản lý chặt chẽ mọi hoạt động trên địa bàn Khu bảo tồn được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ theo luật bảo vệ và phát triển rừng, luật bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành, cụ thể:

- Quản lý chặt chẽ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt không để xảy ra các hoạt động tiêu cực đến các hệ sinh thái rừng trong phân khu,

- Phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn tiến hành khảo sát, đánh giá đầy đủ về tự nhiên, môi trường trong phân khu phục hồi sinh thái. Tổ chức cho các doanh nghiệp thuê, khoán môi trường rừng để phát triển DLST, khi các doanh nghiệp có đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt,

- Cử cán bộ kỹ thuật, giúp đỡ các doanh nghiệp trong công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng và thực hiện các giải pháp kỹ thuật lâm sinh,

- Giám sát các doanh nghiệp thi công các công trình trên diện tích được thuê, khoán rừng nhằm thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước và những quy định của Khu bảo tồn,

- Sử dụng hợp lý có hiệu quả nguồn kinh phí từ tiền cho thuê, khoán môi trường rừng để đầu tư cho các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, phục hồi vốn rừng, xây dựng cơ sở hạ tầng và góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng đệm,

- Phối hợp chặt chẽvới chính quyền các xã có các điểm DLST, trong công tác quản lý, chỉ đạo và tuyên truyền, vận động nhân dân ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, phát triển ngành nghề, tạo sản phẩm hàng hoá phục vụ khách du lịch,

Trách nhiệm của các doanh nghiệp, nhà đầu tư:

- Tổ chức dịch vụ du lịch phải tuân thủ pháp luật của nhà nước, những quy của chính quyền địa phương và Khu bảo tồn,

- Có trách nhiệm quản lý bảo tồn, tôn tạo cảnh quan môi trường, giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, thực hiện DLST theo hướng phát triển bền vững,

- Có trách nhiệm quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng và đất rừng được thuê, khoán môi trường.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, địa phương và Khu bảo tồn,

- Trong kinh doanh du lịch phải thực hiện đầy đủ những nội dung về hoạt động DLST và giáo dục hướng nghiệp cho khách, nhất là đối tượng thiếu niên,

- Góp phần tích cực vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tôn tạo các di tích văn hoá, lịch sử, các công trình phúc lợi trên địa bàn,

- Tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân nêu cao ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và truyền thống văn hoá của địa phương, giúp đồng bào phát triển kinh tế, tăng thu nhập.

3.8.6. Dự báo tác động đến môi trường

3.8.6.1. Tác động đến môi trường tự nhiên

a) Tác động tích cực

Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu

BTTN Xuân Liên khi thực hiện sẽ góp phần nâng cao hiểu quả hoạt động của khu bảo tồn. Cụ thể, các hoạt động du lịch sinh thái sẽ giúp:

- Cộng động hiểu và cảm nhận được, bảo vệ các giá trị của thiên nhiên và đa dạng sinh học sau khi trải nghiệm các hoạt động du lịch.

- Giúp nâng cao nhận thức của mọi người về ý thức và trách nhiệm đối với thiên nhiên và da dạng sinh học.

- Giúp tăng nguồn thu cho khu bảo tồn, nguồn thu đó sẽ được tái đầu tư cho hoạt động bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Hoạt động du lịch sẽ tăng cường việc tôn tạo, bảo vệ cảnh quan giúp nâng cao giá trị của khu bảo tồn, đặc biệt là các giá trị cảnh quan để phát triển du lịch.

b) Tác động tiêu cực và biện pháp giảm thiểu

- Thay đổi về cảnh quan: Trong quá trình xây dựng và phát triển hạ tầng du lịch sẽ làm thay đổi cảnh quan ở một số khu vực, tuy nhiên các diện tích này tương đối nhỏ và nằm ở các khu vực hành chính dịch vụ nên sự sáo trộn là không lớn và hoàn toàn nằm trong diện tích đã được quy hoạch.

- Nước thải và chất thải: Trong quá trình xây dựng, kinh doanh du lịch sẽ có rác và nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên, trong phương án quy hoạch và thiết kế chi tiết cho các tuyến, điểm đều có phương án thu gom, xử lý nước, chất thải vì thế nguy cơ ô nhiễm cùng được quản lý triệt để.

- Tài nguyên thiên nhiên: khi có lượng khách đông và hoạt động du lịch phát triển, có thể xuất hiện một số nhu cầu tiêu thụ và buôn các sản phẩm từ rừng như động vật hoang dã và các loài cây thuốc, cây cảnh. Do vậy, đây cũng có thể là nguy cơ đối với Xuân Liên nếu không được kiểm soát tốt. Để giảm thiểu các tác động này, Khu BTTN Xuân Liên có kế hoạch tuần tra giám sát thường xuyên ở các khu vực trọng điểm, ký cam kết với các bên tham gia kinh doanh du lịch về không tiêu thụ và buôn bán các sản phẩm động, thực vật rừng bất hợp pháp cũng như tăng cường tuyên truyền cho du khách thông qua hệ thống cảnh báo và cung cấp thông tin cho du khách ngay từ ban đầu.

3.8.6.2. Tác động đến kinh tế-xã hội

a) Tác động tích cực

- Về kinh tế và việc làm: Hoạt động du lịch sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương và tạo ra nhiều việc làm cho cộng đồng. Tham gia vào các hoạt động du lịch sẽ giúp chuyển dịch kinh tế địa phương từ sản xuất và khai thác tài nguyên rừng sang các hoạt động dịch vụ có thu nhập cao hơn và giúp công động địa phương giảm hoặc không còn phụ thuộc vào tài nguyên rừng.

- Hạ tầng và dịch vụ: Hoạt động du lịch cũng giúp cùng cố và cải thiện hạ tầng của địa phương như hệ thống hệ thống giao thông sẽ được nâng cấp, cải thiện, chăm sóc y tế sẽ được cải thiện, hàng hóa sẽ có nhiều và chất lượng hơn

thông qua việc cung ứng dịch vụ cho du lịch.

- Về văn hoá: Phát triển du lịch có thể là phương tiện góp phần bảo tồn văn hoá truyền thống của địa phương thông qua việc tổ chức và duy trì các hoạt động văn hóa nhằm thu hút khác.Du lịch giúp việc quảng bá các nết văn hóa của địa phương tới mọi nơi, cộng đồng địa phương có điều kiện giao lưu văn hóa, mở mang dân trí khi tiếp xúc với khách du lịch.

b) Tác động tiêu cực và biện pháp giảm thiểu

- Du lịch phát triển có thể tạo ra các sáo trộn nhất định về cơ cấu kinh tế cũng như các hoạt động xã hội tại địa phương. Du lịch phát triển có thể làm tăng dân số cơ học khi có nhiều người tham gia cung ứng các dịch vụ du lịch hoặc cạnh tranh kinh doanh, việc làm với người địa phương. Do đó, cần có các biện pháp quả lý hộ khẩu và quản lý các cửa hàng kinh doanh theo đúng quy định nhằm đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh trong kinh doanh cũng như cơ hội việc làm.

- Về văn hóa: Các hoạt động du lịch làm tăng cơ hội tiếp cận xong cũng có khả năng làm thay đổi một số nét văn hóa ở địa phương. Các hoạt động văn hóa truyền thống có khả năng bị thương mại hóa, hoặc biến dạng theo chiều hướng khác làm thay đổi bản chất của các hoạt động. Do đó, cũng cần có sự quản lý đối với các hoạt động văn hóa phục vụ du lịch.

3.9. Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái

3.9.1. Quản lý nhà nước về du lịch, dịch vụ

- Các hoạt động du lịch trong Khu bảo tồn sẽ được thống nhất quản lý bởi Ban quản lý Khu bảo tồn Xuân Liên theo đúng quy định của pháp luật.

- Các hoạt động xây dựng và du lịch trong Khu bảo tồn sẽ tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Các hoạt động xây dựng và du lịch trong phạm vi vùng hồ Cửa Đạt sẽ tuân thủ quy định của Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi.

- Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên sẽ phối hợp chặt chẽ với:

+ Chính quyền địa phương như huyện Thường Xuân, các xã vùng đệm để tổ chức các hoạt động du lịch và quản lý khách du lịch trên địa bàn.

+ Cơ quan quản lý Văn hóa, Du lịch như Sở văn Hóa, Thể thao và Du lịch, phòng văn hóa – thông tin huyện Thường Xuân để quản lý, giám sát các hoạt động du lịch trên địa bàn.

+ Phối hợp với các cơ quan Công an, Biên phòng ở địa phương để quản lý về lưu trú, an ninh đối với các hoạt động du lịch.

- Định kỳ, Xuân Liên sẽ xây dựng các báo cáo về hoạt động du lịch báo cáo với cơ quan có chức năng, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý

nhà nước có liên quan về tình hình hoạt động du lịch.

3.9.2. Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái

- Hoạt động giám sát được Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan địa phương thực hiện thường xuyên. Đối với Xuân Liên là một khu bảo tồn và nhiệm vụ bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học là nhiệm vụ trọng tâm, việc đánh giá và giám sát cũng giúp đảm bảo rằng, các hoạt động du lịch không ảnh hưởng mà còn có tác động tích cực tới thiên nhiên và môi trường. Hoạt động giám sát sẽ bao gồm:

+ Giám sát việc xây dựng các công trình theo đúng quy hoạch và tiến độ để đảm bảo không có các vi phạm và quản lý các tác động, ô nhiễm nếu có;

+ Giám sát các hoạt động kinh doanh du lịch về nội dung hoạt động và các yếu tố an toàn cho người tham gia;

+ Giám sát các hoạt động có trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, hay cam kết bảo vệ môi trường để đảm bảo tính tuân thủ và việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, bồi hoàn.

- Hàng năm tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án, kịp thời đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của hoạt động du lịch và hoạt động chung của Khu bảo tồn .

- Các báo cáo, biên bản giám sát đánh giá và đề xuất cải thiện tình hình thực hiện các dự án, hoạt đông du lịch sẽ được lưu và gửi kèm theo báo cáo tới các cơ quan có liên quan.

3.10. Hiệu quả của đề án

3.10.1. Hiệu quả kinh tế

- Việc thực hiện đề án sẽ giúp tăng nguồn thu cho khu bảo tồn; nguồn thu đó sẽ được sử dụng để tái đầu tư cho các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trong khu BTTN Xuân Liên.

- Thực hiện đề án sẽ giúp thúc đẩy sự phát triển của kinh tế địa phương, tạo công việc cho cộng đồng vùng đệm. Các hoạt động du lịch sẽ tăng nguồn cho địa phương và góp phần thúc đẩy hoạt động phát triển kinh tế trong huyện Thường Xuân, đặc biệt là các hoạt động dịch vụ.

- Đối với các hộ gia đình vùng đệm, sẽ trực tiếp và gián tiếp tham gia vào các hoạt động du lịch thông qua cung cấp các dịch vụ, cung ứng sản phẩm, hàng hóa qua đó đẩy mạnh việc tiêu thụ nông sản, thủy sản, hàng hoá; khuyến khích đầu tư sản xuất tạo hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn từ nông nghiệp hay khai thác tài nguyên rừng truyền thống sang kinh tế dịch vụ. Việc chuyển dịch đó góp phần cải thiện và nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng dân cư ở địa phương.

3.10.2. Hiệu quả về xã hội

- Hoạt động dịch vụ du lịch ở Khu BTTN Xuân Liên sẽ thu hút được

nguồn lao động địa phương, góp phần tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo và ổn định đời sống nhân dân ở các xã vùng đệm.

- Nhờ các hoạt động du lịch, các cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công trình phúc lợi sẽ được đầu tư xây dựng, các hoạt động văn hóa truyền thống được phục hồi và duy trì, góp phần làm thay đổi đời xã hội của cộng đồng.

- Hoạt động du lịch, tăng cường tiếp xúc và giao lưu với khách cũng giúp người dân vùng đệm nâng cao dân trí, nếp sống văn minh, lành mạnh.

3.10.3. Hiệu quả về môi trường

- Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa gắn vớigiáo dục và diễn giải về môi trường. Do đó, khi tham gia vào hoạt động DLST sẽ hiểu, trân trọng hơn các giá trị của thiên nhiên, đa dạng sinh học.

- Các hoạt động du lịch sinh thái không chỉ có hiệu quả về mặt kinh tế mà còn có tác dụng giáo dục năng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng đối với môi trường, đa dạng sinh học.

- Thực hiện đề án làm tăng nguồn thu cho Khu bảo tồn, nguồn thu đó sẽ được tái đâu tư cho hoạt động bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học. Qua đó các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, công tác bảo vệ rừng có hiệu quả hơn, độ che phủ của rừng được nâng cao sẽ cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái hiệu quả hơn như giữ nước, điều hòa được dòng chảy, hạn chế xói mòn, cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt cho cộng đồng.

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên

Sau khi đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên được phê duyệt. Ban quản lý khu BTTN Xuân Liên chủ trì, phối hợp với các ban ngành chức năng thực hiện các nhiệm vụ:

Công bố công khai các nội dung của Đề án; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung Đề án được phê duyệt.

Hằng năm, xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án được phê duyệt; đề xuất xây dựng các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Tổ chức xúc tiến, kêu gọi đầu tư từ các tổ chức trong và ngoài nước, tranh thủ chỉ đạo và hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương.

Có các giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư hợp pháp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án; chủ trì, phối hợp với các nhà đầu tư để lập các dự án, tiểu dự án đầu tư và các phương án liên doanh, liên kết, kêu gọi đầu tư kết hợp bảo vệ, phát triển rừng bền vững trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án cho Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, để tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất; đồng thời, chủ trì, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT để sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án hàng năm và 5 năm.

4.2. Sở Nông nghiệp và PTNT

Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên trong suốt quá trình triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động của Đề án được phê duyệt, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định về đầu tư, đất đai, lâm nghiệp, du lịch, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Chỉ đạo, tham mưu cho UBND tỉnh lồng ghép các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững hàng năm, giai đoạn với thực hiện các nhiệm vụ của Đề án này.

Phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh quản lý, trình, thẩm định các dự án đầu tư phát triển tại các phân khu du lịch theo quy định; hỗ trợ khu BTTN Xuân Liên trong việc thu hút, kêu gọi các nguồn vốn đầu tư thực hiện hiệu các các nội dung, hoạt động của Đề án được phê duyệt.

4.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Thường Xuân và các đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên, các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức quản lý các hoạt động du lịch sinh thái, bảo tồn di sản văn hóa, lịch sử trong khu bảo tồn; lồng ghép kế hoạch, chương trình, quy hoạch phát triển du lịch toàn tỉnh với phát triển du lịch tại Khu BTTN Xuân Liên

4.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan tham mưu,cân đối, bố trí nguồn vốn, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và thẩm định chủ trương đầu tư để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo nội dung đề án được phê duyệt theo đúng quy định.

4.5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan để tham mưu, báo cáo UBND, HĐND tỉnh cân đối các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước trong kế hoạch ngân sách hàng năm và nguồn vốn lồng ghép do ngân sách tỉnh đảm nhận theo quy định để thực hiện hiệu quả các nội dung được phê duyệt.

4.6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên và các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường theo quy định của Nhà nước về đánh giá tác động môi trường khi Đề án hoạt động, xử lý nghiêm minh những hành vi gây ô nhiễm môi trường, gây tác động xấu đến môi trường sinh thái theo quy định.

4.7. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên chấp hành, triển khai các hoạt động liên quan đến lĩnh vực xây dựng của các dự án đầu tư du lịch trên địa bàn; quản lý hoạt động xây dựng, dự án đầu tư xây dựng theo phân công, phân cấp quản lý.

4.8.Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khu vực biên giới; quản lý, điều kiện thuận lợi cho du khách nước ngoài đăng ký làm thủ tục vào khu vực biên giới quốc gia theo quy định; đảm bảo an ninh biên giới và an toàn cho du khách khi vào khu vực biên giới theo đúng quy định của pháp luật.

4.9. Công an tỉnh Thanh Hóa

Chỉ đạo Công an huyện Thường Xuântạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch là người nước ngoài đăng ký làm thủ tục vào khu vực biên giới quốc gia theo quy định. Phân công cán bộ theo dõi, phụ trách địa bàn có điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho du khách. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở kinh doanh du lịch thu hút và tổ chức các hoạt động dịch vụ cho khách du lịch, hướng dẫn thực hiện theo quy định của pháp luật.

4.10. Ủy ban nhân dân huyện Thường Xuân

Chỉ đạo UBND các xã trong vùng quy hoạch Khu BTTN Xuân Liên phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng trên địa bàn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, và các ngành có liên quan hỗ trợ Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên thúc đẩy kêu gọi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch sinh thái, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư kinh doanh có hiệu quả trên địa bàn huyện; cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách huyện để thực hiện cácnhiệm vụ của Đề án theo đúng quy định của pháp luật..

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các chương trình phát triển du lịch trên địa bàn; quản lý tài nguyên du lịch trên địa bàn theo Luật Du lịch; phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các Chỉ thị 18/CT-TTg, 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giữ gìn trật tự trị an, vệ sinh môi trường tại các điểm trên địa bàn.

Hỗ trợ Khu BTTN Xuân Liên thúc đẩy kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực du lịch sinh thái, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các doanh nghiệp, các nhà đầu tư kinh doanh có hiệu quả trên địa bàn huyện. Ưu tiên cân đối từ nguồn ngân sách huyện để thực hiện một số hạng mục đầu tư trong Đề án.

4.11. Doanh nghiệp, Hiệp hội Du lịch và các tổ chức xã hội khác

Doanh nghiệp, hiệp hội và tổ chức xã hội liên quan chủ động xây dựng và thực hiện Đề án này nhằm triển khai hiệu quả các kế hoạch cụ thể và khai thác tiềm năng, lợi thế.

4.12. Các xã, cộng đồng dân cư trong vùng đệm Khu bảo tồn

- Cộng đồng dân cư vùng dự án là nhân tố quan trọng đối với việc bảo vệ và phát triển rừng, phát triển du lịch tại địa phương. Họ là lực lượng tại chỗ tham gia QLBVR theo hướng thực hiện cơ chế đồng quản lý rừng; đồng thời tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các hoạt động du lịch thông qua hoạt động cung ứng các dịch vụ.

- Chính quyền các xã, cộng đồng dân cư vùng dự án có trách nhiệm cùng với Ban quản lý Khu bảo tồn thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nội dung hoạt động trong khuôn khổ Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường; tham gia giám sát các hoạt động của Khu bảo tồn.

4.13. Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3; các sở, ban, ngành, địa phương liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình phối hợp với Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án./.

Phần thứ năm

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

- Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên được xây dựng dựa trên cơ sở điều tra và đánh giá trên thực tế đảm bảo khoa học và thực tế ở Xuân Liên;

- Việc lựa chọn các điểm, tuyến tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên và lộ trình đầu tư, các hạng mục ưu tiên đầu tư và đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện cũng dựa vào sử dụng bộ tiêu chí lựa chọn, đánh giá và phân tích thực tế tài nguyên du lịch tại các điểm và tuyến du lịch;

- Đề án được phê duyệt, thực hiện sẽ giúp nâng cao hiểu quả hoạt động, tăng nguồn thu cho khu BTTN Xuân Liên, huyện Thường Xuân nói riêng và cho tỉnh Thanh Hóa nói chung. Khi được phê duyệt và thực hiện, Đề án sẽ phát huy lợi thế về các điều kiện thiên nhiên và xã hội nhằm thu hút được các nguồn đầu tư của xã hội để phát triển du lịch, tạo việc làm và tăng nguồn thu cho ngân sách, tăng thu nhập cho công đồng vùng đệm;

- Đề án được phê duyệt, thực hiện sẽ giúp nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng đối với việc bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học ở khu BTTN Xuân Liên nói riêng và ở tỉnh Thanh Hóa nói chung;

- Đề án được phê duyệt, thực hiện sẽ giúp Xuân Liên góp phần của mình vào việc thực hiện "Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030" và "Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030".

5.2. Kiến nghị

- Đề nghị Sở Nông nghiệp&PTNT tỉnh Thanh Hóa thẩm định đề án phát triển Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên; báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt để đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện đúng tiến độ;

- Đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa cùng các sở, ban, ngành có liên quan có những cơ chế, chính sách, nguồn vốn để hỗ trợ đẩy mạnh đầu tư Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu BTTN Xuân Liên./.

PHỤ BIỂU 01: TỔNG HỢP CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
A	**CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**				**1.302.700**	**113.200**	**26.500**	**86.700**	**1.189.500**	
I	**Điểm trung tâm du khách**				**51.950**	**51.950**	**10.400**	**41.550**	**-**	
1	***Dự án Khu liên hợp Hành chính - dịch vụ***				***19.150***	***19.150***	***6.000***	***13.150***	**-**	
-	Trung tâm bảo tồn, phát triển sinh vật và dịch vụ môi trường rừng: (Khu văn phòng làm việc; Sa bàn mô phỏng các tuyến điểm du lịch Khu BTTN Xuân Liên; Khu trưng bày bán bàng lưu niệm; Khu chiếu phim tuyên truyền giáo dục môi trường kết hợp hội nghị, hội thảo)	Công trình	1	8.000	8.000	8.000	1.600	6.400	-	QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
-	Khu nhà khách trung tâm Khu Bảo tồn	Công trình	1	5.000	5.000	5.000		5.000	-	Đề xuất mới
-	Sửa chữa nâng cấp khu làm việc, mua sắm các hạng mục phụ trợ ban quản lý khu BTTN Xuân Liên	Công trình	1	2.800	2.800	2.800	2.800	-	-	Đề xuất mới
-	Cổng vào Khu bảo tồn	Công trình	1	500	500	500	500	-	-	QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
-	Cải tạo cảnh quan, cây xanh ven đường giao thông trên	Km	18,5	100	1.850	1.850	1.100	750	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
	tuyến đường từ BQL khu bảo tồn đi vào bến thuyền Hồ Cửa Đạt và đi Trạm KL Sông Khao									12/12/2012
-	Trồng cây tạo cảnh quan tại phân khu dịch vụ hành chính Khu bảo tồn	Dự án	1	1.000	1.000	1.000		1.000	-	Đề xuất mới
2	***Dự án xây dựng Vườn thực vật***				***7.100***	***7.100***	***2.600***	***4.500***	***-***	
-	Trồng sưu tập vườn thực vật các loài cây bản địa (100 ha) và hàng rào xanh bao quanh	Ha	100	70	7.000	7.000	2.500	4.500	-	QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
-	Nhà vệ sinh công cộng trên tuyến đường đi bộ Vườn thực vật (01 nhà, diện tích xây dựng 10m2/nhà)	Nhà	1	100	100	100	100	-	-	Đề xuất mới
3	***Dự án Hồ sinh thái***				***1.800***	***1.800***	***-***	***1.800***	***-***	
-	Dự án nạo vét lòng Hồ chứa nước sinh thái tạo cảnh quan cho du lịch và tạo nguồn nước phục vụ phòng cháy, qui mô 2ha	Ha	2	400	800	800	-	800	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
-	Dự án xây dựng cầu bến thuyền và bậc tam cấp Hồ chứa nước sinh thái	Hệ thống	1	1.000	1.000	1.000		1.000	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
4	***Dự án Khu bến thuyền Cửa Đạt***				***12.300***	***12.300***	***1.800***	***10.500***	***-***	
-	Dự án Xây dựng bến thuyền Cửa Đạt: Kè bê tông, chiều dài 300m; Cầu bến thuyền theo	Bến thuyền	1	8.000	8.000	8.000	-	8.000	-	Đề xuất mới

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
	mực nước dâng; Bãi đỗ xe: Diện tích 500m2; Khu neo đậu, tránh trú mùa mưa bão									
-	Dự án xây dựng nhà nghỉ chân chờ đón khách khu bến thuyền Cửa Đạt: Công trình nhà cấp IV, diện tích 150m2, sức chứa 100 khách	M2	150	10	1.500	1.500	-	1.500	-	Đề xuất mới
-	Dự án xây dựng trạm cứu hộ, cứu nạn bến thyền Cửa Đạt: Công trình nhà cấp IV, diện tích 100m2	M2	100	10	1.000	1.000	-	1.000	-	Đề xuất mới
-	Dự án xây dựng nhà vệ sinh công cộng Đạt chuẩn theo quy hoạch của ngành Du lịch	Công trình	1	300	300	300	300	-	-	Đề xuất mới
5	***Bãi thu gom chất thải rắn trung gian tại Khu trung tâm du lịch sinh thái để chuyển xử lý tại Khu xử lý của Thị trấn Cửa Đạt và xây tường bao quanh***	***Khu***	***1***	***1.500***	***1.500***	***1.500***	***1.500***	-		QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
6	***Hệ thống đường giao thông kết nối***				***11.600***	***11.600***	***-***	***11.600***	***-***	
-	Đường từ bến thuyền Đập Cửa Đạt đi trạm KL Cửa Đạt	Km	1	2.000	2.000	2.000		2.000	-	Đề xuất mới
-	Đường nối tiếp tuyến đường Tả ngạn đập Cửa Đạt đi trạm kiểm lâm Sông Khao	Km	6	1.600	9.600	9.600		9.600	-	Đề xuất mới
II	**Điểm du lịch sinh thái, nghỉ**				**304.800**	**7.800**	**800**	**7.000**	**297.000**	

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
	dưỡng									
1	***Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí***	***Khu***	***1***	***800***	***800***	***800***	***800***	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
2	***Dự án làng du lịch sinh thái***				***107.500***	-	-	-	***107.500***	
-	Nhà ở sinh thái quy mô hộ gia đình	Nhà	35	2.500	87.500			-	87.500	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
-	Khu nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng kết hợp nhà hàng ẩm thực	Nhà	1	10.000	10.000			-	10.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1	10.000	10.000			-	10.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
3	***Dự án Khu nghỉ dưỡng sinh thái, trung tâm hội nghị, nhà hàng ẩm thực, spa chăm sóc sức khỏe***				***117.500***	-	-	-	***117.500***	
-	Nhà nghỉ sinh thái biệt lập	Nhà	15	3.500	52.500			-	52.500	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
-	Khu nhà hàng ẩm thực	Khu	1	10.000	10.000			-	10.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
-	Khu trung tâm quản lý điều hành kết hợp nhà hội nghị, hội thảo	Khu	1	25.000	25.000			-	25.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
-	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm thuốc	Khu	1	15.000	15.000			-	15.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1	15.000	15.000			-	15.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
4	***Bến thuyền Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng***	***Bến thuyền***	***1***	***2.000***	***2.000***			***-***	***2.000***	***QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012***
5	***Dự án Khu cắm trại và khu vui chơi suối thác Hón Bố***				***70.000***	***-***	***-***	***-***	***70.000***	
-	Cải tạo khai thác điểm suối thác hón Bố qui mô 2,4 ha, chiều dài 1,2 km thành khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…)	Khu	1	50.000	50.000			-	50.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
-	Xây dựng khu cắm trại Picnic, qui mô 5ha	Khu	1	10.000	10.000			-	10.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1	10.000	10.000			-	10.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
6	***Hệ thống cấp điện cho Khu***	***Hệ***	***1***	***7.000***	***7.000***	***7.000***		***7.000***	***-***	***QĐ số 4168/QĐ-***

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
	du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (Đường dây tải và Trạm biến áp)	***thống***								***UBND, ngày 12/12/2012***
III	**Điểm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao**				**8.575**	**8.575**	**1.100**	**7.475**	**-**	
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao	Khu	1	800	800	800	800	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
2	Dự án nâng cấp xây dựng khu nhà quản lý điều hành, nhà chế biến thức ăn quy mô 0,2 ha	Dự án	1	3.000	3.000	3.000		3.000	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
3	Hàng rào điện	Km	1,5	750	1.125	1.125		1.125	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
4	Bến thuyền Khu chăn thả động vật bán hoang dã	Bến thuyền	1	500	500	500		500	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
5	Đường đi bộ nội vùng Khu chăn thả động vật bán hoang dã	Km	5	300	1.500	1.500		1.500	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
6	Hệ thống cấp nước phục vụ Khu cứu hộ, chăn thả động vật bán hoang dã	Hệ thống	1	1.350	1.350	1.350		1.350	-	
7	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho Khu chăn thả động vật bán hoang dã Sông Khao	Hệ thống	1	300	300	300	300	-	-	
IV	**Khu du lịch nghỉ dưỡng cao**				**222.400**	**10.400**	**800**	**9.600**	**212.000**	

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
	cấp (Resort)									
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu nghỉ dưỡng cao cấp	Khu	1	800	800	800	800	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
2	Biệt thự nghỉ dưỡng hạng sang	Nhà	15	7.000	105.000			-	105.000	Đề xuất mới
3	Khu nhà quản lý điều hành kết hợp Khu nhà hàng cao cấp	Khu	1	15.000	15.000			-	15.000	Đề xuất mới
4	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm thuốc	Khu	1	15.000	15.000			-	15.000	Đề xuất mới
5	Khu liên hợp thể dục, thể thao	Khu	1	35.000	35.000			-	35.000	Đề xuất mới
6	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ	Khu	1	30.000	30.000			-	30.000	Đề xuất mới
7	Bến thuyền Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Resort)	Bến thuyền	1	2.000	2.000			-	2.000	
8	Hệ thống cấp điện cho Khu nghỉ dưỡng cao cấp (Đường dây tải và Trạm biến áp)	Hệ thống	1	10.000	10.000			-	10.000	
9	Đường ven hồ từ đập chính Cửa Đạt đi đập phụ Hón Can	Km	6	1.600	9.600	9.600		9.600	-	Đề xuất mới
V	**Điểm trình diễn mô hình rừng**				**5.025**	**5.025**	**1.500**	**3.525**	**-**	
1	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy quả	Ha	48	15	720	720		720	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
2	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy đồ uống	Ha	15	15	225	225		225	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
3	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy dầu và dược liệu	Ha	50	15	750	750		750	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
4	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy gia vị	Ha	12	15	180	180		180	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
5	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây cảnh quan (Trồng tập trung hoặc trồng theo đường đồng mức Cos 121)	Ha	30	45	1.350	1.350		1.350	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
6	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy rau	Ha	20	15	300	300		300	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
7	Xây dựng Bến thuyền Khu trình diễn mô hình rừng	Bến thuyền	1	500	500	500	500	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
8	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng sử dụng vật liệu tại chỗ: 2 nhà, diện tích 10m2/nhà	Nhà	2	100	200	200	200	-	-	Đề xuất mới
9	Xây dựng khu rừng cắm trại tại điểm trình diễn mô hình rừng	Khu	1	800	800	800	800	-	-	Đề xuất mới
VI	**Điểm du lịch thác Yên**				**225.300**	**800**	**800**	**-**	**224.500**	
1	***Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch thác Yên***	***Khu***	***1***	***800***	***800***	***800***	***800***	**-**	**-**	KH Số 220/KH-UBND ngày 27/12/2018
2	***Dự án khu nhà nghỉ***				***79.500***	**-**	**-**	**-**	***79.500***	

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
	Bungalow sinh thái, nhà hàng ẩm thực, spa chăm sóc sức khỏe									
-	Bungalow nghỉ dưỡng sinh thái	Nhà	15	2.500	37.500			-	37.500	Đề xuất mới
-	Khu nhà quản lý điều hành kết hợp nhà hàng ẩm thực	Khu	1	10.000	10.000			-	10.000	Đề xuất mới
-	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm khoáng	Khu	1	20.000	20.000			-	20.000	Đề xuất mới
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ	Khu	1	10.000	10.000			-	10.000	Đề xuất mới
-	Bến thuyền Khu du lịch nghỉ dưỡng thác Yên	Bến thuyền	1	2.000	2.000			-	2.000	
3	***Khu cắm trại và khu vui chơi tắm suối thác Yên***				***70.000***	***-***	***-***	***-***	***70.000***	
-	Cải tạo khai thác điểm suối thác Yên thành khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…)	Khu	1	50.000	50.000			-	50.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
-	Xây dựng khu cắm trại Picnic Hón Yên, qui mô 5ha	Khu	1	10.000	10.000			-	10.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ	Khu	1	10.000	10.000			-	10.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
4	***Dự án Khu Đền mẫu***				***75.000***	**-**	**-**	**-**	***75.000***	
-	Khu Đền mẫu	Khu	1	50.000	50.000			-	50.000	Đề xuất mới
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1	25.000	25.000			-	25.000	Đề xuất mới
VII	**Điểm du lịch Hón Can**				**97.500**	**-**	**-**	**-**	**97.500**	
1	Nhà nghỉ sinh thái HomeStay kiến trúc nhà sàn truyền thống của người dân tộc Thái	Nhà	15	4.500	67.500			-	67.500	Đề xuất mới
2	Khu nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng kết hợp nhà hàng ẩm thực	Nhà	1	10.000	10.000			-	10.000	Đề xuất mới
3	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm khoáng	Trung tâm	1	10.000	10.000			-	10.000	Đề xuất mới
4	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1	10.000	10.000			-	10.000	Đề xuất mới
VIII	**Điểm du lịch thác Thiên Thủy**				**75.200**	**3.200**	**800**	**2.400**	**72.000**	
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch thác Thiên Thủy	Khu	1	800	800	800	800	-	-	KH Số 220/KH-UBND ngày 27/12/2018
2	Dự án khu nhà chờ đón khách kết hợp nhà quản lý điều hành tour	Nhà	1	2.000	2.000			-	2.000	Đề xuất mới

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
3	Dự án Cải tạo khai thác điểm suối thác Thiên Thủy qui mô 9,5 ha, chiều dài 3,5 km thành khu cắm trại Picnic và Khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…)	Dự án	1	60.000	60.000			-	60.000	Đề xuất mới
4	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	Khu	1	10.000	10.000			-	10.000	Đề xuất mới
5	Nâng cấp đường từ trạm BVR Hón Can đi thác Thiên Thủy	Km	8	300	2.400	2.400		2.400	-	Đề xuất mới
IX	**Điểm du lịch đỉnh Pù Gió**				**10.000**	**-**	**-**	**-**	**10.000**	
1	Dự án Điểm vọng cảnh Cột cờ chiến thắng đỉnh Pù Gió (phục dựng di tích trận địa pháo phòng không trong kháng chiếng chống Mỹ)	Dự án	1	8.500	8.500			-	8.500	Đề xuất mới
2	Dự án cải tạo khu rừng cắm trại, quy mô 5ha và hệ thống các công trình phụ trợ (nhà vệ sinh công cộng…)	Dự án	1	1.500	1.500			-	1.500	Đề xuất mới
X	**Điểm rừng nguyên sinh bản Vịn**				**1.200**	**1.200**	**-**	**1.200**	**-**	
1	Dự án cải tạo khu rừng cắm trại, quy mô 5ha	Dự án	1	1.200	1.200	1.200		1.200	-	

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
XI	**Tuyến du lịch ngược dòng Sông Chu**				**23.050**	**3.300**	**1.850**	**1.450**	**19.750**	-
1	Xây dựng Lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ vào vườn thực vật	Cái	7	100	700	700		700	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
2	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho trạm kiểm lâm Sông Khao, Hón Mong, nhà nổi trạm Cửa Đạt	Hệ thống	3	300	900	900	900	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
3	Xây dựng 01 tháp quan sát cảnh quan ven hồ Cửa Đạt kết hợp quan sát tìm kiếm cứu nạn và quản lý bảo vệ cháy rừng	Cái	1	950	950	950	950	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
4	Đóng mới, cải tạo, nâng cấp thuyền du lịch tại hồ Cửa Đạt (thuyền 30 chỗ ngồi), phát triển dịch vụ du thuyền Hồ Cửa Đạt	Cái	10	500	5.000	-	-	-	5.000	
5	Đóng mới, cải tạo, nâng cấp thuyền du lịch hạng sang tại hồ Cửa Đạt (thuyền 100 chỗ ngồi), phát triển dịch vụ du thuyền Hồ Cửa Đạt	Cái	5	2.500	12.500	-	-	-	12.500	
6	Cải tạo và nâng cấp 15 ngôi nhà sàn hộ gia đình tại thôn Thanh Xuân kinh doanh du lịch HomeStay	Nhà	15	200	3.000	750		750	2.250	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
XII	**Tuyến du lịch Dã ngoại thác Yên**				**2.800**	**2.800**	**2.800**	**-**	**-**	-

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
1	Xây dựng 03 lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ thác Yên, diện tích 15m2/lều	Cái	3	100	300	300	300	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
2	Xây dựng hàng rào bảo vệ du khách trên tuyến đường đi bộ vào thác Yên	Km	1	1.200	1.200	1.200	1.200	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
3	Xây dựng điểm check in thác Hón Yên	Công trình	1	200	200	200	200	-	-	Đề xuất mới
4	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch dã ngoại thác Yên	Hệ thống	1	200	200	200	200	-	-	Đề xuất mới
5	Đường đi bộ xung quang khu vực thác Hón Yên	Km	2	450	900	900	900	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
XIII	**Tuyến du lịch sinh thái thác Thiên Thủy – đỉnh Pù Gió**				**11.750**	**9.500**	**2.300**	**7.200**	**2.250**	
1	Xây dựng lều nghỉ chân cho du khách trên tuyến du lịch Hón Can - thác Thiên Thủy - đỉnh Pù Gió, diện tích 15m2/lều	Cái	10	100	1.000	1.000		1.000	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
2	Xây dựng hàng rào bảo vệ du khách khu vực thác Thiên Thủy	Km	2	300	600	600	600	-	-	Đề xuất mới
3	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch sinh thái thác Thiên Thủy – đỉnh Pù Gió	Hệ thống	1	800	800	800	800	-	-	Đề xuất mới
4	Xây dựng điểm check in thác Thiên Thủy	Công trình	1	200	200	200	200	-	-	Đề xuất mới

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
5	Xây dựng điểm check in đỉnh Pù Gió	Công trình	1	400	400	400	400	-	-	Đề xuất mới
6	Xây dựng 01 tháp quan sát cảnh quan kết hợp theo dõi tập tính động vật trên đỉnh Pù Gió	Công trình	1	950	950	950		950	-	Đề xuất mới
7	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho thác Thiên Thủy	Hệ thống	1	300	300	300	300	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
8	Tuyến đường mòn đi bộ từ thôn Quạn xã Vạn Xuân đi đỉnh Pù Gió	Km	15	300	4.500	4.500		4.500	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
9	Cải tạo và nâng cấp 15 ngôi nhà hộ gia đình tại thôn Hang Cáu, kinh doanh du lịch HomeStay	Nhà	15	200	3.000	750		750	2.250	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
XIV	**Tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn**				**13.150**	**8.650**	**3.350**	**5.300**	**4.500**	
1	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn	Hệ thống	1	150	150	150	150	-	-	Đề xuất mới
2	Lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn	Cái	5	200	1.000	1.000		1.000	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
3	Xây dựng tháp quan sát cảnh quan trong rừng nguyên sinh bản Vịn kết hợp theo dõi tập tính động vật	Cái	2	950	1.900	1.900		1.900	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
4	Điểm check in cây di sản Việt	Công	1	200	200	200	200	-	-	Đề xuất mới

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
	Nam	trình								
5	Cải tạo, duy tu, bảo dưỡng đường đi bộ đến khu vực và quần thể cây di sản	Km	6	150	900	900		900	-	Đề xuất mới
6	Xây dựng đường tiếp nối lên quần thể cây Di sản	Km	2	1.500	3.000	3.000	3.000	-	-	Đề xuất mới
7	Cải tạo và nâng cấp 30 ngôi nhà sàn hộ gia đình tại thôn Đục (15 nhà) và thôn Vịn (15 nhà) kinh doanh du lịch HomeStay	Nhà	30	200	6.000	1.500		1.500	4.500	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
XV	**Tuyến du lịch cáp treo đỉnh Pù Gió:** Đường cáp treo với chiều dài tuyến là 10,4 có 04 trụ và 03 nhà ga	Dự án	1	250.000	250.000			-	250.000	Đề xuất mới
B	**HẠNG MỤC KHÁC**				**3.500**	**3.500**	**3.500**	**-**	**-**	
1	Xây dựng hệ thống các bảng quảng bá, bảng nội quy, bảng chỉ dẫn du lịch	Hệ thống	1	1.000	1.000	1.000	1.000	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
2	Xây dựng tư liệu quảng bá du lịch sinh thái Khu bảo tồn	Chương trình	1	500	500	500	500	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
3	Chương trình tập huấn kỹ năng du lịch sinh thái cho cán bộ khu bảo tồn và hướng dẫn viên du lịch cơ sở	Lớp	10	100	1.000	1.000	1.000	-	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
4	Trang bị hệ thống các thùng rác thải đặt tại các tuyến du lịch	Hệ thống	1	500	500	500	500	-		

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nguồn vốn				Căn cứ văn bản đã được phê duyệt
						Ngân sách nhà nước			Nguồn xã hội hóa	
						Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	NS TW và NS huyện		
5	Mua sắm các trang thiết bị phục vụ hoạt động du lịch tại Nhà bảo tàng động thực vật; Trung tâm cứu hộ động vật; Trung tâm du khách.	Dự án	1	500	500	500	500	-	-	QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
	Tổng cộng				**1.306.200**	**116.700**	**30.000**	**86.700**	**1.189.500**	

PHỤ BIỂU 02: TỔNG HỢP CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ THEO GIAI ĐOẠN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
A	**CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**	**1.302.700**	**997.350**	**87.350**	**13.950**	**73.400**	**910.000**	**305.350**	**25.850**	**12.550**	**13.300**	**279.500**
I	**Điểm trung tâm du khách**	**51.950**	**49.350**	**49.350**	**8.800**	**40.550**	**-**	**2.600**	**2.600**	**1.600**	**1.000**	**-**
1	***Dự án Khu liên hợp Hành chính - dịch vụ***	***19.150***	***18.150***	***18.150***	***6.000***	***12.150***	***-***	***1.000***	***1.000***	***-***	***1.000***	***-***
-	Trung tâm bảo tồn, phát triển sinh vật và dịch vụ môi trường rừng: (Khu văn phòng làm việc; Sa bàn mô phỏng các tuyến điểm du lịch Khu BTTN Xuân Liên; Khu trưng bày bán bàng lưu niệm; Khu chiếu phim tuyên truyền giáo dục môi trường kết hợp hội nghị, hội thảo)	8.000	8.000	8.000	1.600	6.400		-	-	-	-	-
-	Khu nhà khách trung tâm Khu Bảo tồn	5.000	5.000	5.000		5.000		-	-	-	-	-
-	Sửa chữa nâng cấp khu làm việc, mua sắm các hạng mục phụ trợ ban quản lý khu BTTN Xuân Liên	2.800	2.800	2.800	2.800			-	-	-	-	-
-	Cổng vào Khu bảo tồn	500	500	500	500			-	-	-	-	-
-	Cải tạo cảnh quan, cây xanh ven đường giao thông trên tuyến đường từ BQL khu bảo tồn đi vào bến thuyền Hồ Cửa Đạt và đi Trạm KL Sông Khao	1.850	1.850	1.850	1.100	750		-	-	-	-	-
-	Trồng cây tạo cảnh quan tại phân khu dịch vụ hành chính Khu bảo tồn	1.000	-	-				1.000	1.000	-	1.000	-

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
2	***Dự án xây dựng Vườn thực vật***	***7.100***	***7.000***	***7.000***	***2.500***	***4.500***	***-***	***100***	***100***	***100***	***-***	***-***
-	Trồng sưu tập vườn thực vật các loài cây bản địa (100 ha) và hàng rào xanh bao quanh	7.000	7.000	7.000	2.500	4.500		-	-	-	-	-
-	Nhà vệ sinh công cộng trên tuyến đường đi bộ Vườn thực vật (01 nhà, diện tích xây dựng 10m2/nhà)	100	-	-				100	100	100	-	-
3	***Dự án Hồ sinh thái***	***1.800***	***1.800***	***1.800***	***-***	***1.800***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***
-	Dự án nạo vét lòng Hồ chứa nước sinh thái tạo cảnh quan cho du lịch và tạo nguồn nước phục vụ phòng cháy, qui mô 2ha	800	800	800		800		-	-	-	-	-
-	Dự án xây dựng cầu bến thuyền và bậc tam cấp Hồ chứa nước sinh thái	1.000	1.000	1.000		1.000		-	-	-	-	-
4	***Dự án Khu bến thuyền Cửa Đạt***	***12.300***	***10.800***	***10.800***	***300***	***10.500***	***-***	***1.500***	***1.500***	***1.500***	***-***	***-***
-	Dự án Xây dựng bến thuyền Cửa Đạt: Kè bê tông, chiều dài 300m; Cầu bến thuyền theo mực nước dâng; Bãi đỗ xe: Diện tích 500m2; Khu neo đậu, tránh trú mùa mưa bão	8.000	8.000	8.000	-	8.000		-	-	-	-	-
-	Dự án xây dựng nhà nghỉ chân chờ đón khách khu bến thuyền Cửa Đạt: Công trình nhà cấp IV, diện tích 150m2, sức chứa 100 khách	1.500	1.500	1.500	-	1.500		-	-	-	-	-
-	Dự án xây dựng trạm cứu hộ, cứu nạn bến thyền Cửa	1.000	1.000	1.000	-	1.000		-	-	-	-	-

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
	Đạt: Công trình nhà cấp IV, diện tích 100m2											
-	Dự án xây dựng nhà vệ sinh công cộng Đạt chuẩn theo quy hoạch của ngành Du lịch	300	300	300	300			-	-	-	-	-
5	***Bãi thu gom chất thải rắn trung gian tại Khu trung tâm du lịch sinh thái để chuyển xử lý tại Khu xử lý của Thị trấn Cửa Đạt và xây tường bao quanh***	***1.500***						1.500	1.500	1.500	-	-
6	***Hệ thống đường giao thông kết nối***	***11.600***	***11.600***	***11.600***	***-***	***11.600***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***
-	Đường từ bến thuyền Đập Cửa Đạt đi trạm KL Cửa Đạt	2.000	2.000	2.000		2.000		-	-	-	-	-
-	Đường nối tiếp tuyến đường Tả ngạn đập Cửa Đạt đi trạm kiểm lâm Sông Khao	9.600	9.600	9.600		9.600		-	-	-	-	-
II	**Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng**	**304.800**	**219.800**	**7.800**	**800**	**7.000**	**212.000**	**85.000**	**-**	**-**	**-**	**85.000**
1	***Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí***	***800***	**800**	**800**	***800***			-	-	-	-	-
2	***Dự án làng du lịch sinh thái***	***107.500***	***70.000***	***-***	***-***	***-***	***70.000***	***37.500***	***-***	***-***	***-***	***37.500***
-	Nhà ở sinh thái quy mô hộ gia đình	87.500	50.000	-			50.000	37.500	-	-	-	37.500
-	Khu nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng kết hợp nhà hàng ẩm thực	10.000	10.000	-			10.000	-	-	-	-	-
-	Khuôn viên cảnh quan,	10.000	10.000	-			10.000	-	-	-	-	-

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
	đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)											
3	***Dự án Khu nghỉ dưỡng sinh thái, trung tâm hội nghị, nhà hàng ẩm thực, spa chăm sóc sức khỏe***	***117.500***	***95.000***	***-***	***-***	***-***	***95.000***	***22.500***	***-***	***-***	***-***	***22.500***
-	Nhà nghỉ sinh thái biệt lập	52.500	35.000	-			35.000	17.500	-	-	-	17.500
-	Khu nhà hàng ẩm thực	10.000	10.000	-			10.000	-	-	-	-	-
-	Khu trung tâm quản lý điều hành kết hợp nhà hội nghị, hội thảo	25.000	25.000	-			25.000	-	-	-	-	-
-	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm thuốc	15.000	15.000	-			15.000	-	-	-	-	-
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	15.000	10.000	-			10.000	5.000	-	-	-	5.000
4	***Bến thuyền Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng***	***2.000***	***2.000***				***2.000***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***
5	***Dự án Khu cắm trại và khu vui chơi suối thác Hón Bố***	***70.000***	***45.000***	***-***	***-***	***-***	***45.000***	***25.000***	***-***	***-***	***-***	***25.000***
-	Cải tạo khai thác điểm suối thác hón Bố qui mô 2,4 ha, chiều dài 1,2 km thành khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…)	50.000	30.000	-			30.000	20.000	-	-	-	20.000

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
-	Xây dựng khu cắm trại Picnic, qui mô 5ha	10.000	10.000	-			10.000	-	-	-	-	-
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	10.000	5.000	-			5.000	5.000	-	-	-	5.000
6	***Hệ thống cấp điện cho Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (Đường dây tải và Trạm biến áp)***	***7.000***	***7.000***	***7.000***		***7.000***		-	-	-	-	-
III	**Điểm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao**	**8.575**	**5.650**	**5.650**	**800**	**4.850**	**-**	**2.925**	**2.925**	**300**	**2.625**	**-**
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao	800	800	800	800			-	-	-	-	-
2	Dự án nâng cấp xây dựng khu nhà quản lý điều hành, nhà chế biến thức ăn quy mô 0,2 ha	3.000	3.000	3.000		3.000		-	-	-	-	-
3	Hàng rào điện	1.125	-	-				1.125	1.125	-	1.125	-
4	Bến thuyền Khu chăn thả động vật bán hoang dã	500	500	500		500		-	-	-	-	-
5	Đường đi bộ nội vùng Khu chăn thả động vật bán hoang dã	1.500	-	-				1.500	1.500	-	1.500	-
6	Hệ thống cấp nước phục vụ Khu cứu hộ, chăn thả động vật bán hoang dã	1.350	1.350	1.350		1.350		-	-	-	-	-
7	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho Khu chăn thả động vật bán hoang dã Sông Khao	300	-	-	-			300	300	300	-	-

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
IV	**Điểm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Resort)**	**222.400**	**156.900**	**10.400**	**800**	**9.600**	**146.500**	**65.500**	**-**	**-**	**-**	**65.500**
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu nghỉ dưỡng cao cấp	800	800	800	800			-	-	-	-	-
2	Biệt thự nghỉ dưỡng hạng sang	105.000	70.000	-			70.000	35.000	-	-	-	35.000
3	Khu nhà quản lý điều hành kết hợp Khu nhà hàng cao cấp	15.000	10.500	-			10.500	4.500	-	-	-	4.500
4	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm thuốc	15.000	9.000	-			9.000	6.000	-	-	-	6.000
5	Khu liên hợp thể dục, thể thao	35.000	25.000	-			25.000	10.000	-	-	-	10.000
6	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ	30.000	20.000	-			20.000	10.000	-	-	-	10.000
7	Bến thuyền Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Resort)	2.000	2.000	-			2.000	-	-	-	-	-
8	Hệ thống cấp điện cho Khu nghỉ dưỡng cao cấp (Đường dây tải và Trạm biến áp)	10.000	10.000	-			10.000	-	-	-	-	-
9	Đường ven hồ từ đập chính Cửa Đạt đi đập phụ Hón Can	9.600	9.600	9.600		9.600		-	-	-	-	-
V	**Điểm trình diễn mô hình rừng**	**5.025**	**1.350**	**1.350**	**-**	**1.350**	**-**	**3.675**	**3.675**	**1.500**	**2.175**	**-**
1	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy quả	720	-	-				720	720	-	720	-
2	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy đồ	225	-	-				225	225	-	225	-

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
	uống											
3	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy dầu và dược liệu	750	-	-				750	750	-	750	-
4	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy gia vị	180	-	-				180	180	-	180	-
5	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây cảnh quan (Trồng tập trung hoặc trồng theo đường đồng mức Cos 121)	1.350	1.350	1.350		1.350		-	-	-	-	-
6	Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy rau	300	-	-				300	300	-	300	-
7	Xây dựng Bến thuyền Khu trình diễn mô hình rừng	500	-	-				500	500	500	-	-
8	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng sử dụng vật liệu tại chỗ: 2 nhà, diện tích 10m2/nhà	200	-	-				200	200	200	-	-
9	Xây dựng khu rừng cắm trại tại điểm trình diễn mô hình rừng	800	-	-				800	800	800	-	-
VI	**Điểm du lịch thác Yên**	**225.300**	**167.800**	**800**	**800**	**-**	**167.000**	**57.500**	**-**	**-**	**-**	**57.500**
1	***Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch thác Yên***	***800***	**800**	**800**	***800***			-	-	-	-	-
2	***Dự án khu nhà nghỉ Bungalow sinh thái, nhà hàng ẩm thực, spa chăm sóc sức khỏe***	***79.500***	***52.000***	**-**	**-**	**-**	***52.000***	***27.500***	**-**	**-**	**-**	***27.500***
-	Bungalow nghỉ dưỡng sinh thái	37.500	25.000	-			25.000	12.500	-	-	-	12.500
-	Khu nhà quản lý điều hành kết hợp nhà hàng ẩm thực	10.000	10.000	-			10.000	-	-	-	-	-

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
-	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm khoáng	20.000	10.000	-			10.000	10.000	-	-	-	10.000
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ	10.000	5.000	-			5.000	5.000	-	-	-	5.000
-	Bến thuyền Khu du lịch nghỉ dưỡng thác Yên	2.000	2.000	-			2.000	-	-	-	-	-
3	***Khu cắm trại và khu vui chơi tắm suối thác Yên***	***70.000***	***70.000***	**-**	**-**	**-**	***70.000***	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
-	Cải tạo khai thác điểm suối thác Yên thành khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…)	50.000	50.000	-			50.000	-	-	-	-	-
-	Xây dựng khu cắm trại Picnic Hón Yên, qui mô 5ha	10.000	10.000	-			10.000	-	-	-	-	-
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ	10.000	10.000	-			10.000	-	-	-	-	-
4	***Dự án Khu Đền mẫu***	***75.000***	***45.000***	**-**	**-**	**-**	***45.000***	***30.000***	**-**	**-**	**-**	***30.000***
-	Khu Đền mẫu	50.000	30.000	-			30.000	20.000	-	-	-	20.000
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (nhà vệ sinh công cộng…)	25.000	15.000	-			15.000	10.000	-	-	-	10.000
VII	**Điểm du lịch Hón Can**	**97.500**	**50.000**	**-**	**-**	**-**	**50.000**	**47.500**	**-**	**-**	**-**	**47.500**

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
1	Nhà nghỉ sinh thái HomeStay kiến trúc nhà sàn truyền thống của người dân tộc Thái	67.500	25.000	-			25.000	42.500	-	-	-	42.500
2	Khu nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng kết hợp nhà hàng ẩm thực	10.000	10.000	-			10.000	-	-	-	-	-
3	Trung tâm chăm sóc sức khỏe (Spa) phục vụ dịch vụ xông hơi, massager, tắm khoáng	10.000	10.000	-			10.000	-	-	-	-	-
4	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)	10.000	5.000	-			5.000	5.000	-	-	-	5.000
VIII	**Điểm du lịch thác Thiên Thủy**	**75.200**	**57.800**	**800**	**800**	**-**	**57.000**	**17.400**	**2.400**	**-**	**2.400**	**15.000**
1	Lập quy hoạch định hướng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch thác Thiên Thủy	800	800	800	800			-	-	-	-	-
2	Dự án khu nhà chờ đón khách kết hợp nhà quản lý điều hành tour	2.000	2.000	-			2.000	-	-	-	-	-
3	Dự án Cải tạo khai thác điểm suối thác Thiên Thủy qui mô 9,5 ha, chiều dài 3,5 km thành khu cắm trại Picnic và Khu vui chơi giải trí tổng hợp (thể thao nước, máng trượt, Zipline, đua xe địa hình, tàu lượn, tham quan, check in, câu cá…)	60.000	50.000	-			50.000	10.000	-	-	-	10.000
4	Khuôn viên cảnh quan,	10.000	5.000	-			5.000	5.000	-	-	-	5.000

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
	đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (bãi gửi xe, nhà vệ sinh công cộng…)											
5	Nâng cấp đường từ trạm BVR Hón Can đi thác Thiên Thủy	2.400	-	-				2.400	2.400	-	2.400	-
IX	**Điểm du lịch đỉnh Pù Gió**	**10.000**	**10.000**	**-**	**-**	**-**	**10.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Dự án Điểm vọng cảnh Cột cờ chiến thắng đỉnh Pù Gió (phục dựng di tích trận địa pháo phòng không trong kháng chiến chống Mỹ)	8.500	8.500	-			8.500	-	-	-	-	-
2	Dự án cải tạo khu rừng cắm trại, quy mô 5ha và hệ thống các công trình phụ trợ (nhà vệ sinh công cộng…)	1.500	1.500	-			1.500	-	-	-	-	-
X	**Điểm rừng nguyên sinh bản Vịn**	**1.200**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.200**	**1.200**	**-**	**1.200**	**-**
1	Dự án cải tạo khu rừng cắm trại, quy mô 5ha	1.200	-	-				1.200	1.200	-	1.200	
XI	**Tuyến du lịch ngược dòng Sông Chu**	**23.050**	**18.950**	**1.450**	**-**	**1.450**	**17.500**	**4.100**	**1.850**	**1.850**	**-**	**2.250**
1	Xây dựng Lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ vào vườn thực vật	700	700	700		700		-	-	-	-	-
2	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho trạm kiểm lâm Sông Khao, Hón Mong, nhà nổi trạm Cửa Đạt	900	-	-				900	900	900	-	-
3	Xây dựng 01 tháp quan sát cảnh quan ven hồ Cửa Đạt kết hợp quan sát tìm kiếm cứu nạn và quản lý bảo vệ	950	-	-				950	950	950	-	-

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
	cháy rừng											
4	Đóng mới, cải tạo, nâng cấp thuyền du lịch tại hồ Cửa Đạt (thuyền 30 chỗ ngồi), phát triển dịch vụ du thuyền Hồ Cửa Đạt	5.000	5.000	-	-	-	5.000	-	-	-	-	-
5	Đóng mới, cải tạo, nâng cấp thuyền du lịch hạng sang tại hồ Cửa Đạt (thuyền 100 chỗ ngồi), phát triển dịch vụ du thuyền Hồ Cửa Đạt	12.500	12.500	-	-	-	12.500	-	-	-	-	-
6	Cải tạo và nâng cấp 15 ngôi nhà sàn hộ gia đình tại thôn Thanh Xuân kinh doanh du lịch HomeStay	3.000	750	750		750		2.250	-	-	-	2.250
XII	**Tuyến du lịch Dã ngoại thác Yên**	**2.800**	**200**	**200**	**200**	**-**	**-**	**2.600**	**2.600**	**2.600**	**-**	**-**
1	Xây dựng 03 lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ thác Yên, diện tích 15m2/lều	300	-	-	-			300	300	300	-	-
2	Xây dựng hàng rào bảo vệ du khách trên tuyến đường đi bộ vào thác Yên	1.200	-	-	-			1.200	1.200	1.200	-	-
3	Xây dựng điểm check in thác Hón Yên	200	200	200	200			-	-	-	-	-
4	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch dã ngoại thác Yên	200	-	-	-			200	200	200	-	-
5	Đường đi bộ xung quang khu vực thác Hón Yên	900	-	-				900	900	900	-	-
XIII	**Tuyến du lịch sinh thái thác Thiên Thủy – đỉnh Pù Gió**	**11.750**	**5.600**	**5.600**	**600**	**5.000**	**-**	**6.150**	**3.900**	**1.700**	**2.200**	**2.250**
1	Xây dựng lều nghỉ chân cho	1.000	500	500		500		500	500	-	500	-

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
	du khách trên tuyến du lịch Hón Can - thác Thiên Thủy - đỉnh Pù Gió, diện tích 15m2/lều											
2	Xây dựng hàng rào bảo vệ du khách khu vực thác Thiên Thủy	600	600	600	600			-	-	-	-	-
3	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch sinh thái thác Thiên Thủy – đỉnh Pù Gió	800	-	-				800	800	800	-	-
4	Xây dựng điểm check in thác Thiên Thủy	200	-	-				200	200	200	-	-
5	Xây dựng điểm check in đỉnh Pù Gió	400	-	-				400	400	400	-	-
6	Xây dựng 01 tháp quan sát cảnh quan kết hợp theo dõi tập tính động vật trên đỉnh Pù Gió	950	-	-		-		950	950	-	950	-
7	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho thác Thiên Thủy	300	-	-				300	300	300	-	-
8	Tuyến đường mòn đi bộ từ thôn Quạn xã Vạn Xuân đi đỉnh Pù Gió	4.500	4.500	4.500		4.500		-	-	-	-	-
9	Cải tạo và nâng cấp 15 ngôi nhà hộ gia đình tại thôn Hang Cáu, kinh doanh du lịch HomeStay	3.000	-	-		-		3.000	750	-	750	2.250
XIV	**Tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn**	**13.150**	**3.950**	**3.950**	**350**	**3.600**	**-**	**9.200**	**4.700**	**3.000**	**1.700**	**4.500**
1	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch khám phá rừng nguyên	150	150	150	150			-	-	-	-	-

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
	sinh bản Vịn											
2	Lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn	1.000	1.000	1.000		1.000		-	-	-	-	-
3	Xây dựng tháp quan sát cảnh quan trong rừng nguyên sinh bản Vịn kết hợp theo dõi tập tính động vật	1.900	950	950		950		950	950	-	950	-
4	Điểm check in cây di sản Việt Nam	200	200	200	200			-	-	-	-	-
5	Cải tạo, duy tu, bảo dưỡng đường đi bộ đến khu vực và quần thể cây di sản	900	900	900		900		-	-	-	-	-
6	Xây dựng đường tiếp nối lên quần thể cây Di sản	3.000	-	-				3.000	3.000	3.000	-	-
7	Cải tạo và nâng cấp 30 ngôi nhà sàn hộ gia đình tại thôn Đục (15 nhà) và thôn Vịn (15 nhà) kinh doanh du lịch HomeStay	6.000	750	750		750		5.250	750	-	750	4.500
XV	**Tuyến du lịch cáp treo đỉnh Pù Gió:** Đường cáp treo với chiều dài tuyến là 10,4 có 04 trụ và 03 nhà ga	250.000	**250.000**				250.000	-	-	-	-	-
B	**HẠNG MỤC KHÁC**	**3.500**	**1.000**	**1.050**	**1.050**	**-**	**-**	**2.500**	**2.450**	**2.450**	**-**	**-**
1	Xây dựng hệ thống các bảng quảng bá, bảng nội quy, bảng chỉ dẫn du lịch	1.000	-	-				1.000	1.000	1.000	-	-
2	Xây dựng tư liệu quảng bá du lịch sinh thái Khu bảo tồn	500	-	-				500	500	500	-	-
3	Chương trình tập huấn kỹ năng du lịch sinh thái cho cán bộ khu bảo tồn và	1.000	500	500	500			500	500	500	-	-

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			
				Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa		Cộng NSNN	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện và TW	Nguồn xã hội hóa
	hướng dẫn viên du lịch cơ sở											
4	Trang bị hệ thống các thùng rác thải đặt tại các tuyến du lịch	500		50	50			500	450	450		
5	Mua sắm các trang thiết bị phục vụ hoạt động du lịch tại Nhà bảo tàng động thực vật; Trung tâm cứu hộ động vật; Trung tâm du khách.	500	500	500	500			-	-	-	-	-
	Tổng cộng	**1.306.200**	**998.350**	**88.400**	**15.000**	**73.400**	**910.000**	**307.850**	**28.300**	**15.000**	**13.300**	**279.500**